

VÕ QUẢNG
Tặng Sáng
(Quê nội - phần II)

1

Thằng Cù Lao theo anh Sáu ra ở ngoài Đà Nẵng để học tập. Nhưng Đà Nẵng lại không yên. Hết bọn lính của Tưởng Giới Thạch đến đóng, lại đến lính Pháp đến kiểm soát việc rút lui của quân đội Nhật. Chúng có nhiều âm mưu đen tối. Anh Sáu phải cho thằng Cù Lao về lại Hoà Phước ở với anh Bốn Linh để tiếp tục việc học tập. Chú Năm Mùi gặp nó cười hì hì:

- Về đó hả? Hay lắm! Đang cần có chú!

Chú Năm Mùi nhìn sang phía tôi:

- Cả thằng Cúc nữa, cũng đang cần mày. Cách mạng đòi đời, chúng mày thắng chức mau đã dữ! Trước đây là chăn trâu, sau được thắng chức làm học trò. Sẽ được thắng làm thầy! Sướng chưa!

Trước đây bốn tháng, tôi chăn con trâu Bình. Mọi người gọi tôi bằng thằng, thằng Cúc. Sau đó, tôi được đi học, mọi người gọi tôi bằng trò, trò Nguyễn Văn Cúc. Nay lại được làm thầy, thầy Nguyễn Văn Cúc! Tôi ngờ ngợ, không tin ở lỗi tai mình. Tôi hỏi chú Năm Mùi:

- Thầy chi chú?

Chú Năm Mùi nói lơ lửng:

- Thầy, chớ còn thầy chi nữa! Thôi biết vậy cái đã. Tao đang búi xòm xòm! Còn phải đi họp, còn phải xuống lò rèn, còn phải lên xã... đi cái đã...

Nói xong, chú Năm Mùi vội vàng rút cái xác quàng lên vai, quày quả bước ra ngõ.

Thằng Cù Lao cũng không tin mình có thể tiến bộ một cách vượt bậc như vậy. Ở ngoài hải đảo nó đi bắt cá. Mọi người gọi nó bằng thằng. Về làng nó được đi học. Mọi người gọi nó bằng trò, trò Cù Lao. Nay được làm thầy! Tôi và thằng Cù Lao không dám nghĩ được làm thầy dạy học, một vinh dự quá lớn! Muốn được làm thầy dạy học, phải hiểu nhiều biết rộng, đi đứng phải nghiêm trang. Thằng Cù Lao hỏi tôi:

- Không biết bọn mình làm thầy chi? Ở ngoài cù lao Chàm cũng có người làm thầy. Ông lang làm cao đơn hoàn tán được gọi bằng thầy...

Tôi cố nhớ những người làm thầy:

- Ở đây cũng có nhiều thầy. Thầy bói xem quẻ biết được tiền của, vợ con, công danh, tôi tớ thế nào. Thầy tướng xem mặt mũi biết được người nói láo hay không nói láo. Thầy cúng đuổi được ma quỷ. Thầy đồng làm vong hồn người chết được nhập cốt. Nhưng tất cả đều láo toét! Ủy ban sẽ cấm hết, cả mấy ông thầy kiện hay đâm thọc cũng phải bỏ nghề. Chúng ta không làm những thầy đó!

Tôi chợt nhớ đến mấy ông thầy chùa vẫn còn tụng kinh gõ mõ. Các ông thầy chùa phải bị cạo trọc. Nhớ đến cái đầu trọc là tôi hoảng kinh. Chính con dao cạo của ông Bảy Hoá đã gây cho tôi biết bao đau khổ! Ông Bảy Hoá có cái thú được cạo trọc đầu người khác, hoặc ông không thích

người ta có tóc. Thịnh thoảng, ông đi ngang qua nhà tôi, nói thật to, cốt để mẹ và chị Ba tôi nghe rõ:

- Ô kìa! Cái tóc của thằng Cục tốt như rừng rậm kìa!

Mẹ và chị Ba cũng kêu lên:

- Tóc mày tốt rồi đó, để ông Bảy cạo đi!

Tôi vùng vằng:

- Không cạo đâu!

Ông Bảy Hoá cười khếch khếch:

- Có cạo thì tốt cho mày chớ có tốt cho tao đâu. Để vậy cũng được! Nhưng cái gương đây, soi thử coi.

Ông Bảy Hoá móc trong hầu bao ra một cái gương tí xiu chìa cho tôi. Tôi soi gương. Tóc của tôi có dài, nhưng chưa dài lắm. Tôi tản đi nơi khác, giả vờ bạn đưa trâu Bình ra sông uống nước.

Lần sau gặp tôi, ông kêu to hơn:

- Tóc mày búi được rồi đó! Búi lên một cục như đứa con gái! Cạo hay không cạo kệ mày. Nhưng cái gương đây cho mày soi thử, coi!

Cái gương chỉ thẳng tôi thấy tóc đã phủ xuống cổ. Tóc dài nom kì quá! Tôi đành ngồi xuống. Ông Bảy Hoá cười hì hì, lấy nước vỗ vào đầu tôi. Ông rút con dao cạo trong bao, liếc liếc vài cái vào ống quần rồi bắt đầu cạo. Mỗi nhát dao cạo làm tôi cứ tưởng mỗi miếng da đầu của tôi bị lóc. Xót quá, tôi co rúm người lại.

Ông Bảy ngừng tay:

- Thằng nhát như cáy!

Tôi nghiêng rặng, ngồi yên. Nhưng xót quá, tôi đẩy tay ông Bảy ra, đứng dậy. Ông Bảy cười to nắm chắc phần thắng:

- Mặc kệ mày! Để vậy cũng được! Tao cũng chẳng muốn cạo nữa đâu. – Ông vừa nói vừa xếp con dao cạo.

Tôi lấy gương dòm vào. Còn lại một mảng tóc ở ngay bên tai, nom kì quặc quá! Tôi đành ngồi lại để ông Bảy cạo nốt. Cái đầu tôi trắng hếu.

Sau ngày cướp chính quyền, một hôm, chị Ba tôi nói với mẹ:

- Thằng Cục cạo trọc, thấy nó hoá dữ. Cách mạng lên rồi. Phải đi cúp tóc để ngó cho văn minh mới được!

Tôi được đến hiệu để cắt tóc. Thằng Cù Lao bảo nó cũng được cách mạng giải phóng, khỏi bị cạo trọc đầu. Khi cạo trọc xong, nó xuống biển tắm. Nước mặn dưới biển ngấm vào nghe xót như cắt.

*

* *

Tôi và thằng Cù Lao đến nhà chú Năm Mùi để hỏi thăm về việc làm thầy. Nhưng anh Bốn Linh và thầy Lê Hảo đã ngồi ở đó. Chú Năm Mùi tiếp tục câu chuyện đang trao đổi:

- Anh Bốn là chỉ huy tự vệ. Đã là quân sự thì phải lo dẹp cho hết các thứ giặc. Nay Cụ Hồ chỉ cho dân thấy có ba thứ giặc: giặc đốt, giặc đói, giặc xâm lăng. Giặc xâm lăng chiếm nước ta tám mươi năm, giặc đói cũng vậy. Riêng giặc đốt chiếm nước ta đã nghìn năm. Vua chúa ngày trước đều bó tay, nay cách mạng về mới dám cử đại binh để tiêu diệt.

Thầy Lê Hảo gật gù:

- Chí lí! Chí lí!

Anh Bốn Linh hỏi:

- Vậy đánh đâu trước? Đánh thế nào đây?

Chú Năm Mùi quả quyết:

- Đánh hết và đánh mạnh! Ở đất này mọi người đều dốt đặc, nhưng lại làm biếng nở trời.

Làm biếng kiếm chuyện nói quanh. Bà Bảy Đá hỏi tôi: Học để làm chi? Chữ nghĩa không làm no bụng. Lắm người, dạ đầy chữ, bụng lại đói meo. Chỉ có tiền! Tiền mới làm no bụng. Tiền là ông chủ, có tiền mới sai khiến được thiên hạ. Bà nói tiền là cái địa bàn, hết tiền là mất phương hướng. Ông Kiềm Lài lại nói khác. Cái gì cũng không qua cái số. Được cái số thì không học cũng giỏi. Không được cái số thì học mấy cũng u mê. Thánh nhân giỏi từ trong bụng mẹ. Cái số ông dốt, ông đành chịu dốt.

Anh Bốn Linh tiếp theo:

- Chín người mười cuống họng!

Ông Nguyễn dạy thế võ cho đội tự vệ lại nói: Đã là thầy thì cái chi cũng phải hơn trò. Thầy dạy cho ông học phải giỏi võ, vì ông Nguyễn giỏi võ. Văn võ kiêm toàn mới làm thầy ông được. Thầy dạy lớp bình dân ở thôn ông chỉ là thằng con nít. Như vậy chương quá, ông không thêm học!

Mọi người cười hà hà. Thầy Lê Hảo cắt nghĩa:

- Cũng vì ta chưa nói cho bà con nghe rõ sự lí. Phải khai thông cái “trí” thì tai nghe mới thuận. Nghĩ vậy, tôi có làm bài thơ, nói sự lí đó.

Thầy Lê Hảo đã xuất khẩu là thành thơ. Thầy nói đọc ê a: “Nay Cách mạng thành công, sông núi xuất anh hùng, giang sơn liền một mối. Ông thiên lí xa soi nghìn dặm, muôn trí khôn dồn lại một bầu. Vậy nên già trẻ nghèo giàu, ai cũng phải diệt loài giặc dốt”!

Chú Năm Mùi và anh Bốn Linh đề chép miệng khen hay. Chỉ có câu “Muôn trí khôn dồn lại một bầu”, nghe chưa sướng. Vì khi cách mạng đã thành công, phải để trí khôn toả ra, không nên bắt trí khôn dồn lại.

Anh Sáu đã giảng giải: nước ta trước đây là một nhà tù lớn. Mọi người đều bị giam hãm trong dốt nát, trong áp bức, trong nghèo nàn, trong mê tín dị đoan. Nay cách mạng đã về, cách mạng phải mở rộng ra, phải giải phóng, không nên dồn lại. Anh Bốn xin bỏ câu “Muôn trí khôn dồn lại một bầu” và thế vào bằng câu “Mang trí khôn mở rộng cuộc đời”, thay chữ “dồn” bằng chữ “mở”.

Chú Năm Mùi, cả thầy Lê Hảo đều gật gù khen chữ “mở” đã làm cho bài thơ càng tuyệt diệu.

Anh Bốn Linh ra dáng suy nghĩ:

- Nhưng còn thầy dạy, lấy đâu cho đủ?

Chú Năm Mùi như đã sắp xếp từ trước:

- Thầy giỏi đã có anh Bảy Hoàn. Anh có cả một thùng sách. Thầy xóm dưới đã có thằng Tân, nó là đội viên, vừa siêng năng vừa thông thái...

Chú Năm Mùi nhìn về phía tôi và thằng Cù Lao:

- Ta đã sẵn hai chiến sĩ diệt dốt kia. Chú Cù Lao học đã thành tài, nay sung vào đội quân diệt dốt là đúng! Chú Cục kia nữa, đã tốt nghiệp lớp ba tháng. Hai chú đều văn hay chữ tốt. Địa lí, lịch sử, cái chi cũng đều giỏi cả. Nay được thăng làm thầy là phải.

Anh Bốn Linh nhìn thẳng vào tôi và thằng Cù Lao:

- Đánh giặc ngoại xâm thì chưa đến tuổi tòng quân. Đánh giặc dốt thì cầm cày chưa vững. Đưa đi đánh giặc dốt là đúng lập trường!

Chú Năm Mùi như sức nhớ một việc quan trọng:

- Còn như bà Hiến, ban đêm cứ thấy một bóng đèn thành hai bóng đèn, đèn lớp không được. Hoặc ông Bốn Rì ban đêm phải làm thịt chó. Phải có thầy đến dạy tại nhà, làm vậy mới diệt được hết ổ giặc.

Anh Bốn Linh kêu lên:

- Phải! Rất phải! Tôi cứ quên Bà Hiến suốt đời đói khổ, ông Bốn Rì cực chẳng đã mới bán thịt chó. Chú Năm nói phải! Cách mạng phải nhớ đến họ... Ta phải cử thầy đến dạy...

Anh Bốn Linh nói xong vội vã cùng thầy Lê Hảo ra về. Chú Năm Mùi ngồi lại phân công ngay cho thằng Cù Lao ban ngày phải đến dạy bà Hiến học, còn tôi ban ngày phải đến dạy ông Bốn Rì học. Vừa nghe chú Năm phân công tôi phải dạy ông Bốn Rì, tôi giật nảy:

- Ôi! Cái ông Bốn Rì...

- Ông Bốn Rì, thì sao?

- Người ta cười tôi đó! Tôi đi dạy một lão bán thịt chó!

Tôi khịt mạnh:

- Lão nghe hôi lắm!

Chú Năm Mùi nhìn thẳng vào mắt tôi:

- Là hề! Tao ngồi gần ông, tao chẳng nghe có hôi hám chi cả, nghe thơm là khác. Mà đến bên ông hít hít vài cái thử coi. Người ta tưởng bậy đó thôi. Mà đã là chiến sĩ diệt dốt. Đã là chiến sĩ thì dù giặc dữ cũng phải xông vào, sợ chi cái hôi hám!

Tôi đang phân vân, chợt thằng Cù Lao cười nói:

- Cục không quen mùi thịt chó, cứ để ông Bốn Rì tôi lo. Còn Cục lo cho bà Hiến.

Tôi thở phào.

2

Vùng tôi trước đây không ai thèm ăn thịt chó, không phải vì có nhiều thịt. Không ăn thịt chó vì một thành kiến, thành kiến đó sau ngày Tổng khởi nghĩa còn khá nặng nề. Người ta có thể ăn thịt rắn, thịt chuột, thịt cóc, ăn cả những gì dạ dày không cho phép, cũng chẳng ai dị nghị gì cả. Nhưng nếu ăn thịt chó thì, ôi thôi, tất cả uy tín đều tiêu tan! Người đó bị xem là đứa phàm ăn. Mọi người đều tin thịt chó là loại thịt ô uế. Thịt chó vào bụng sẽ làm mất hết cái tinh khiết của con người. Nguy hại nhất là lúc chết! Người ăn thịt chó khi chết phải xuống địa ngục, phải qua mười cửa điện Diêm Vương, phải chịu những nhục hình ghê rợn. Chỉ một lát thịt chó trôi vào bụng thì cửa ngõ chôn âm ti đã sẵn sàng chờ đón, dù lòng từ bi của Phật tổ có rộng như biển cũng không phương cứu xét. Có người thoáng nghe mùi thịt chó đã nổi nôn oẹ, cơm canh đã nuốt vào bụng đều tuôn ra hết. Những người như vậy được xem như có cốt tiên cốt Phật, sau này chết đi sẽ được lên ở cõi thần tiên vô cùng sung sướng.

Làng tôi trước kia có ông Bốn Rì làm nghề bán thịt chó, ông ăn thịt chó, lại còn giết chó lấy thịt đem đi bán. Lũ chó bị ông giết biến thành ma chó quay lại báo thù.

Ông Bốn sống thui thủi một mình. Mọi người tin ở ông toát ra một mùi thịt chó rất lợm. Tôi và lũ chăn trâu trong làng khi gặp ông Bốn Rì liền tránh xa ra một bên. Khi ông vừa đi qua, chúng tôi ù té bỏ chạy, vừa chạy vừa khạc nhổ: Ôi! Hôi lắm! Hôi lắm!

*
* *

Bọn chó đánh mùi ông Bốn Rì rất giỏi, ông vừa đến đầu làng, chó giữa làng đã nổi sủa. Ông đến giữa làng, cho cuối làng nổi sủa. Tiếng chó sủa dấy lên từ xóm này sang xóm khác. Chúng tru tréo, gào thét, cổ khạc cho hết mật đắng vào người ông. Từ những con chó chỉ biết yêu thương, chỉ biết trả lại những gậy suýt chết bằng những cái ngoắc đuôi đầy tình nghĩa, cho đến những con chó siêng năng suốt ngày đêm để lo giữ trộm, hề nghe tăm ông Bốn đều nhảy xổ ra sủa. Từ những chó già gầy guộc, rụng lông, giờ xương, cả rận và bọ chết cũng không thềm ở chung với chúng, cho đến những con chó tròn trĩnh, béo tốt, khi đánh hơi có ông Bốn đều nổi giận, nhảy xổ qua rào, vừa phóng vừa sủa. Những con chó sủa không đâu, những con chó biết giấu kín sự căm giận, biết nép mình trong xó bụi để cắn trộm tất cả, khi đánh hơi biết có ông Bốn Rì đều vụt chạy, sủa toáng lên như bị gậy nện vào đất. Con Mốc nhà bác Úc biết ngủ có chỗ, biết sủa có lúc, bác Úc thường nói: “Con Mốc nhà tao đã sủa thì nhất định có trộm”, khôn ngoan đến vậy, khi nghe có ông Bốn Rì cũng hoá điên, phóng cả vào cọc, ngã lăn kèn, ra sức chạy để sủa. Con Mun nhà ông Kiểm Lài, suốt ngày sục sạo tìm kiếm, khi nghe tăm hơi ông Bốn đều vút hết, phóng qua bờ tre gai, đuôi cho kì được ông Bốn. Con Vá nhà bà Hiến, chăm đuôi gà, không gây sự, khi có chó lớn chạy đến, nó ngoắc đuôi nằm rạp lên lên bỏ đi, khi có ông Bốn bỗng hoá mãnh liệt, chân choãi về trước, đuôi kẹp vào chân sau, gào rống. Tất cả rượt đến, vây quanh ông Bốn, như muốn ngoạm cổ, xé xác ông ra mới hả dạ. Chúng nhảy tới, thụt lui, lồng lộn tru tréo làm náo động cả làng. Ai cũng lâu bầu:

- Lại ông Bốn Rì bán thịt chó!

Bọn trẻ con đang chăn trâu ngoài bãi cũng vụt chạy:

- Lão Bốn Rì bay ơi! Mau đến coi!

Tôi gọi thằng Cù Lao cùng thả trâu vụt chạy. Tất cả vừa chạy vừa nhặt đất. Chúng tôi nép vào một bụi kín. Ông Bốn từ xa tiến đến, tay cầm một roi tre, tay xách một rô thịt chó. Ông bước thùng thình, vẻ im lìm như một bóng ma. Tôi với mấy thằng mắt dầy tung đất. Đất rơi ào ào. Ông thét to:

- Ối, ời! Bể đầu tao rồi, chúng bay ơi!

Tôi và lũ trẻ bỏ chạy. Tôi chạy đến nép sau cây duối đứng nhìn lại. Ông Bốn vụt rô, ngồi bệt xuống đất, hai tay ôm lấy trán. Thằng Cù Lao chạy lại bên ông. Nó đang nói gì với ông. Nó cúi nhìn vào trán, vào mặt của ông, lấy tay phui phui. Tôi gọi to:

- Cù Lao ơi!

Nhưng thằng Cù Lao đã cúi xuống xách rô thịt. Nó cùng ông Bốn đi về một phía.

*
* *

Theo sự phân công của chú Năm Mùi, tôi dạy cho bà Hiến là chính, thằng Cù Lao dạy cho ông Bốn Rì là chính, nhưng hai đứa phải giúp nhau.

Ai cũng biết tôi và thằng Cù Lao sẽ đi dạy học, sẽ làm chiến sĩ diệt dốt. Chị Ba, anh Bốn gặp chúng tôi đều có lời khuyên bảo, nhất là chị Ba. Chị dạy:

- Em của chị đã làm cán bộ rồi đó! Không còn là con nít nữa đâu. Từ nay đi đứng phải nghiêm trang, nói năng phải từ tốn. Chưa nói đã cười, chưa đi đã chạy là không làm thầy được đâu. Phải nói cho bà Hiến hiểu về chủ trương diệt dốt. Phải biết tuyên truyền giải thích, tập làm cán bộ cho quen. Nói như thế này: Kẻ không học cũng như người mù. Kẻ mù khi đi phải bị vấp ngã, có lúc rơi tõm xuống sông chết nhăn nhai!

Nói đến đây, chị Ba thấy cách giải thích như vậy nghe hơi quá, chị chữa lại:

- Hay nói thế này: Học một chữ đáng nghìn vàng, dù không chức phận cũng nhàn tâm thân!

Chị Ba chỉ vào tôi, vẻ quan trọng:

- Nhớ phải dọn dẹp nhà cửa, gánh nước nấu cơm cho bà Hiến và ông Bốn Rì nghe chưa? Đó gọi là “làm công tác quần chúng”. Còn phải biết kể chuyện thời sự để làm cho họ nhìn xa thấy rộng, nghe chưa? Phải làm cho họ không còn bị “giam hãm” như trước đây, nghe chưa?

Về chuyện thời sự, chuyện ở năm châu bốn bể, anh Bốn Linh và chú Năm Mùi rất quan tâm, vì chính những chuyện đó là những “ổng thiên lí xa soi nghìn dặm, mang trí khôn mở rộng cuộc đời” như lời thơ của thầy Lê Hảo đã nói. Chị Ba nhìn tôi một loạt từ đầu đến chân:

- Mặt mày phải nhớ rửa cho sạch. Này cái gương đây, chị cho mượn. Mặt bị vết nhọ phải soi gương mới biết.

Chị Ba hồ hởi:

- Phải công tác cho giỏi để trở thành cán bộ, đứng giữa hội nghị diễn thuyết lâu lâu mới thiệt là thích!

Tôi và thằng Cù Lao đã sẵn sàng mọi việc.

Chiều bắt đầu xuống. Ráng chiều làm đỏ ối cả dòng sông Thu Bồn. Về phía tây, cây sung đầu làng như ngập trong lửa. Bãi dâu sẫm lại, nhòa dần vào bóng tối. Tôi vội đánh trâu Bình về chuồng. Còn phải đến nhà bà Hiến để... giải thích và khai giảng. Chú Năm Mùi đã bảo: Phải tập giải thích cho quen.

Thằng Cù Lao tối nay cũng đến gặp ông Bốn Rì. Tôi sang nhà anh Bốn Linh rủ nó cùng đi. Ra đến ngõ gặp chú Năm Mùi. Chú chấp tay chào:

- Chào thầy Cục! Chào thầy Cù Lao! Hai thầy đi khai giảng phải không?

Tất cả cùng cười. Tôi rẽ sang nhà bà Hiến. Bà Hiến đang ngồi kéo vải. Nghe tiếng động, bà ngược lên:

- Ai đó?

- Tôi đây!

Tôi khệ nệ bước vào. Chị Ba đã dặn tôi đi đứng phải nghiêm trang. Trước tiên, phải tuyên truyền giải thích. Tôi định lặp lại lời chị Ba: Bà phải học cho biết chữ, vì “một chữ đáng nghìn vàng, dù không chức phận cũng nhàn tâm thân”. Nhưng chợt tôi thấy cách nói như vậy nghe đột ngột và thấy lời thôi! Tôi nghĩ phải tìm một câu nói hay hơn. Tôi nhớ đến câu của thầy Lê Hảo: “Học hành cũng như cái ống thiên lí xa soi nghìn lối”. Nhưng câu đó chợt thấy khó hiểu. Tôi cố tìm một câu khác, nhưng loay hoay mãi không tìm ra. Một phút, rồi năm ba phút trôi qua. Tôi nhìn bà Hiến. Trước mặt tôi là một người học trò già, da bà đã bắt đầu nhăn nheo. Tôi hơi ngượng. Lạ thật! Khi đến chơi nhà bà Hiến để tán phét thì tôi ba hoa đến mấy cũng được. Đến khi có ý đồ, tôi lại ngượng ngập, nói không ra hơi. Mới hay đi làm cán bộ như anh Bốn Linh cũng không phải dễ.

Bà Hiến thấy tôi cứ im lặng mãi, ngược lên hỏi:

- Có việc chi đó?

Đang lúc bí, tôi nói vu vơ:

- Chơi thôi!

Nói xong, tôi mới biết mình nói láo. Tôi không có ý trả lời như vậy. Tôi càng ngượng, cứ ngồi im, đưa mắt nhìn lên trên giàn.

Bà Hiến nhìn theo lên giàn:

- Có mấy trái bồ quân để trên giàn, muốn ăn cứ lấy mà ăn.

Có lẽ bà Hiến tưởng tôi muốn vò bồ quân, nhưng không dám nói nên cứ ngồi im. Tôi nghe giàn, cũng không biết giàn bà Hiến hay giàn mình. Tôi trả lời gọn lỏn:

- Không thèm ăn đâu!

Bà Hiến ngạc nhiên lại ngược nhìn tôi. Bà nói khe khẽ như chỉ để mình bà nghe:

- Làm lành với nhau thì hơn. Cũng bạn bè với nhau cả. Rồi có bị nện, cũng nên xí xoá!

Thì ra bà Hiến tưởng tôi vừa bị bọn chần trâu đánh đau nên vẻ mặt sa sầm. Quả thật dạo đó tôi hay vật lộn với bọn chần trâu. Khi nổi khùng có tặng nhau những đấm đá.

*

* *

Tôi đem việc bà Hiến nói với thằng Cù Lao. Thường lúc tôi bị xẹp, nó giúp tôi lên dây cót. Nó với tôi nhất trí phải dồn tất cả những câu hay nhất của chị Ba, chú Năm Mùi để nói bà Hiến hiểu. Thằng Cù Lao sẽ theo tôi đến nhà bà Hiến để trợ lực.

Chiều xuống, ếch nhái bắt đầu kêu ran. Tôi và thằng Cù Lao kéo đến bà Hiến. Vào nhà, vừa ngồi xuống, tôi đọc liền một hơi những câu đã thuộc. Cuối cùng, tôi kết luận là nhất định bà Hiến phải học, vì học một chữ đáng giá nghìn vàng... Tôi đã nói xong, nhưng nét mặt bà Hiến vẫn thản nhiên. Một nếp nhăn nhỏ nhất trên trán bà cũng không động đậy. Cái xa kéo sợi vẫn quay rè rè, sợi chỉ vẫn tời ra từ đầu con cúi. Một chốc sau, bà Hiến đứng đĩnh nói:

- Học một chữ đáng giá nghìn vàng, nếu vậy bà có đến mấy triệu bạc. Bà biết đến mấy ngàn chữ.

Chợt bà dừng xa kéo sợi:

- Nếu các trò không tin, bà đọc cho mà nghe. Này, thiên nghĩa là trời, địa nghĩa là đất, cử là cất, tôn là còn, tử là con, tôn là cháu, lục là sáu, tam là ba, gia là nhà, quốc là nước, tiền là trước, hậu là sau...

Bà Hiến cứ đọc thao thao bất tuyệt:

- Thấy chưa? Bà không chỉ biết một chữ mà biết đến ba ngàn chữ. Đó là chữ của thánh hiền, chữ của ông bà để lại. Cứ mỗi chữ đáng giá nghìn vàng tính ra bà có ba triệu đồng vàng. Thế sao không có một xu dính túi? Suốt đời cực khổ, nay cách mạng về, bà mới có cái nhà, cái xa kéo sợi.

Tôi cãi lại:

- Đó mới là biết chữ một, chữ nào nghĩa ấy. Thầy Lê Hảo nói: Biết chữ là phải biết đọc cả câu. Mỗi câu phải là lời lẽ của thánh hiền. Còn phải biết viết nữa.

Bà Hiến cười:

- Ủ, bà cũng viết được đây này. Chữ nhất là một thì ngang một ngang. Chữ nhị là hai thì ngang hai ngang. Chữ tam là ba thì ngang ba ngang. Chữ thập là mười thì ngang ngay sổ thẳng này...

Bà Hiến vừa nói vừa lấy ngón tay trở vạch trên chiếc mùng.

- Còn lời lẽ thánh hiền?

- Lời lẽ thánh hiền, bà cũng học hết.

Nói xong, bà Hiến nổi lên đọc ê a, giống những ông đồ ê a lúc giảng sách: “Quan quan thư cưu. Tại Hà chi châu. Yếu điệu thực nữ. Quân tử hảo cầu”. Nghĩa là đức thánh ngài nói rằng: “Oà, oà! Con chim thư cưu! Tại chung doi sông Hà. Yếu điệu người con gái nhà lành. Người quân tử hảo cầu...”

Tôi cãi lại:

- Chẳng có nghĩa lí chi cả! Chim chi là chim thư cưu? Bà đi hỏi khắp thiên hạ thử có chim chi là chim thư cưu! Thực nữ nghĩa là chi? Phụ nữ mới đúng. Đó không phải là chữ nghĩa thánh hiền.

Bà Hiến nhìn thẳng vào tôi:

- Thế đây có phải là chữ nghĩa thánh hiền không hả? “Hữu bằng tự viễn phương lai, bất diệc lạc hồ? Nhơn bất tri nhi bất uân, bất diệc quân tử hồ?” Đức thánh ngài nói rằng: “Có bạn hữu từ phương xa đến, lại không vui ới? Người không biết mình mà mình không giận, cũng chẳng phải là kẻ quân tử ới?” Nghĩa lí thánh hiền rành rành như đó. Trò Cù Lao từ xa ngoài biển về, trò Cục há chẳng vui sao? Bọn chần trâu không biết trò Cục, chẳng thèm coi trọng, đã nện cho trò Cục một cục u! Nhưng trò Cục không giận. Đó chẳng phải là kẻ quân tử ới?

Tôi không ngờ bà Hiến lại giỏi chữ nghĩa thánh hiền đến vậy! Tôi đuối lí, đưa mắt nhìn thẳng Cù Lao, ra hiệu để nó giúp đỡ. Thăng Cù Lao đang nhìn bà Hiến đầy vẻ thán phục. Bà Hiến tiếp tục tấn công:

- Bà không chỉ thuộc sách thánh hiền mà còn thuộc cả tiếng Tây nữa. Này, nghe đây: Toa với moa gá nghĩa a-mi, tình bạn hữu đờ-puy lông-tấn, sau những buổi cô-dê dài ngắn, đã biết rằng vu-đết bông cai...

Tôi kêu lên:

- Tây không ra tây, ta không ra ta! Đã là chữ Tây, rằng lại có chữ “gá nghĩa”, chữ “bạn hữu”, chữ “dài ngắn”? Chẳng có nghĩa lí chi cả!

Bà Hiến cười:

- Nghĩa lí là thế này: Mày với tao gá nghĩa bạn bè. Tình bạn hữu đã lâu rồi đó. Sau những buổi chuyện trò dài ngắn. Đã biết rằng tốt bụng với nhau... Có phải giữa trò Cục và trò Cù Lao đã gá nghĩa bạn bè, có củ khoai trái bắp đều chia nhau...

- Nhưng cũng không phải tiếng Tây!

Cột sống bà Hiến chợt dựng thẳng lên, giọng quả quyết:

- Toàn chữ Tây, bà đây cũng không thiếu – Bà Hiến nói giòn tan: - Ma-đam vớ-nê đơ Hoà Phước. Ma-cà-bông. Moa-xi-nhan me-xừ lơ cô-m-mít-xe. Nghĩa là: Mụ này ở Hoà Phước đến. Đi lang thang. Tôi trình quan cấm.

Tôi và thăng Cù Lao nhìn bà Hiến, mồm há hốc. Ví thử bà Hiến đột ngột biến thành một nàng tiên, hai vai mọc cánh bay vút lên cao cũng không làm chúng tôi ngạc nhiên đến thế! Tiếng nói bà Hiến như từ xa vang lại:

- Hai trò cứ mời người giỏi tiếng Tây đến đây sát hạch, coi phải đúng tiếng Tây không?

Bà cười thẳng trợn:

- Thế còn chi phải học nữa đâu!

Thăng Cù Lao không chịu rút lui:

- Đó mới là chữ nho và chữ Tây. Phải học chữ quốc ngữ kia. Chữ quốc ngữ bà chưa biết.

- Hồi trước, ông bà mình có ai thèm học chữ quốc ngữ đó đâu! Nó có móc, có gai lòng thòng coi dễ sợ! Không như chữ nho của ông bà mình, mềm mại. Cái bút lông của mình như cái búp măng, có đầu như cây bút sắt đâm lủng bụng!

Bà giảng tiếp:

- Chữ quốc ngữ là chữ hồi thăng Tây đến. Ông bà ngày trước chỉ học với cây bút lông. Các trò cứ hỏi thầy Lê Hảo, có phải bà nói có chứng có cứ không?

Tôi đợi thằng Cù Lao cho ra cái gì thật sắc bén, đánh gục bà Hiến bắt phải quy hàng. Nó vẫn lặng thinh, chẳng có lí lẽ gì chọi lại.

Ngoài sông chợt vang lên tiếng đồ gọi khách xuôi phố: “Ai xuôi đồ ò...?”. Tiếng gọi đồ vang vọng tràn khắp bãi dâu. Tôi nháy thằng Cù Lao, lặng lẽ rút lui.

*
* *

Tôi và thằng Cù Lao gặp chú Năm Mùi nói tắt cả những việc vừa xảy ra: Nào là bà Hiến biết đến ba ngàn chữ, đọc một lều. Nào là bà Hiến thuộc hết sách vở thánh hiền, nghĩa lí vô cùng thâm thúy. Bà còn nói tiếng Tây như bập rang...

Tôi và thằng Cù Lao càng trầm trồ bao nhiêu thì chú Năm Mùi càng phớt lờ bấy nhiêu.

Chú nói:

- Có chi đâu lạ! Bà Hiến ở đợ cho nhà giàu, nhà giàu rước thầy dạy chữ nho cho con cháu học. Nghe học trò ê a đọc sách, bà nhớ hết. Bà nhớ tài lắm. Trước đây bị đói bà mò ra ngoài Đà Nẵng kiếm ăn. Đi lang thang bị lính cu-lít bắt nộp thằng cò. Chúng nó nói tiếng Tây, bà cũng nhớ được. Bà nói như thế này chớ chi: “Ma-đam vớ-nê đờ Hoà Phước. Ma-cà-bông. Moa xi-nhan me-xù lơ cô-mít-xe”. Bà chưa chịu học là vì bọn bay chưa biết cách nói. Chỉ nói thế này: - Nay mai, người ta sẽ ngăn cổng vào chợ. Người nào biết đọc chữ quốc ngữ họ mới để vào. Nói vậy là bà học ngay. Việc dễ như chơi, sao rồi lên vậy?

Tôi và thằng Cù Lao lại đến nhà bà Hiến. Tôi cho ra ngay câu nói của chú Năm Mùi:

- Nay mai người ta ngăn chợ. Ai biết chữ quốc ngữ mới được vào chợ!

Bà Hiến ngừng xa kéo sợi:

- Ai nói đó?

- Lệnh trên đó! Chú Năm Mùi cho biết. Ai dám nói sai. Bà cứ hỏi chú Năm coi.

- Người không đọc được chữ quốc ngữ thì rằng?

- Thì đứng ngoài cổng rồi về thôi! Lệnh nghiêm lắm!

Bà Hiến ngồi thừ ra. Môn thuốc của chú Năm đã công phạt. Tôi hỏi dò:

- Bà đi chợ không?

Tiếng bà Hiến nhỏ hần:

- Đi chợ để mua đồng mắm, đồng muối... Thôi bà phải học! Tội chi không học. Kiếm vài chữ bỏ bụng cũng sướng!

Tôi và thằng Cù Lao bật dậy reo lên, phóng một mạch chạy gặp chú Năm Mùi. Vừa gặp chú, tôi thét to:

- Bà Hiến chịu phép rồi! Sao chú tài vậy chú?

Chú Năm Mùi vẻ thản nhiên:

- Tại bọn bay không biết bắt mạch. Tao bắt mạch biết bà Hiến mê đi chợ. Không một xu nhỏ cũng mò đến chợ. Bà đi chợ một vòng còn thích hơn xem hát bội. Cũng như mày mê vật lộn, thằng Cù Lao mê lội bơi, tao trước đây, tao mê hát bội. Ở đời ai cũng có cái mê cả!

*
* *

Tôi hỏi thằng Cù Lao về ông Bốn Rị. Ông có biếng học như bà Hiến không? Ông có hôi lắm không? Nhà của ông thấy có rợn không?

Tôi với ông Bốn Rì ở cùng làng, tôi ở đầu xóm trên, ông ở xóm giữa. Thỉnh thoảng, tôi đi qua nhà, nhưng chưa bao giờ ghé lại. Nhà ông có bức rèm tre che trước cửa, đằng sau có bóng người thập thò. Có tiếng cóc, cóc như mõ khua và tiếng kêu ăng ăng. Nhưng lái làm tôi rợn nhất là tiếng rú của chó bị cắt tiết. Tiếng rú vang dội, đâm thủng màn sương, át tiếng gọi đồ và tiếng gàu khua ở các giếng nước. Mỗi khi tiếng rú vang lên, lũ chó trong làng nổi lên sủa rộ. Ông Bảy Hoá ngồi trước cửa chùa, đập đập cái quạt mo vào chân:

- Lại một con chó hoá kiếp! Mong mày đầu thai trở lại làm người. Làm người không xong thì phải hoá kiếp trở lại làm chó!

Thằng Cù Lao cho tôi biết ông Bốn chẳng có mùi hôi thối gì cả. Ông sạch sẽ như mọi người. Ở ngoài cù lao Chàm, cũng có người bán thịt chó, người đó cũng không hôi thối. Cũng chẳng nghe ai nói ăn thịt chó sẽ xuống địa ngục, sẽ bị rút lưỡi moi gan. Nhà ông Bốn không có gì rùng rợn cả, nhà rất mát mẻ, có cây bông trang, có con bướm đậu. Ông Bốn có nuôi nhiều chó, nhưng toàn là chó con. Ông xin chúng ở đầu về, nhốt sau chuồng. Chúng kêu ăng ăng. Có con chưa biết ăn, ông phải vạch mồm tọng nước hồ vào họng. Có lúc một chó mẹ đến gào rống sau vườn đòi con. Ông xách gậy ra đuổi. Cuối cùng, chó mẹ bỏ đi nơi khác. Thằng Cù Lao còn cho biết khi ông Bốn mổ xong một con chó, ông cắt một miếng thịt ở chóp đuôi đem xào. Mùi thơm bay ra ngào ngạt.

Tôi kêu lên:

- Ôi! Thịt chó thơm răng được? Thịt chó làm tao nôn ọe. Thôi kể tiếp đi, rồi ông Bốn làm chi nữa?

- Sau đó, ông nướng bánh tráng có rải mè, múc thịt đặt lên mâm, mời tôi ngồi lại.

- Mời ai?

- Mời tôi!

- Ấy! Mời mày? Thế mày nói sao?

- Tôi nói tôi không ăn.

- Ủ, được đó!

- Nhưng... ông mời mãi. Ông nói hể tôi không ăn thì ông không học. Với lại cái mùi thịt bay thơm, tôi cảm lòng không đậu...

- Làm sao?

- Tôi ăn.

- Ôi! Trời ơi! Nguy to rồi! Mày ăn đồ ô uế rồi! Có nôn ọe không?

Vừa nói tôi vừa ọe lên mấy cái.

Thằng Cù Lao lặng thinh. Tôi lên giọng:

- Ở đây đưa phàm phu mới ăn thịt chó. Đã ăn thịt chó, khi chết phải xuống địa ngục. Bọn chó đánh hơi, xông ra cắn mày chết!

Thằng Cù Lao hạ thấp giọng:

- Hôm kia đến nhà ông Bốn, tôi thấy chú Năm Mùi ở đó.

- Chú Năm đi kiểm tra học tập. Chú có hỏi chi không?

- Không hỏi chi cả. Chú đang ăn...

- Ăn chi?

Thằng Cù Lao nói khề vào tai tôi:

- Ăn một đĩa nấu nhừ.

Tôi giật thót:

- Thiệt không?

- Chú khen đĩa nhừ nấu khá! Chú còn bảo giống thịt chó thể mà mát, ăn thịt chó ngủ ngon.

Tôi không ngờ chú Năm Mùi lại ăn thịt chó! Từ ngày cách mạng thành công, chú tiến bộ rất nhanh. Chú không còn mê cô đào hát bội, không hát bài chòi. Chú vừa nhận chân lãnh đạo tự vệ xã, kiêm chính trị viên tiểu đội dân quân của thôn, phụ trách đội thiếu niên. Nay lại đi ăn thịt chó!

Thằng Cù Lao lấy tay che mắt, nói chỉ vừa đủ tôi nghe:

- Cả ông Bảy Hoá nữa!...

Tôi suýt ngã ngựa, nổi cười to. Thằng Cù Lao cũng nổi cười. Chính trước kia ông Bảy Hoá cho mình có cốt tiên cốt phật. Đã là tiên phật thì hít mùi hương hoa cũng đủ sống, không cần ăn. Nếu có ăn cũng chỉ ăn tương cà dưa muối. Ai nói đến thịt chó thì ông nôn oẹ.

Tôi hỏi:

- Thế ông có mắc cỡ không?

- Chẳng mắc cỡ chi hết. Ông treo chân ngồi giữa nhà, húp rất to. Ông khen ông Bốn Rì bán rẻ thịt chó. Có vậy mới đông khách, nhiều người sẽ khoẻ ra. Nay ông đã nhập bạch đầu quân, ông cũng muốn khoẻ thêm; luyện tập quân sự càng dai sức, đánh thắng giặc. Như vậy mới gọi là tu. Ông thét to: Phật là cái tâm của ta. Cái tâm ta ngay thẳng, trung thực, đó là Phật. Cái tâm ta gian nịnh xảo trá, đó là ma quỷ. Tôi coi làng mình mọi người trở nên tốt. Trộm cắp bỏ nghề, thuế chợ, thuế đò đều bãi bỏ, đâu có phải vì không ăn thịt chó, mà vì có người làm cách mạng.

Tôi hỏi thêm:

- Thế ông có bị nôn oẹ không? Chị Ba nghe mùi thịt chó cứ bị buồn nôn, không phải chị giả đồ đâu!

Thằng Cù Lao cho biết cả đội tự vệ cũng có ăn thịt chó. Thỉnh thoảng, ông Bốn Rì mang một nồi bún với thịt đem thết toàn đội ở chòm đa Lý.

*

* *

Bà Hiến có một trí nhớ rất tốt. Tôi nói gì bà nhớ nấy, nhớ rành mạch, chính xác. Không ngờ dưới lớp da nhăn nhúm lại giấu một đầu óc minh mẫn. Đầu óc của bà không phải như cái rỗng lũng như bà nói. Bà nhớ giỏi bằng mười tôi, nhưng tôi cứ chê. Tôi chê bà viết tồi, đọc chậm. Khi tôi còn làm học trò, tôi thích được khen. Nhưng khi làm thầy tôi cứ thích chê. Tôi viết lia lịa một loạt chữ O bảo bà Hiến bắt chước kẻ theo. Bà méo mồm cố kẻ theo thật đúng. Tôi bắt bẻ:

- Viết bằng tay, sao mồm lại méo xệch?

Bà Hiến vừa viết vừa thở hổn hển. Tôi uốn nắn:

- Chớ thở ào ào! Bay mất sách vở! Thở vậy nên chữ viết như gà bới.

Tôi bảo gì bà cũng vâng theo. Tôi nhận rõ bà Hiến nể tôi. Bà không còn gọi tôi là thằng Cục, mà gọi là chú Cục. Trước mắt bà, tôi không còn là thằng chăn trâu bị bọn trẻ đánh u trán. Theo thầy Lê Hảo, khi làm thầy sẽ được học trò kính nể. Tôi bắt chước thầy Lê Hảo ăn nói nghiêm trang, khuyên cái này răn cái nọ. Có lúc tôi quất chơi một cái cho sướng miệng. Bà Hiến không lấy thế làm mất lòng. Bà nói trước kia các thầy phải đánh học trò bằng roi mây, có thế mới nên. Nay cách mạng lên rồi, thầy không đánh học trò, sướng quá!

Tôi sực nhớ chị Ba và chú Năm Mùi dặn phải làm công tác quần chúng. Lập tức, chúng tôi vứt sách, xông vào buồng bà Hiến. Chúng tôi khênh hết những thùng đựng khoai ra ngoài, quơ hết giẻ rách vứt ra sân rồi lấy chổi quét. Tỉn còn đầy nước uống, thằng Cù Lao cũng đồ đi, quảy tỉn ra

sông mức nước. Sau đó, tôi vo gạo, quơ củi, nhóm bếp. Bà Hiến van nài, tôi cũng giặt lấy, giúp bà cho kỳ được. Trước nhà bà, có những tĩn sứt, chum vớ, tôi và thằng Cù Lao khuôn hết đi nơi khác lấy chỗ để trồng cây bông trang. Bà Hiến chạy ra ngăn lại, không hiểu trồng cây bông trang để làm gì. Tôi nín bà lại, bảo phải trồng cây bông trang cho đẹp mắt. Chúng tôi đào lộn tất cả, sắp xếp mọi thứ theo ý muốn chúng tôi.

Tôi giảng giải:

- Cách mạng lên rồi. Nhà nào cũng phải có hòn non bộ, có dăm cây cảnh. Có cây bông trang chưa đủ, phải trồng thêm bông lài, bông lí nữa.

Thằng Cù Lao quả quyết:

- Không lèm nhèm nữa đâu. Bà già cũng phải đánh phấn tô môi, phải mặc áo màu, phải đi giày cao gót. Rồi đây, bà phải đi uốn tóc, phải sắm một cái ví và một chiếc dù đầm. Đi đâu phải cầm trên tay cho sang trọng.

*

* *

Tiếng đồn làng trên xã dưới ông Bốn Rì có một thằng con trai giống ông như đúc. Da nó cũng đen, người nó cũng gầy, khuôn mặt giống hệt như bố. Trước đây, gặp năm mất mùa ông Bốn phải đem đợ thằng con trai đó cho một nhà giàu ngoài Đà Nẵng. Nay làm ăn khá, ông Bốn đã chuộc nó về. Thằng nhỏ siêng năng lắm. Nó băm thịt giòn tan, nấu xào rất giỏi. Tôi biết đó là tin đồn về thằng Cù Lao. Nó giúp ông Bốn làm nhiều việc để dạy ông học. Nó còn đi bắt chó với ông. Ông Bốn kéo lê một con chó bị tròng. Thằng Cù Lao thủ một chiếc roi theo sau. Tất cả bọn chó gào rống đến sùi bọt mép quanh ông Bốn. Thằng Cù Lao không chút nao núng, phóng mắt nhìn quanh tìm đứa hung hăng nhất. Chợt chiếc roi mây bay vút. Chó bị roi kêu ăng ẳng, cúp đuôi vụt chạy. Những chó khác chạy tán loạn. Thằng Cù Lao nhặt đất ném theo, phá gãy vòng vây, giải thoát cho ông Bốn Rì. Đẹp xong lũ chó, nó đứng chống nẹ nhìn quanh. Tôi gọi to:

- Cù Lao ơi! Mày đi bắt chó cho ông Bốn hả? Làm chi bậy bạ rứa? Thiên hạ cười đó! Họ đồn mày là con trai ông Bốn đó!

Miệng tuy nói vậy nhưng bụng tôi nghĩ khác. Thực bụng tôi phải nói: Mày đuổi chó giỏi lắm! Tao đang phục mày đấy! Tao cũng muốn được như mày.

Tôi hỏi băng quơ:

- Mày mượn đâu chiếc roi mây tốt quá?

Thằng Cù Lao chìa chiếc roi:

- Ông Bốn cho tui đó.

Tôi nói cho có chuyện:

- Roi to thì sướng hơn.

- Roi nhỏ quất khỏi gãy chân. Ra oai thôi mà!

Tôi hỏi:

- Thế... tao xin ông Bốn một cái roi được không?

- Cục xin đi. Ông Bốn ông tốt bụng lắm! Ông cho liền liền.

Thằng Cù Lao nói nhỏ vào tai tôi:

- Thảo ăn lắm! Hôm nào cũng đái ỏi, đái bò quân. Ồi và bò quân của ông ngọt lịm! Ăn nhiều ông càng thích!

- Nhưng mà tao sợ ma chó! Chúng kéo về từng đàn, ông Bốn Rì phải đặt câu thần chú mới đuổi được.

- Làm chi có!

- Tao đến xin ông cái roi. Rồi... đi bắt chó với mày được không?

Thằng Cù Lao reo lên:

- Ông thích còn phải nói! Ông bảo tui đến ở với ông, tui cứ việc đi chơi, ông làm nuôi tui cũng được.

Tôi và thằng Cù Lao cùng cười. Không ngờ sự việc lại như vậy.

*

* *

Trước Tổng khởi nghĩa có ba nơi làm tôi cứ sợ. Đó là chòm đa Lý âm u, đại bản doanh của quý Năm Nanh có đầu tóc xoã đến đất. Đó là miếu Bà Tằm im lìm nép dưới chòm sung, nơi làm ăn của quý Bạch Thổ. Sau cách mạng, quý Bạch Thổ và quý Năm Nanh đã cuốn gói đi nơi khác. Chỉ riêng nhà ông Bốn tôi vẫn thấy bí hiểm. Tiếng băm thịt ở nhà ông nghe như tiếng mõ kêu cứu. Tiếng rú của chó bị cắt tiết nghe rùng rợn. Tuy thằng Cù Lao đã cho biết nhà ông Bốn Rì cũng như nhà chú Năm Mùi, có hai chái, tám cột. Đồ đạc cũng là giường ghế, nồi niêu, rổ rá. Mọi vật đều bình thường, chẳng có gì ghê rợn cả. Tôi biết vậy, nhưng khi đến trước nhà ông Bốn tự nhiên tôi dừng lại. Tôi vừa sợ nhớ trước đây tôi với mấy đứa mất dạy đã ném đất vào đầu ông. Nay gặp tôi ông lại chẳng trả thù, nện cho tôi một trận. Nghĩ đến đây tôi chỉ dám nhìn qua hàng rào. Ông Bốn tay cầm con dao phay, đứng trong nhà trông quá dữ tợn. Tôi định rút lui. Nhưng nhớ lại việc chú Năm Mùi bắt buộc tôi phải đến giúp thằng Cù Lao dạy cho ông Bốn học, tôi phải dừng lại. Đợi ông Bốn đi khuất vào bếp, tôi nhón chân gọi khẽ:

- Cù Lao ơi! Cù Lao ơi!

Thằng Cù Lao như biết tôi đang lảng vảng ngoài rào, chạy ra gọi:

- Ông Bốn đợi Cục đó!

- Đợi để chi?

- Để dạy ông học. Ông thích lắm!

Tôi hơi vững dạ rón rén bước vào. Ông Bốn đang ngồi lóc thịch. Vừa thấy tôi, ông vung con dao sáng quắc, nhưng ông lại cười:

- Chú Cục đó hả? Hay lắm!

Rõ ràng ông Bốn đã làm tôi yên tâm. Ông đứng lên đi đẩy lửa. Ông vừa lóc thịch vừa đun lửa trong bếp. Đó không phải là một cái bếp bình thường như thằng Cù Lao nói, mà là một cái bếp bất thường. Bếp có đến ba bộ ông táo. Tất cả đang cong lưng đợi một cái chảo và hai cái nồi to bự. Ngoài ra, còn có ba bộ ông táo khác sắp thành một hàng sẵn sàng nhận việc. Tất cả chảo nồi đều sôi sùng sục và toả khói thơm. Quanh bếp còn úp không biết bao nhiêu nồi đất, đủ loại to nhỏ. Thằng Cù Lao ở trần, xắn quần đến tận bẹn, chạy rút con dao phay, lật chiếc thớt, bê một đùi thịt chó đặt lên thớt, chặt lia lịa. Nó tỏ ra thông thạo như đã lâu năm làm nghề băm thịt. Tôi bật cười. Nó cười theo rồi băm càng nhanh, càng chính xác.

Tôi nhìn vào nhà trên. Ở Hoà Phước, nhà trên thường nhìn ra ngõ. Đằng này, nhà trên của ông Bốn lại xây lưng ra ngõ, mặt úp vào vườn. Sau vườn, ông Bốn trồng cây chanh, cây ôi, cây bồ quân có bóng râm mát. Lại có khóm bông trang, có hoa nở, có bướm bay chấp chới. Quanh nhà sạch bóng. Nhà bếp nhiều khói, ồn ào. Nhà trên tĩnh mịch. Nắng trưa nằm ngủ trên giàn thiên lí. Tiếng thái thịt vào đến hiên bỗng lu mờ. Ông Bốn cũng thờ tiên thờ phật. Bốn bức tranh treo trên vách vẽ bốn ông tiên. Một ông râu dài mắt xếch đầy vẻ ung dung cười một con hạc đang sải cánh trên rừng tùng. Một ông bụng to đang nghe nhỉ cổ trút nậm rượu vào mồm, đầy vẻ khoan khoái.

Ông thứ ba râu rậm cười con ngựa trắng khoan thai đi vào rừng mai nở rộ. Ông thứ tư râu tóc bạc phơ phóng cần câu trầm ngâm câu cá. Bên trên bàn thờ, ở chỗ cao nhất đặt một cái khám. Trong khám có đức Quan âm ngồi trên toà sen, mười ngón tay chấp vào nhau đang tụng niệm.

Tôi cứ nhìn nhìn. Có tiếng thằng Cù Lao gọi:

- Cục ơi!

Tôi bước xuống nhà bếp. Ông Bốn đang xào thịt. Ông múc một đĩa đặt lên bàn. Và rất lạ, tôi nghe mùi thịt chó thơm thơm. Ông lấy bánh đa có rải vừng đem nướng. Ông hốt một đĩa rau thơm, gọi tôi và thằng Cù Lao:

- Ngồi lại đây các chú!

Tôi trả lời tôi không ăn.

Ông Bốn lại mời.

Tuy bụng đói meo, nhưng nhớ lời chị Ba dặn, tôi lắc đầu:

- Mới ăn no quá, không ăn được nữa!

Thằng Cù Lao cãi lại:

- Ăn từ mai sớm, no quá sao được?

Ông Bốn năn nỉ:

- Không ăn nhiều thì ăn một miếng cho bác vui bụng.

Thằng Cù Lao hoạ theo:

- Phải rồi. Không ăn, ông Bốn không học đâu!

Thằng Cù Lao vừa nói vừa kéo tôi vào bàn.

Tôi định bụng chỉ ăn một miếng bánh đa.

Thằng Cù Lao chỉ vào chiếc nồi đang sôi trên bếp.

- Nồi nhừ nấu cho đội tự vệ kia. Ban chỉ huy ăn được thịt chó, Cục ăn thử một miếng coi.

Thằng Cù Lao vừa nói vừa gấp một miếng xào gì đó ngay trước lỗ mũi tôi. Rõ ràng một mùi thơm của thịt của hành xông lên. Ông Bốn gấp một miếng xào, bẻ đôi miếng bánh đa kẹp lại giúi vào tay tôi:

- Không ăn thì bác giận lắm!

Nể quá, tôi cầm kẹp bánh cắn một miếng. Thịt chó xào nghe thơm chẳng khác gì thịt lợn. Tôi nhai vài cái, thịt với bánh đa rơi vào bụng. Tôi tưởng thịt chó đã trào lên cổ lợn ra, nhưng nó vẫn nằm yên trong bụng.

*

* *

Thầy Lê Hảo thường nói: Dạy không nghiêm, đó là thầy dờ. Đối với bà Hiến tôi phải thật nghiêm. Tôi cố tránh hỏi bà chuyện vu vơ hoặc tán phét. Tôi vạch một vòng tròn lên giấy rồi đọc cho bà nghe, o...o...

- Đây là chữ o, như quả trứng gà, thấy chưa? Nhớ chưa?

Bà Hiến liền nói theo:

- O, o, như con gà trống, nó gáy o o. Gà gáy o, o! Đi chưa tới chợ đã lo ăn hàng!

Tôi dạy thêm:

- Phải ngó cho kỹ, chữ o thêm một cái mũ đội lên đầu đó là chữ ô.

Bà Hiến liền đọc:

- Ô rô gai góc, nó móc ruột gan, đói rách giàu sang, ô rô móc tuốt.

- Nói gai ô rô làm chi? Xem này. Chữ o mang thêm một cái râu thành chữ ơ.

- Còn phải kẻ mày kẻ mặt đội mũ mang râu. Còn phải đôi hia...

Bà Hiến vừa nhớ đến hát tuồng. Trước khi ra sân khấu, kép hát phải kẻ mặt, mang râu, đội mũ.

Tôi xằng giọng:

- Kệ họ! Đào kép muốn làm trời cũng được. Đó là chuyện của họ. Còn ta là phải ngó kỹ. Đây là chữ t, thấy chưa? Nay ghép chữ t với chữ o, là to.

- To! Nói nhỏ nói to, không bằng nện cho cái đấm.

Tôi định bảo im. Nhưng cách nói bắt vần của bà nghe cũng vui vui.

- Ngó cho kỹ này! T ghép với ô thành tô này.

Bà Hiến nói ngay:

- Tô son điểm phấn, đánh lán ngãi thơm.

Tôi tiếp:

- Chữ t ghép với chữ ơ là tơ.

Bà Hiến đọc liền theo:

- Rồi tơ rồi chỉ gỡ xong. Rồi đầu có lược, rồi tấm lòng khó phân. Tơ tưởng, tưởng tơ, nằm mơ là thấy bạn!

Tôi chỉ cho bà Hiến đọc chữ m.

Bà liền cho ra:

- Chẳng lờ mờ, giấy tờ minh bạch.

Đến chữ n, bà nói họa theo:

- Chi rửa bạn nờ? Trăng đã mờ, sông đã cạn!

Cứ như vậy, học mỗi chữ bà đọc một câu. Nếu bảo bà đọc thêm bà cũng có thể đọc.

Tôi và thằng Cù Lao dần dần hoá thích. Gặp những câu vui, tôi bảo bà cứ đọc tiếp. Bà thuộc hàng chục bài về, đủ loại về: về con cuốc, về các thứ hoa, thứ quả, thứ cá, thứ chim, về nói láo, về hát bội, về thằng nhác, về cúp tóc, về xin sưa, về đám ma...

Mỗi khi học xong, tôi và thằng Cù Lao bắt bà hát một bài cho vui.

Bà Hiến hỏi:

- Bài chi?

- Bài hô hụi hay một bài về, về thằng Lía hay về Thông Tầm cũng được.

Tôi và thằng Cù Lao rất mê về thằng Lía. Thằng Lía nhà nghèo mồ côi cha, rất yêu mẹ. Không ai thuê làm, Lía phải đi xin ăn để nuôi mẹ. Lía bắt trộm vịt về cho mẹ ăn để mẹ khỏi đói. Sau Lía vào rừng tụ tập lâu la, chống lại vua quan. Tôi thích những đoạn tả Lía bị chó đuổi phải rúc bụi. Lía bắt chước con cá lóc tập nhảy, tập mãi nhảy phóc qua được nhà cao. Lúc bị bao vây nhờ nhảy qua được mái nhà, đã thoát chết.

Ai hỏi vì sao bà Hiến nhớ nhiều như vậy, bà nói: Nhớ nhiều vì đói. Khi đói, chữ nghĩa vào bụng không bị cơn canh lấp mất, chữ nào còn nguyên chữ ấy.

Tôi tắm cho trâu Bình xong mặt trời đã lặn. Trên bãi dâu mọi người gọi nhau về nhà. Phải về sớm một tý, còn phải nấu cơm ăn để kịp đi học. Ở các xóm tiếng gàu va vào thành giếng nghe lạnh canh. Tiếng bát đĩa bị lật nghe xúng xoảng. Tiếng phèng la chột vang động. Giờ tựu lớp đã đến, chị Ba, chị Bốn ăn xong, thắp cây đèn chai, gọi nhau đi học. Tôi và thằng Cù Lao sẽ đến dự lễ khai giảng lớp học buổi tối tổ chức ở chợ. Chúng tôi vừa được chú Năm Mùi đề bạt làm “trợ giảng” của lớp. Vừa bước ra sân, một ngọn đèn đã thấy trôi theo bờ rào của nhà bác Úc. Có tiếng gọi:

- Ba ơi! Mau lên!

- Bầy hả? Đợi chút!

Ngọn đèn chị Ba trôi nhanh ra ngõ. Hai ngọn đèn gặp nhau cùng cất cao, nhập lại, tách ra, nhún nhảy trôi theo con đường dọc xóm. Ra đến đầu làng, ngọn đèn chị Ba và chị Bảy nhập vào nhiều ngọn đèn khác trôi dọc đường làng. Tôi và thằng Cù Lao không xách đèn cứ rào bước. Chợt một ngọn đèn từ trong hẻm trôi ra. Có tiếng hoảng hốt:

- Ối! Làm tôi hết hồn! Ai đó?

Tôi nhận ra bà Bảy Đá. Chú Năm Mùi cho biết bà Bảy cũng đến dự lớp. Trước đây, bà bảo không biết học để làm gì. Chữ nghĩa không làm no bụng, chỉ có một cái làm được tất cả, đó là tiền. Nhưng có đứa độc mồm bảo bà có nhiều tiền nhưng bà lại u mê. Nay thấy mọi người đi học, bà mới chịu đi. Tôi và thằng Cù Lao vượt lên trước. Một ngọn đèn sáng loá từ phía đồng bay ra. Đó là ngọn đèn của anh Bảy Hoàn.

Tất cả những ngọn đèn lồng từ trên xuống, từ dưới lên chảy dồn vào chợ. Lớp học là cái điểm canh được nói rộng. Ba ngọn đèn lồng toả sáng. Mọi người đã có mặt. Chú Năm Mùi, anh Bốn Linh ăn mặc chỉnh tề. Bà con cô bác kéo đến đông đủ. Chợt anh Bốn Linh đứng lên dọn giọng tuyên bố lễ khai giảng. Anh long trọng nói lên ý nghĩa phong trào diệt dốt, một trận đánh vô cùng ác liệt. Hiện nay, cả nước có hàng triệu người không kè lớn bé đang dùi mài học tập. Hoà Phước là đất thanh danh văn vật, không thể lơ là việc diệt dốt. Nói xong, anh Bốn Linh vỗ tay. Mọi người vỗ tay theo.

Đến lượt thầy Lê Hảo nói về sự màu nhiệm của học vấn. Con người ta “hể ở bầu thì tròn, ở ống thì dài”. Học vấn như cái “ống thiên lí xa soi nghìn dặm”. Mọi người phải biết dòm vào cái ống thiên lí để nhìn ra bốn bể năm châu. Thầy Lê Hảo nói xong, chú Năm Mùi bước lên. Chú đưa ra những gương học tập đáng làm bà con suy nghĩ. Chú mời ông Bốn Rị và bà Hiến lên bảng viết những chữ đã học. Bà Hiến viết chữ Hiến nguệch ngoạc. Ông Bốn Rị viết một chữ Rị như gà bới. Cả lớp ngồi nhìn, nổi cười, nổi ho loạn xạ. Chú Năm Mùi giới thiệu thầy giáo mới của lớp. Đó là anh Bảy Hoàn, là một người đã đi chu du khắp thiên hạ, đã từng sống ở lục tỉnh Sài Gòn, từng đọc một kho sách đông tây kim cổ, một người văn võ kiêm toàn, chỉ có Lục Vân Tiên mới bì kịp. Đã có một vị thầy như vậy, nếu không mở một lớp đặc biệt để cô bác học hành chữ nghĩa thì chẳng khác như đã nhìn thấy một cục vàng mà lại bỏ lơ không thèm nhặt. Lớp còn có hai cán bộ giúp việc: đó là chú Cù Lao và chú Nguyễn Văn Cục. Chú Cù Lao từng vượt biển về làng, ra Đà Nẵng học đã “bằng vàng danh yết”. Nguyễn Văn Cục có nhiều kinh nghiệm, từng dạy cho bà Hiến học giỏi. Hai cán bộ này sẽ giúp các thím các bác những chữ bị quên, kiêm việc quét dọn trụ sở. Nếu cô bác người nào có cây đèn bị mờ thì cứ giao cho họ khêu ngọn. Nói xong, chú Năm Mùi mời thầy Bảy bắt đầu dạy.

Anh Bảy Hoàn đứng phát dậy, giờ chiếu mũ phớt đang đội trên đầu, vút mạnh xuống ghế, nói như sấm động. Anh Bảy cho biết là ở xứ lục tỉnh Dầu Dây, tất cả già trẻ lớn bé đều học hết. Sau

ngày cướp chính quyền, vền vẹn chỉ trong ba tháng mà tất cả đều biết đọc biết viết. Những ông già, bà già đều đồ đạt hết. Vì sao vậy? Vì ở xứ Dầu Dây hễ nói là làm. Dân xứ đó hiểu mình bị nô lệ chỉ vì dốt! Nói đến đây, anh Bảy Hoành thu nắm đấm nện một đấm thẳng cánh vào cây cột làm mái nhà rung lên. Anh thét to:

- Quyết trừ loài giặc dốt!

Anh Bảy đứng chống nẹ quắc mắt nhìn quanh, gõ vào bảng đen trên vách, nói tiếp:

- Tôi chỉ dạy cho bà con hai chữ. Học xong hai chữ này thì mọi sự đều biết tuốt. Đây, tôi viết chữ t, tôi viết thêm chữ u, ghép lại thành chữ tu, thêm cái chấm dưới nữa, thành chữ tự. Đây tôi viết thêm một chữ nữa là chữ d, một chữ nữa là chữ o. Chữ d ghép với chữ o thành do. Đó là hai chữ *tự do*.

Cả lớp cười to khoan khoái. Tất cả đều công nhận là chú Năm Mùi đã nói rất đúng: Chỉ có một người thông kim bác cổ, văn võ toàn tài mới có thể có một cách giảng dạy hay đến thế và mới có thể nện một nắm đấm vào cây cột làm cả nhà rung lên như thế!

*

* *

Tôi và thằng Cù Lao lên làm thầy dạy cho bà Hiến viết được chữ Hiến và ông Bốn Rì viết được chữ Rì giữa sự vui sướng của mọi người. Việc đó có làm cho tôi phồng to lỗ mũi. Chị Ba, anh Bốn dặn còn phải làm công tác quần chúng. Chúng tôi đã xông vào buồng của bà Hiến, dọn dẹp tất cả cho bà. Lại còn gánh nước, nấu cơm. Nhưng để xứng đáng danh hiệu làm thầy, chúng tôi còn phải làm xong một việc thứ ba, việc này anh Bốn cho là rất quan trọng. Đó là phải biết nói chuyện thời sự, chuyện ở bốn bể năm châu để làm cho bà Hiến và ông Bốn Rì biết nhìn xa thấy rộng, không bị giam hãm mà đã trở thành những ống thiên lí xa soi nghìn dặm như trong câu thơ của thầy Lê Hảo. Đối với nhiệm vụ này, riêng tôi, tôi thấy rất khó thực hiện. Thỉnh thoảng tôi cũng có nghe những chuyện bàn tán của các chú cán bộ về chuyện thời sự nước ngoài. Tôi chỉ nghe được lôm bôm, không đầu không đuôi, nên tất cả hiện lên càng rắc rối hơn tơ vò. Còn việc đi xa để được thấy rộng thì tôi mới chỉ đi đến chỗ chợ. Nhưng cũng may có được thằng Cù Lao. Nó ở ngoài biển, nhìn xa có hơn vạn dặm. Nhưng nghĩ đi nghĩ lại nó cũng thấy bí. Nó bảo nó đã bao lần ra khơi. Nhưng ở đó nó chẳng thấy chuyện thời sự mà chỉ thấy có nước với trời, hai cái này thôi thì mệnh mông vô tận. Nhưng chợt nó quay lại, nói nhỏ vào tai tôi:

- Thôi, Cục đừng lo! Tôi sẽ kể chuyện ở Đà Nẵng. Nghĩ lại Đà Nẵng cũng là chuyện ở xa. Đà Nẵng cách ta đến ba mươi cây số. Nếu chú Năm bảo Đà Nẵng chưa xa thì ở đó có những ông Tây, ông Tàu, ông Mỹ cũng là người ở bốn bể năm châu vừa đến ở Đà Nẵng.

Thằng Cù Lao nói nghe rất có lí. Chúng tôi chạy vụt đến nhà bà Hiến. Tôi giải thích cho bà Hiến nghe vì sao bà phải nghe những chuyện thời sự ở xa. Sau đó thằng Cù Lao bắt đầu kể:

- Tôi ra Đà Nẵng ở một ngôi nhà bốn tầng.Ồ rộng lắm, to lắm. Tôi theo anh Sáu bước lên những bậc đá bằng cẩm thạch, đi dọc những hàng hiên cao, có không biết bao nhiêu cửa chớp! Anh Sáu dừng lại mở cửa. Một căn phòng vô cùng lộng lẫy hiện ra. Tôi loá mắt! Sàn bóng như gương, dưới sàn lại còn trải thảm. Giữa phòng là một chiếc giường to, bọc vải trắng toát. Một giường nhỏ hơn bọc toàn nhung xanh. Mỗi giường có hai chiếc gối bọc lụa thêu hoa. Một chiếc gối đầu, một chiếc gác chân. Dọc tường nào rèm, nào tủ, nào gương to! Một anh Sáu bước vào phòng, gương chiếu bốn bên, thấy năm anh Sáu. Có đến chục phòng như vậy. Mỗi phòng chung diện mỗi cách: Bàn ghế giường tủ bóng lộn. Cốc chén toàn bằng thủy tinh. Mâm đĩa mạ vàng mạ bạc.

Tôi hỏi:

- Nhà chi mà sang trọng rứa?

- Đó là dinh lão sứ, còn gọi là toà thị chính. Nay ta dùng tầng trên để ở, tầng dưới để làm trụ sở của Ủy ban Đà Nẵng.

Thằng Cù Lao kể tiếp:

- Một tên thống sứ không chỉ có một ngôi nhà ở Đà Nẵng, mà còn có nhà ở Bà Nà, gọi là biệt thự. Nó còn có biệt thự ở Bạch Mã, Đà Lạt. Mùa hè, lên đó ở để cho mát.

Ở lớp huấn luyện, một hôm anh Sáu nói: “Hoà Phước là làng tôi ở. Ở đó có một bà già tên là bà Hiến. Bà ở trong một cái lều, lều không có cột, chỉ làm bằng hai mái tranh ghép lại. Muốn vào lều phải quỳ xuống bò bốn chân. Nếu ta xếp lại bên nhau cái lều của bà Hiến và ngôi nhà này của tên sứ thì sẽ thấy một sự thật mỉa mai. Dân ta có hàng triệu người như bà Hiến”. Anh Sáu nói tiếp: “Lịch sử cho phép chúng ta ngày nay so sánh những việc như vậy. Người còn sống phải nhớ những việc đó. Cách mạng đã cho phép bà Hiến đến Đà Nẵng không bị bắt bớ. Chúng ta sẽ mời bà đến dinh lão sứ ở chơi vài hôm!”

Bà Hiến hỏi:

- Vậy chỗ đó là của ta rồi hả?

Bà Hiến phải công nhận là những chuyện thời sự của thằng Cù Lao kể đã làm cho cái “ổng thiên lí của bà đã xa soi đến xứ Đà Nẵng”.

Tôi nhấn mạnh thêm:

- Nhà lão sứ là của mình rồi! Thằng Cù Lao được vào ở, sướng chưa?

Thằng Cù Lao lắc đầu:

- Không sướng đâu! Tôi leo lên giường. Cái giường cứ nhún nhảy như bị sóng đánh. Tôi nằm im không dám lăn qua lăn lại. Ngủ trên bãi cát sướng hơn. Cứ lăn tròn đến đâu cũng được. Cái nệm nghe như lửa đốt. Cái giường tre của mình thế mà mát. Anh Sáu còn bảo tôi phải rúc vào một cái bông trắng toát. Anh vặn cái bông sen, nước tưới loà xoà. Anh bảo tôi phải tắm. Tắm vậy rất khó chịu! Tắm xong phải mặc bộ đồ mới. Áo phải bỏ vào quần, phải gài hết nút. Nhìn vào gương, mình thấy như một thằng nào lạ hoắc!

Tôi hỏi:

- Diện sang rứa, thế Cù Lao làm chức tước gì?

- Ban đêm, làm anh học trò. Ban ngày, làm tổ viên tổ tiếp liệu, trực thuộc Phòng quản trị. Phòng quản trị đặt dưới chỉ huy của văn phòng. Tôi làm nhiều việc rất quan trọng. Ở đó khách khứa suốt ngày. Tiếp cả khách bên Tàu, bên Tây, bên Mỹ nữa. Một lần gặp Mỹ, hai thằng Mỹ quan tư. Chúng đến Đà Nẵng nói đi tìm xác Mỹ bị Nhật giết trên Tây Nguyên. Chúng đến bằng máy bay, nhờ chính quyền Đà Nẵng giúp đỡ, được ở ngay tại toà thị chính.

Tôi hỏi:

- Thế Cù Lao có được ngồi ăn không?

- Làm chi! Tôi làm phụ hầu bàn. Một thằng vừa ăn vừa gật gật nói tiếng Mỹ. Anh phiên dịch cho biết là nó khen món ăn Việt Nam rất ngon. Chúng cũng rất mê phong cảnh Việt Nam. Màu xanh Việt Nam đẹp nhất trên địa cầu, không đâu sánh kịp. Họ có chương trình đến thăm núi Trà Sơn, thăm Vũng Thùng, thăm mỏ vàng ở Bồng Miêu, mỏ than ở Nông Sơn, mỏ kẽm ở Đức Bó, thăm kho chứa xăng ở Liên Chiểu. Ta tiếp đãi họ cực kỳ trọng thể! Mỗi bữa ăn được bày ra đầy bàn, đủ hết món ngon vật lạ. Chỉ về rượu để nhấm nháp, cũng đã có bốn thứ rượu, bữa ăn có lúc kéo dài đến hai giờ liền...

Tôi kêu lên:

- Ăn nhiều quá!

- Vừa ăn vừa trò chuyện!

Thằng Cù Lao gật gật:

- Nhưng không phải ăn ít!

Thằng Cù Lao cho biết hôm đó, sau bữa ăn, anh Sáu trò chuyện với bạn bè cho biết ở thôn anh có một bà gọi là bà Hiến. Bà đó, với một nải chuối, bà sống được mười hôm – Nạn đói vừa qua đã làm dân ta chết hơn ba triệu – Số đói kinh niên có đến năm bảy triệu người...

Tôi hỏi bà Hiến:

- Bà có bị đói không bà?

Bà Hiến thút thít.

Tôi nói như quát:

- Thút thít cái chi? Bà sẽ được mời ra toà thị chính, được các anh đãi tiệc, được nằm giường lò xo... Nhớ là trước khi đi Đà Nẵng phải tô son, phải đánh phấn, phải xức dầu thơm! Chớ có lười thôi, người ta không cho bà vào đó!

*

* *

Đối với ông Bốn Rì, thằng Cù Lao cũng nói cho ông biết những chuyện thời sự như đã nói với bà Hiến. Ông Bốn Rì tỏ ra rất thờ ơ. Sau đó nó kể cho ông Bốn Rì nghe chuyện lính Tưởng Giới Thạch đến Đà Nẵng, từ đó chuyển sang chuyện nó học việc băm thịt, chặt xương. Nay nó băm thịt được cả hai tay, là nhờ nó được học tập cách băm thịt ở Đà Nẵng. Tôi lấy làm lạ, hỏi cắt ngang:

- Sao lạ vậy? Cù Lao ra Đà Nẵng được ở nhà bốn tầng, được đề bạt làm tiếp tế, sao lại bị giáng chức xuống làm việc băm thịt, chặt xương?

- Là vì sau này, anh Sáu ban ngày làm việc ở toà thị chính nhưng ban đêm phải đi ngủ nơi khác. Quân Tây và quân của Tưởng Giới Thạch đến đóng ở Đà Nẵng. Toà thị chính ở sát ngoài biển, nhờ bị đánh úp, ta không lối thoát. Ta phải đề phòng...

Ông Bốn Rì hỏi:

- Ta thắng rồi mà! Sao đánh ta được?

- Đó là những lính của Tưởng Giới Thạch theo lệnh đồng minh kéo sang ta, lấy cớ là để giải giáp quân Nhật. Ở Đà Nẵng chúng chiếm các đồn trại, cầm đại đao đứng chắn các ngã đường. Buổi tối, tôi và anh Sáu về ngủ ở nhà ông bà Đán, chỗ này kín đáo hơn. Hằng ngày, ông Đán gánh một gánh bún bò ra chợ để bán. Bà Đán cũng làm như ông. Nhưng một hôm hai ông bà đã to tiếng. Bà Đán nổi khùng đã cho ông Đán một đá.

Ông Bốn sừng sốt:

- Đàn bà sao dám nện đàn ông một đá?

- Cũng tại lính của Tưởng Giới Thạch đó!

Thằng Cù Lao kể cho ông Bốn Rì biết lính của Tưởng Giới Thạch đưa nào cũng vàng vọt, bụng beo, đưa nào cũng là tướng quýt, chúng đã làm cho tất cả những gánh bún, gánh mì ở chợ đều phải hoảng sợ, khi thấy chúng đằng xa là phải chạy tránh!

- Một hôm ông Đán vì chậm chạp nên chúng đã sà đến. Chúng đưa một xấp bạc ra hiệu cho ông Đán phải bán bún. Ông Đán múc ra năm bát cho năm thằng. Loáng một cái năm bát đã hết sạch. Phải múc thêm năm bát nữa! Lại còn phải múc thêm, múc thêm! Ăn xong chúng đứng dậy bỏ đi. Ông Đán đòi tiền, chúng rút dao vung loang loáng. Nhưng một đứa chọt trợn trừng cặp mắt, lão đảo, ngã lăn quay. Đồng bào chúng quanh nổi kêu tán loạn:

- Có án mạng! Có án mạng!

Ông Đán hoảng quá, quảy gánh bỏ chạy. Khi chạy ông bị ngã nhào, bát đĩa vỡ gần hết. Việc đó làm cho bà Đán cứ nhần nhần nhí nhố. Ông bà cãi lộn. Bà biết thế võ, đã cho ông một đá, ông ngã tênh hênh. Sau đó, khi đi bán bún, ông Đán có nhờ tôi đi gác. Tôi đứng gác ở đầu chợ, khi thấy lính của Tưởng Giới Thạch từ xa, tôi đã chạy báo cho ông biết trước... Sau đó khi rảnh rỗi tôi còn giúp ông làm bún xáo. Ông dạy tôi cách chặt xương, cách băm thịt. Nay tôi băm thịt được cả hai tay là nhờ những buổi băm thịt ở nhà ông Đán.

Ông Bốn Rị nghe chăm chú những chuyện thời sự về lính của Tưởng Giới Thạch, về chuyện băm thịt. Ông Bốn Rị cũng nhất trí là thằng Cù Lao giúp ông chặt xương chó và băm thịt chó rất giỏi!

4

Suốt năm 1946 là mùa xuân. Mùa xuân như kéo dài đến tháng Mười. Mùa mía đường đã qua, tôi chưa thấy mía nào ngọt bằng mía năm đó. Đến mùa tơ tằm, tôi chưa thấy sợi tơ nào mượt bằng sợi tơ năm đó. Ngô nướng có một vị ngọt khác thường. Dọc đường đầy tiếng chim. Tiếng bồ chao vang lừng. Tiếng bồ cát ầm ập. Và thật kỳ diệu! Núi non bỗng sáng lên rồi rọi. Cỏ cây dọc đường rung lên, reo vui, trò chuyện. Lúc tôi còn nín áo mẹ theo vào chợ chiều, con đường làng xa xôi như dài đến xứ... Tây Trúc. Con đường ngắn dần, cho đến năm 1946 nó bỗng dài ra thênh thang vô tận. Tôi đi dọc đường gặp toàn những nụ cười thân mến. Chuyện ném đất đá vào đầu ông Bốn Rị hoá xa xôi thành chuyện thời trước. Trong làng, những đứa láo xược nhất không còn gọi tôi bằng thằng, “thằng Cục chần trâu, bị một cục u trên trán”. Ông thợ mộc ngoài vạn không còn hỏi tôi có giấu chơi chiếc đục. Ông còn mời tôi uống bát nước chè. Tôi và thằng Cù Lao được cả ông Tư Trai mời nếm món mắm ngon của Đà Nẵng.

- Ngày Cục, ngày Cù Lao! Ngồi lại đây ăn thử cho biết. Đây là thứ mắm dánh. Ông Biện Thành ở Đà Nẵng gọi biếu tao đó!

Tôi bỏ thói vật lộn, chọc chó và đi rong. Tôi làm gì cũng có ý có tứ. Trước kia khi ra sông tắm, tôi cởi phăng hết quần áo, rồi hết tưng:

- Hãy theo ta!

Tôi nhảy tòm xuống sông. Bọn chần trâu nhảy tòm theo. Chúng tôi chơi trò dìm nước. Đứa này cố dìm đứa kia xuống nước. Chơi rất ác! Đề nhau đến ngạt thở, phải lạy mới chịu tha. Sau này, chúng tôi không tắm vậy nữa. Tôi và thằng Cù Lao mặc cả quần khi xuống tắm. Nếu phải cởi quần, hai đứa phải chạy ra xa, đi khom khom rồi đột ngột phóng xuống nước. Tôi phải cúi sấp về phía trước, đưa lưng cho thằng Cù Lao kỳ cọ. Tôi bắt nó kỳ nách, kỳ hông cho đến hết mùi khét của trâu mới thôi. Tôi bắt thằng Cù Lao đưa lưng cho tôi kỳ. Tôi vừa kỳ vừa ngửi, kỳ cho đến lúc da nó đỏ lên mới thôi. Thằng Cù Lao bắt chúc người lớn uống nước chè đặc. Nó uống cạn bát, chép miệng gật gù:

- Chà! Ngon quá!

Tôi bắt chúc người lớn ăn cay, nói lớn, nhỏ thật xa, vỗ vai tụi nhỏ, sai chúng làm việc này việc nọ. Tôi nói với mẹ nên bán quách con trâu Bình. Nghề chần trâu chẳng nên danh giá gì. Tất cả bọn chần trâu dù siêng năng đến mấy cũng bị gọi bằng thằng, bằng bọn, bằng tụi, bằng lũ. Có đứa chần trâu nào được gọi là thầy chần trâu đâu!

Đất trời năm 1946 trong veo cho đến tháng Chín. Núi Trường Định, hòn Cà Tang vẫn xanh. Đến thu, vài hạt mưa bay. Đến tháng Mười có gió heo may, có mây mù. Mưa lại đổ. Con sông

Thu Bồn lại phềnh ra, đổi màu xanh ra màu vàng. Nhưng chỉ hơn một tháng sau nước lại xanh leo lèo. Vạn Hoà Phước trong veo, thấy được từng hòn sỏi dưới đáy nước. Thuyền qua lại đông hơn. Đến giữa mùa đông, một thuyền mảnh hai buồm cập bến Hoà Phước. Một cán bộ bước xuống bến, đi thẳng vào làng, trao cho anh Bồn Linh bức thư của anh Sáu ở Đà Nẵng gửi về. Thư viết:

“Chú Bồn.

Đà Nẵng phải chuẩn bị mọi việc sẵn sàng. Bên tư pháp đưa về gửi tạm ở Hoà Phước bốn chiếc rương. Nhờ chú sắp xếp để cất giấu cho chu đáo. Chú có thể tạm cất bốn chiếc rương trong miếu Bà Tằm rồi khoá cửa miếu lại.

Ký: Nguyễn Văn Sáu

Tái bút: Ngoài này có bác sĩ Thụ muốn đưa vợ và cô con gái là Tuyết Hạnh về Hoà Phước ở tạm một thời gian. Họ đi trước như vậy để được yên ổn. Nhân tiện nhờ chú tìm nhà và sắp xếp chỗ ở cho họ. Bà Thụ gốc người làng mình, như chú đã biết”.

Người đưa thư cho biết bốn chiếc rương đã cập bến. Anh Bồn Linh phải cho ngay người đưa rương vào làng cất giữ. Anh Bồn theo người đưa thư ra bến. Bốn chiếc rương lớn bằng kẽm chiếm trọn một khoang thuyền. Rương nào cũng khoá kỹ. Anh Bồn gọi chú Năm Mùi đi hạ tre làm một đôi quang mới, gọi ông Kiềm Lài và đội tự vệ đưa bốn chiếc rương lên bờ. Bốn chiếc rương kẽm sắp thành một dãy sáng nhoáng. Trên mỗi rương đều có ghi bốn chữ T.A Quân sự. Nét chữ gân guốc. Tuy không nói nhưng tất cả đều nghĩ đó là những rương vũ khí. Tôi và thằng Cù Lao đoán T.A Quân sự là loại vũ khí vô cùng lợi hại. Từ cổ chí kim, Hoà Phước chưa tiếp những “vị khách” lạ như vậy! Bốn chiếc rương kẽm từ bến sông tiến vào làng uy nghi như bốn cỗ pháo tiến vào trận địa!

*

* *

Thằng Cù Lao rất toại nguyện được chú Năm Mùi phân công giữ kho vũ khí T.A Quân sự. Giữ vũ khí cũng là công tác quân sự. Cha nó vào công tác trong quân giới, là công tác quân sự, nay nó cũng được làm công tác quân sự. Thằng Cù Lao lúc ở Đà Nẵng từng thấy đoàn quân Nam tiến rầm rập bước vào sân ga, giữa muôn nghìn tiếng hô như sấm động...

Mỗi lúc chiều xuống, trước khi đến lớp bình dân, tôi và thằng Cù Lao đi tuần tra một vòng vào miếu. Sau khi những ngọn đèn từ các lớp học toả ra, chúng tôi lại tuần tra một vòng vào miếu. Thằng Cù Lao nắm tay tôi bước lờ lờ như chui vào hang sâu thăm thẳm. Ngôi miếu nằm giữa những cây đa to, bóng tối đen đặc. Chợt thằng Cù Lao nói khẽ: “Đến rồi”. Nó đẩy cửa miếu kéo tôi bước qua ngạch cửa. Tôi khụt khịt muốn ho. Thằng Cù Lao bóp bóp tay tôi, bảo phải im. Tiếng gió huýt dài. Cả chòm sung xào xạc. Trên nóc miếu như có tiếng chân đi. Chợt một loạt tiếng “tắc, kè” khô khốc, nổ sát bên tai. Tôi giật bắn người. Thằng Cù Lao thì thào bảo tôi phải bám tay. Nó đã bày cho tôi cách chống sợ, phải bám ngón tay cái vào đầu ngón tay trỏ. Thằng Cù Lao đập nhẹ chiếc rương. Roắc! Tắc kè bỏ chạy.

Bay ngày, thỉnh thoảng thằng Cù Lao cũng đi tuần tra chỗ cây sung.

Thằng Cù Lao gạ:

- Này Cục! Tôi là một, Cục là hai, chỉ hai đứa mình biết. Chúng mình trèo lên chỗ cái hốc trên cây sung, ngồi trong đó thấy được bãi dâu, thấy hết. Kẻ gian đằng xa, mình thấy được.

Tôi hứa theo:

- Ngồi trên đó! Rất tuyệt! Cứ để bọn Việt gian vào miếu, bắt giặc ta nổi la làng. Cả làng ập đến trối gô chúng lại. Lập thành tích vậy, cấp trên sẽ thưởng cho mỗi đứa cái súng lục!

Nhưng khi nhìn lại thấy cây sung trơn tuột, tôi hỏi:

- Sao leo lên được?

- Khó gì! Ngoài đảo chỉ có vách đá. Vách đá dựng đứng trên biển. Có chỗ nào dựng thang được đâu? Bọn chim yến làm tổ trên đó. Người gỡ tổ yến bơi thuyền đến chỗ vách đá. Yến làm tổ trong các hốc, họ đứng dưới thuyền cầm một dây dài, đầu dây có buộc cây cọc. Họ vớt sợi dây lên vách. Cọc bị mắc vào hốc hoặc vào dây. Họ đu dây, trèo gỡ tổ yến. Ta cũng làm vậy.

Tôi và thằng Cù Lao chạy tìm dây. Nhà tôi có nhiều loại dây, nhưng dây nào cũng đang cột. Nếu gỡ những dây giàn bếp, tất cả những nồi niêu bát đĩa sẽ đổ ào xuống. Con trâu Bình có cái dây mũi. Nhưng mất dây mũi nó sẽ bỏ chạy. Dây cột gàu múc nước là loại mỏng manh. Ông Bảy Hoá có cái dây lưng làm bằng cả một khổ thao rất dài. Ông quấn đến hai vòng quanh lưng, buộc hai mối thả xuống thành một cái chùm xoè đến gối. Mượn được cái dây đó thì tuyệt vời. Tôi cứ nhìn nhưng không dám hỏi mượn.

Tôi bàn nên tháo cái dây treo cần xay lúa. Thằng Cù Lao chưa tháo xong thì chị Ba hiện ra trước cửa. Chị Ba bắt phải cột lại cần xay. Chị xúc lúa đổ vào cối bắt tôi và thằng Cù Lao phải xay. Sau đó, anh Bốn Linh cũng biết việc tôi đi tìm dây. Ông Bảy Hoá bảo tôi và thằng Cù Lao dám cả gan cứ nhìn vào lỗ rốn của ông. Thằng Cù Lao thú thật nó muốn trèo lên cây sung tìm cái hốc. Nó sẽ đặt trạm gác trên đó. Anh Bốn không cho phép trèo cây, như vậy rất nguy hiểm. Theo anh Bốn Linh cho biết thì ra những rương T. A Quân sự chỉ chứa toàn sách và giấy. Đó là những hồ sơ ở sở mật thám Pháp ta bắt được, cả những hồ sơ của toà án quân sự của ta. Chữ “T.A Quân sự” có nghĩa là Toà án Quân sự.

*

* *

Anh Bốn Linh được thư anh Sáu nhờ tìm nhà cho bà đốc Thụ và cô Tuyết Hạnh về ở. Lại một đợt khách thứ hai sau bốn chiếc rương T.A Quân sự. Anh Bốn Linh cân đi nhắc lại, cuối cùng anh chọn nhà tôi. Nhà tôi bằng tranh nhưng xây về hướng đông, có nhiều cửa sổ. Gió và ánh sáng là những thứ bác sĩ rất cần. Một bà đốc vợ với một ông đốc tở về ở nhà quê, không phải chuyện vừa! Cả nhà trên sẽ dành cho bà đốc Thụ và cô gái. Chị Ba xuống ngủ nhà dưới. Tôi sang nhà anh Bốn Linh ngủ với thằng Cù Lao. Tôi và thằng Cù Lao được xếp vào loại chân chạy, bà đốc có nhờ gì, chúng tôi sẽ chạy. Trước đây một vài người ở làng mắc bệnh, lễ bái không lành, đã ra Đà Nẵng nhờ bà đốc nói với ông đốc một tiếng, ông cho cái toa mua vài thứ thuốc. Khi về lại làng, họ đều trầm trở: Bà đốc và cô con gái sướng chi sướng lạ! Đời trước, ông bà có dày công tu nhân tích đức con cháu mới được cái sướng như vậy! Mọi việc bà đốc chẳng thêm động đến móng tay. Bước đi một bước đã có thằng xe. Đi chợ đã có con hầu xách rổ. Ngồi ăn có đĩa đứng quạt. Mẹ đeo kiềng vàng, vòng vàng, mặc toàn gấm vóc. Cô gái mặc toàn tơ lụa, uốn tóc quăn. Cầm, kỳ, thi, họa đều giỏi.

Mẹ tôi nghe bà đốc Thụ và cô Tuyết Hạnh sắp về, chép miệng:

- Nghĩ mà thương bà đốc và cô Tuyết Hạnh! Giặc đuổi, lại một phen gặp cái gian nan!

Tôi thường đi xem hát tuồng ở chợ Quảng Huế, tưởng tượng ra có một bà phi và nàng công chúa bị giặc đuổi chạy. Bà đốc và chị Tuyết Hạnh rực rỡ gấm vóc lụa là, một thị tỳ đẩy chiếc xe loan. Sau xe loan có vài ba thị tỳ khác theo hầu. Một cô cầm quạt, quạt khe khẽ bà phi. Một cô mang tráp trầu, một cô cầm chiếc đèn lồng. Chốc chốc bà phi than thân trách phận. Cô hầu kẻ lẻ là người ta ở đời có lúc thịnh lúc suy. Bà phi chớ quá buồn phiền, mà hại đến vóc ngọc! Nhất định có ngày bọn gian nịnh sẽ bị bêu đầu. Chợt chiếc xe loan đó dừng lại ở đầu làng Hoà Phước. Cả đoàn người tiến vào nhà tôi. Các cô thị tỳ phải đỡ bà đốc bước xuống, chạy lấy nước cho bà rửa chân. Tiếng sai bảo của bà đốc ồm ồm ọ ọ dài ra:

- Con hầu đâu? Têm cho bà miếng trầu!

Tức thì tiếng trả lời cũng ồm ồm hơn nữa:

- Thưa bà, có con đây ạ!...

Có những khách như vậy, nghĩ cũng rất quý.

Bỗng có tiếng chị Ba giục:

- Cục và Cù Lao rút hết những áo quần móc trên kia, đem ra sông giặt hết cho chị.

Chị Ba giảng giải:

- Những bác sĩ ăn ở rất sạch. Sờ đến cái gì là phải rửa tay. Không rửa bằng nước mà rửa bằng cồn. Mình ăn ở dơ dáy, họ không chịu được. Họ bỏ đi nơi khác, thanh danh nhà mình mất hết. Được bác sĩ về ở nhà mình, thiên hạ ngó vô cũng sướng.

Chị Ba nói xong, bước lên giường rút hết chiếu chăn quần áo trên sào. Tôi và thằng Cù Lao vác tất cả đặt lên lưng trâu Bình, bắt nó thò ra sông. Chúng tôi hết đập lại vò, lại ngửi. Chưa có một cuộc tổng vệ sinh nào lại kỹ như vậy!

*
* *

Ở bãi dâu về, tôi đi thẳng vào nhà bà Hiến để dạy học. Có tiếng chị Ba loáng thoáng ngoài ngõ nói bà đốc đã đến. Tôi chạy về nhà. Nhà vắng. Trước sân chỉ có hai người đàn bà mặc áo bà ba đen, xoàng xĩnh như các bà bán mắm. Họ đang nói chuyện với mẹ. Tôi hỏi:

- Bà đốc Thụ và chị con gái dâu mẹ?

Mẹ tôi không trả lời, mỉm cười nói với hai người kia:

- Nó là thằng thứ bốn của tôi đó. Đi làm việc dân việc nước suốt ngày. Hai chân lia lịa như cóc bỏ đĩa. Thấy đó mất đó...

Mẹ quay sang tôi:

- Bà đốc đó, cô Tuyết Hạnh đó. Không biết hả?

Tôi tưng hửng! Vì rõ ràng hai người này không có gì giống với những bà phi trong rạp hát tuồng. Họ chẳng gấm vóc, chẳng có vòng vàng. Một người là một bà đứng tuổi, có cặp mắt thâm quầng. Cô con gái khoảng mười sáu, mười bảy tuổi, gầy nhom, xanh xao như người bị đói. Áo quần của họ bạc màu trông càng tiều tụy. Bà đốc hỏi về tôi. Tôi được bao nhiêu tuổi mà đã “dài đương” được việc nước non tới ngày? Bà ca ngợi bọn trẻ con ở nhà quê, chỉ tí xiu mà cái gì cũng giỏi, học cũng giỏi, làm cũng giỏi, công tác cũng giỏi. Đã như vậy lại còn biết kính trên nhường dưới, biết chịu thương chịu khó giúp đỡ mọi người. Con nít nhà quê không như con nít thành phố, lười biếng, vô lễ, mê chơi, đêm nào cũng đi xem xi-nê-ma, thích ăn diện. Bọn con nít ở phố, ở Hàn, “không bằng cái móng tay” của bọn con nít nhà quê.

Bà đốc nhìn thẳng vào tôi như muốn tìm trong mắt tôi có một hạt bụi nào không, bà nói chậm rãi:

- Tôi mà có được một đứa con như nó, thì sướng biết mấy!

Mẹ nói:

- Ở đây nhất quỷ, nhì ma, thứ ba là bọn chăn trâu đó. Chúng thách nhau vật lộn. Vài bữa lại bị một cục u trên đầu. Lại còn bơi tuốt qua bên sông, tôi sợ quá!

Chị Tuyết Hạnh nhìn tôi, mắt mở rộng:

- Bơi được qua sông, giỏi quá hê!

Mẹ tôi nói tiếp:

- Vừa rồi được cử đi dạy bình dân học vụ, dạy bà Hiến và ông Bốn Rị.

Chị Tuyết Hạnh đầy vẻ thán phục:

- Nhỏ vậy mà đã chiến sĩ bình dân học vụ rồi!

Bà đốc giơ hai bàn tay trắng bệch với những ngón tay nhỏ như muốt đũa than thở:

- Tôi chân yếu tay mềm, chẳng làm ra được lúa gạo! Chỉ có biết ăn nhờ! Vậy chú phải nhin phần cơm cho cô, nghe!

Tôi lúng búng chẳng biết nói câu gì! Chị Ba ở trong nhà bước ra mách:

- Trả lời đi. Trả lời như thế này: chỉ thêm vài đôi đũa, tốn kém chi đâu? Chỉ sợ ngô khoai với tương mắm, cô ăn không được.

Chị Ba mới làm cán bộ mấy tháng mà việc đối đáp giỏi quá.

*

* *

Bà đốc Thụ và chị Tuyết Hạnh suốt ngày cặm cùi may vá. Chị Tuyết Hạnh lấy ra một cái hộp tróc sơn đựng nhiều đồ óng ánh rất sang trọng: Thìa, nĩa, con dao sáng quắc, cái kéo tí xiu, cái pin, con dao díp có đến bốn lưỡi, cái ống sấp tô môi. Chị nói khi tô môi phải ăn diện. Về Hoà Phước sống với nông dân, phải hoà mình, giấu hết áo quần loè loẹt. Hôm nay chị giống như ma đói. Hôm nào chị diện vào, tôi và thằng Cù Lao sẽ thấy chị đẹp mắt hồn! Chị soạn một chiếc túi chứa toàn lọ, đựng đủ các thứ thuốc. Chị cho biết các thứ thuốc đó chữa đủ các bệnh. Cơ thể người ta có bộ phận gì thì chị sẵn sàng có thứ thuốc chữa các bộ phận đó. May vá xong, chị Tuyết Hạnh làm mọi việc khác. Chị làm việc không ngớt, quét tước, giặt giũ, xách nước, nấu cơm, làm lia lia còn nhanh nhẹn hơn chị Ba. Chị lên chợ mua đàn dây dừa, cây đèn dầu, hành, tiêu, gạo, mắm. Mua cả chiếu, tự tay xách về. Chị nấu cơm ghế thêm khoai của mẹ tôi vừa biếu, ăn với cá và mắm. Mâm cơm chẳng có món bồ câu hầm, món chè đậu xanh như người ta đồn. Chị Tuyết Hạnh ăn một cách ngon lành, ăn một lèo hết ba bát. Bà đốc Thụ thú thật về Hoà Phước tự nhiên ăn như cạp đói. Hoà Phước có nhiều chất ô-xi như ông đốc cho biết. Bà đến mua thịt chó ở ông Bốn Rì đem về xào nấu trước mặt mọi người. Mẹ tôi không hiểu vì sao một bà phong lưu như bà đốc lại ăn thịt chó. Bà đốc còn cho thịt chó chứa nhiều chất đạm, ăn tốt chẳng có gì ô uế cả. Một bà đốc vợ ông đốc tờ nói thì ai cũng tin. Những người bị nôn ọe vì mùi thịt chó không bị nôn ọe nữa. Chị Ba thấy ăn thịt chó là việc bình thường. Ông Bốn Rì càng mất mùi hôi, ngồi gần ông được.

Mẹ tôi bảo không mấy khi cô Tuyết Hạnh về chơi, chớ có để cô làm nhiều việc, nhưng chị Tuyết Hạnh lại rất thú vị khi được xay lúa, giã gạo, như được múa hát vậy. Chị Tuyết Hạnh lấy đôi vò lớn, gánh một lèo bốn gánh nước đổ đầy vại. Mẹ tôi sợ chị bị ngất. Chị bảo chị nghe khoẻ ra, ngủ thẳng giấc. Tôi đi đâu chị cũng xin đi theo để “học” cho biết. Chị theo sang nhà bà Hiến dạy bà học. Bà Hiến rất thích, vì chị Tuyết Hạnh ăn nói dễ nghe. Thỉnh thoảng chị còn hát khe khẽ cho bà nghe. Tôi mách với chị là thằng Cù Lao có “miếng trời” rất lợi hại. Có được miếng võ đó trong tay thì ai khoẻ mấy cũng bị đánh bẹp. Chị xin tình nguyện làm người học trò nhỏ để được học “miếng trời”. Chị Tuyết Hạnh rút ra một gói nhỏ có hình vẽ một người đàn bà cổ đeo dây cườm, miệng cười tùm tùm. Chị cầm gói đưa cho tôi và thằng Cù Lao ngửi. Đó là miếng xà phòng thơm, chị lấy ra để tặng hai đồng chí nông dân Cù Lao và Cục. Tôi và thằng Cù Lao ra sông tắm thật sạch, sau đó mới “xức” xà phòng thơm. Bọn chăn trâu trong làng cũng được tôi xức cho xà phòng thơm, sau khi tắm rửa sạch sẽ.

Chị Tuyết Hạnh về được vài mươi hôm đã được cử làm chiến sĩ diệt dốt, chị dạy bà Hiến, dạy ông Bốn Rì khi tôi và thằng Cù Lao bận việc khác. Chị được cử làm trợ giảng cho lớp đặc biệt. Mặt trận diệt dốt lại thêm một chiến sĩ học giỏi, không kém tiến sĩ cử nhân ngày trước. Chị Tuyết Hạnh về Hoà Phước mang theo một kho hiểu biết. Chị giỏi lịch sử, địa lí, giỏi tiếng Tây, biết cả đàn hát. Chị kể thao thao bất tuyệt những chuyện phim, những phim đó ai thủ vai chị đều nhớ được. Chị thuộc như cháo tên những đào kép như Cơ-lác Gấp, đào Gác-bô. Dưới trần đời này, Cơ-lác Gấp, Gác-bô là sự tuyệt diệu của tuyệt diệu! Chị có nhiều chuyện mê ly, kỳ quặc, chuyện một con bọ dừa vàng có ba chấm đen trên lưng. Một tướng cướp bắt được một con bọ dừa như vậy, bỗng hoá sáng suốt. Nhờ con bọ dừa đó, tướng cướp đó tìm ra được một kho châu báu chứa đến ba nghìn lạng vàng, một nghìn hạt kim cương và năm nghìn ngọc bích... Nếu không có

con gà trống của bà Hiến nhắc đêm đã khuya, thì tôi và thằng Cù Lao đã thức đến sáng để nghe những câu chuyện giật gân của chị. Những chuyện kể của chị Tuyết Hạnh làm chúng tôi có hôm dậy trễ.

5

Tôi mở bừng mắt, thấy trời đã sáng trắng. Sau mùa mưa lụt, trời ban mai càng cao, càng xanh như có ai vừa chùi quét. Con sông Thu Bồn rì rào khe khẽ. Dưới nhà, chị Ba đang xay thóc. Chị Tuyết Hạnh học giần sàng. Con trâu Bỉnh khua sừng lách cách. Con mèo mướp kêu meo meo, bọn gà mẹ lục tục gọi con. Chợt mẹ tôi gọi chị Ba:

- Để im nghe thử!

Có tiếng nổ! Tiếng nổ từng loạt vang từ xa, nghe mờ mờ nhưng rất vang dội.

Mẹ tôi nghểnh tai:

- Tiếng súng, chúng mày ơi!

Tôi nói:

- Họ đốt pháo đó!

Tôi nói vừa dứt thì một tiếng nổ vang rền. Chó trong xóm nổi sủa. Đàn chim sẻ trên cây mít tung bay.

- Tiếng chi to quá! – Mẹ tôi nói, vẻ lo lắng. – Nổ phía Đà Nẵng! Tiểu đoàn 17 của cha mày ở phía đó!

Mẹ giục tôi và thằng Cù Lao chạy sang nhà anh Bốn Linh hỏi tin tức. Anh Bốn Linh không có nhà. Chị Bốn cho biết anh đã đi đâu, có lẽ đi họp tự vệ ở chòm đa Lý. Tôi và thằng Cù Lao chạy vào chòm đa Lý. Đội tự vệ đang họp ở đó, có ông Bảy Hoá đứng gác. Thấy tôi, ông xua tay quát:

- Dừng lại!

Tôi gọi:

- Chúng tôi đây ông Bảy!

- Không được vào!

Ông Bảy tay cầm kiếm bước từng bước oai nghiêm ra hiệu chúng tôi đi nơi khác.

Tôi hỏi:

- Có anh Bốn Linh ở đây chứ ông Bảy?

- Không biết!

- Ông Bảy có nghe nổ không?

- Không nghe.

Tôi nói to:

- Lỡ tai ông điếc rồi! Nổ dữ lắm. Đó... nghe chưa?

Cặp mắt ông Bảy đảo lia lịa, báo hiệu cơn sấm sét sắp nổ:

- Mày dám nói vậy hả? Tạo điếc hả? Bọn Pháp ở Đà Nẵng đang đánh ta, thằng ngu mới không biết. Có thứ pháo nào lại kinh thiên động địa rứa hả?

Tôi và thằng Cù Lao chạy về nhà. Bà đốc Thụ và chị Tuyết Hạnh đứng trước cửa. Tôi nói ngay:

- Ta và Pháp đánh nhau ở Đà Nẵng rồi!

Bà đốc Thụ giật thót. Mặt mày của bà hoá nhợt nhạt, chân mày của bà nhíu lại, mũi đầy nếp nhăn. Bà quay sang chị Tuyết Hạnh rít lên:

- Đáng đời chưa! Đáng đời thằng cha mày chưa! Tao đã bảo thằng cha mày một cũng phải đi, hai cũng phải đi. Cứ trù trừ. Rủi tên bay đạn lạc...

Rít xong, bà thụp xuống, nước mắt tràn ra. Tôi hiểu bà đốc đang trách ông đốc không chịu đi tản cư trước.

Chị Tuyết Hạnh quàng tay vào vai bà an ủi:

- Không hề chi đâu! Pháp không bắt bác sĩ đâu! Nội chiều nay, ba con sẽ có đây cho mà coi.

Chị Tuyết Hạnh đoán đúng. Chiều hôm đó, ông đốc Thụ đã hiện ra trước nhà tôi. Khác với bà đốc, ông đốc tròn như một hạt mít, đỏ như quả bồ quân. Mặt mày ông đốc đang bốc lửa, mồ hôi mồ kê nhễ nhại. Ông dựng chiếc xe đạp chất đầy bao bị, rút khăn lau phát lia lia.

Bà đốc tiếp ông đốc bằng một tiếng rít mừng rỡ. Hàng xóm nghe có ông đốc Thụ ở Đà Nẵng về kéo đến hỏi thăm không biết cái gì nổ dữ quá? Ông đốc giương to mắt, thả một tiếng “á”. Rồi vừa thờ, vừa khịt, lúc khoát tay, lúc nhún vai, ông đốc kêu lên: Dữ quá! Kinh khủng quá! Ta đánh! Ồi! Ta chiếm nhà máy điện. Dọc đường quốc lộ, cây hạ ngổn ngang. Ồi! Mìn nổ! Á! Cầu Cẩm Lệ rơi tòm xuống sông! Đạn bay vèo vèo! Tôi suýt bỏ mạng! Tôi bỏ ô tô, đi xe đạp loanh quanh lẹo quẹo! Á! Đùng đoàng! Dữ lắm!... Ồi!

Những tràng liên thanh của ông đốc đang nổ thì bà đốc kêu lên hoảng hốt:

- Ấy chết! Đã ăn chi chưa?

Bà đốc chạy vụt xuống nhà bếp. Chị Tuyết Hạnh chạy theo. Bà đốc vẫy gọi chị Ba và thằng Cù Lao chạy xuống. Tiếng gà đập cánh. Lửa bếp bập bùng. Chỉ trong chốc lát con gà mái tơ của chị Ba đã nằm trong đĩa, sạch lông, vàng óng, thơm ngát, sẵn sàng mừng ông đốc thoát vòng lửa đạn.

*

* *

Vạn Hoà Phước bỗng hoá rộn rịp, thuyền qua lại càng đông. Vạn Hoà Phước là đầu mối lên các ngõ nguồn. Hoà Phước có thuyền từ Hội An lên, từ Đà Nẵng đến. Nhiều thuyền trông đường bệ, có đến bốn buồm. Trong số thuyền qua lại có một chiếc ghe bầu to, mũi phẳng, khi đến bến, bác lái thuyền gọi to vào bờ:

- Có phải Hoà Phước đây không?

- Phải rồi!

Bác lái thuyền quay bánh lái thuyền. Chiếc ghe chở nhiều thùng gỗ đóng kín. Trên ghe còn chất nhiều bàn ghế, giường tủ, bao bị. Từ trong thuyền lần lượt chui ra như không bao giờ hết một đám trẻ lóc nhóc. Có một đứa trạc tuổi thằng Cù Lao. Một ông già vừa chui ra, vừa quát tháo. Tiếp theo sau là hai người đàn bà, tay bế trẻ em. Một bà già xương xẩu chui ra sau rốt. Tất cả đứng chen chúc trên mũi. Ông già chuyển bao bị cho bác lái thuyền đưa xuống bến. Bọn chần trâu gọi nhau kéo đến dõm ngó. Chúng hít hít đánh hơi, chỉ trỏ những thùng gỗ:

- Mắm! Mắm! Chúng bay ơi!

Ông già nói với đám con cháu:

- Phải ngồi đợi đây! Tao vào làng gặp bác Tư Trai cái đã!

Nói xong, ông già xách chiếc dù đi vào xóm, đến thẳng nhà ông Tư Trai.

Ông Tư Trai ở cạnh nhà tôi có một người em, quen thân với ông Biện Thành làm nghề buôn mắm. Do đó ông Biện Thành và ông Tư Trai quen nhau. Lúc Đà Nẵng nổ súng, ông Biện Thành tản cư về ở nhà ông Tư Trai mang theo nhiều thùng mắm.

Ông Tư Trai gặp ông Biện Thành cười khà khà:

- Ông dọn về đây phải lắm! Ở đây người đông như kiến mấy mắm bán cho đủ!

Ông Biện cười theo:

- Bị lũ cháu đông quá! Sợ không có chỗ ở!

- Lo chi! “Khéo ăn thì no, khéo co thì ấm”. Cứ hạ những bó bã mía của tôi xuống, lấy chiếu rải lên. Nằm vậy êm như nhung đó!

Như vậy Hoà Phước đón đợt khách thứ ba sau những chiếc rương, sau bà đốc Thụ.

Ông Biện Thành và ông Tư Trai cùng dắt nhau ra vạn. Ông Biện Thành chỉ vào lũ trẻ suýt soát tuổi nhau, bảo đứa này là cháu ngoại, đứa kia là cháu nội, có đến mười đứa. Bọn nhỏ léo nhéo đòi ẵm, đòi dắt. Ông Biện Thành vung chiếc dù chỉ vào mặt chúng:

- Có chân là phải đi! Không bế bồng chi cả! Mấy đứa lớn xách được cái gì thì phải xách. Thăng Sơn Hải dẫn đi. Đi theo đường kia, nghe chưa!

Lệnh vừa hạ xuống, bọn trẻ ùa đến nhặt bao bị đeo lên vai. Thăng Cù Lao chạy đến phía trước:

- Đi theo tôi đây!

Bọn trẻ con đi theo hàng dọc, gọi kêu ầm ĩ. Khách đổ bộ xuống Hoà Phước lần này ồn ào, nhí nhố, khác hẳn bốn chiếc rương kèm oai vệ lẫm lẫm, khác hẳn bà đốc Thụ bất ngờ và im lặng.

Ông Tư Trai nhìn lên thấy mặt trời đã chui vào chòm sung. Việc vận chuyển đồ đạc của ông Biện Thành phải làm gấp. Ông chạy gấp chú Năm Mùi. Chú Năm chạy rút anh Bảy Hoàn, ông Bảy Hoá, ông Kiểm Lài, ông Bốn Rị... tất cả phải ra ngay ngoài vạn mang theo quang gánh đưa đồ đạc của đồng bào chạy giặc vào xóm.

Nhà ông Tư Trai chột như có giỗ lớn. Cháu con nội ngoại, bồng đầy nhà. Phải nhóm thêm ba bếp ngoài sân. Mâm bát cái lanh canh lách cách. Bữa ăn có đến bốn mâm. Nhà ông Tư hoá giàu có, chật ních đồ đạc. Gian giữa thêm ba chiếc tủ, một bộ bàn, bốn chiếc ghế. Giường thêm đến bốn chiếc, không phải loại gãy chân một đục, mà toàn loại gỗ rất nặng. Nội niêu, ấm tích, chén bát, bao bì thôi thì đầy nhà! Đặc biệt còn có một chiếc đồng hồ rất to treo trên vách. Chốc chốc tiếng đồng hồ nổi rọt rọt, tiếp theo là những tiếng “kính coong” êm như ru. Chỉ đếm tiếng “kính coong” cũng biết mấy giờ. Mỗi khi đồng hồ “kính coong”, ông Biện Thành kêu toáng lên:

- Một giờ rồi! Phải cho bọn trẻ con ăn trước đi!

- Hai giờ rồi! Con Bảy phải xuống chợ xem thử...

Thăng Cù Lao là người được vinh dự vác cái đồng hồ đó về nhà. Tôi là người được đưa bốn chiếc đinh cho ông Biện Thành đóng để treo lên vách. Bọn trẻ trong làng kéo đến xem cái đồng hồ “kính coong” của ông Biện. Chúng còn được ngắm những bức truyền thần của ông Biện nữa. Một bức vẽ chân dung ông bà Biện, ông Biện oai phong lẫm liệt, mặc bộ đồ tây cầm một chiếc gậy có ngù như sẵn sàng vung gậy nện vào kẻ khác. Bà Biện đứng sát bên cạnh ông Biện, mặc áo hoa, tóc cài trâm, cổ đeo dây cườm, tay đeo dây xuyên. Hai ông bà đều sang trọng, phong lưu. Ông Biện Thành trong bức họa khác hẳn ông Biện Thành đi tản cư trán thấp, vai u, cù mì cục mịch, mặc một bộ đồ cộc đen. Bà Biện Thành trong tranh mũm mĩm, trẻ trung, đài các, khác hẳn với bà Biện Thành xương xẩu hốc hác, người đầy góc cạnh. Trong những khung gỗ khác còn nhiều bức ảnh, chụp toàn những người sang trọng, người cầm trong tay quyển sách dày cộp,

người cầm chiếc đàn. Ông Biện Thành thấy thằng Cù Lao cứ đứng ngẩn ngía, ông chỉ vào các bức tranh:

- Đó! Chú muốn cái nào thì cứ lấy.

Ông Biện Thành người thấp, nhưng rất nhanh nhẹn. Ông quấn trên đầu một chiếc khăn lông to. Những ông lái ghe bầu thường có một chiếc khăn như vậy. Ông ngồi không yên. Hết lên nhà trên, lại xuống nhà dưới, đi ra đi vào, xem xét, chỉ trỏ, ra lệnh cho đám con cháu làm việc này, việc khác. Ông không chịu người khác làm một việc gì chưa vừa ý. Chiều chẵn cần trái thật ngay ngắn, đồ đạc cần móc lên cao, tất cả những gì cần gói, cần đập, ông đều có ý kiến phải gói phải đập.

Ông xuống nhà bếp bắt phải đặt lại ông táo, bày vẽ cách thái thịt. Ông đến ngay nhà ông Bốn Rì mua thịt chó. Ông đến thăm bà đốc Thụ vì bà đốc cũng chạy giặc như ông. Ông Biện rất thích được chỉ huy cả toán trẻ con. Có đứa nào làm gì sai trái, đứa khác dọa ngay: Tao về mách với ông, ông cho mày biết!

Ông Biện Thành nói:

- Chỉ vắng mặt tôi vài giờ là tất cả đều nát bét, tụi con nít làm rồi tung như mớ bông bong!

Trong đám cháu của ông Biện có Sơn Hải là đứa lớn nhất. Nó suýt soát tuổi tôi, có đôi má tròn, cổ tay cổ chân cũng đều tròn. Những ngày đầu về Hoà Phước, nó lảm lì, ít nói. Tôi hỏi:

- Ngoài Đà Nẵng có chi lạ không?

Nó trả lời gọn lỏn:

- Không!

- Có đèn điện, nhà lầu, ô tô?

- Có.

- Có toà thị chính bốn tầng?

- Có.

- Có thấy bọn Tàu Tưởng, bọn lê dương không?

- Có.

Nó ít nói được vài ngày. Sau đó, nó nói nhiều, nhiều hơn cả tôi. Đến ngày thứ ba, tôi được biết Sơn Hải là một tay võ sĩ, giỏi môn quyền Anh và môn ném tạ. Về Hoà Phước, Sơn Hải mang theo một quả tạ. Sơn Hải đứng chạng chạng, ưỡn ngực, thót bụng, méo mồm, lên gân, co hai cánh tay bảo thằng Cù Lao bóp vào vai, vào bụng, xem những bắp thịt ở đó đã “cứng” chưa. Nó phải tập luyện để sau này trở thành một võ sĩ loại nặng đo ván bất kì võ sĩ nào khác. Như vậy, nó sẽ được đứng trên võ đài giữa những tiếng hoan hô như sấm. Thằng Cù Lao bảo nó đi một thao quyền Anh để xem thử. Sơn Hải cãi lại:

- Thao quyền Anh là gì? Không ai nói vậy. Phải nói đánh bốc hay bốc-xê. Võ sĩ đánh bốc là bốc-xơ. Này, mình bốc-xê cho mà coi.

Nó nhảy ra đứng thẳng người, quắc mắt thu quả tạ. Nó phóng tay trái thẳng về phía trước ngang tầm mắt. Tay mặt thu sát bên tai rồi vụt nhảy, vừa nhảy vừa ném lia tạ tay phải về phía trước. Cách đánh bốc của nó trông hùng dũng, rất lạ mắt.

Tôi hỏi:

- Thế Sơn Hải đã bốc-xê với ai chưa?

- Ít thôi. Mình có ông chú nhiều lần lên “rin” đánh hai “rưon” liên tiếp.

Nó cho biết suốt đời nó chỉ thích cái bốc-xê. Nó không thích vật lộn, bơi lội, không mê thứ hát bội. Cơ-lác Gấp và Gác-bô của chị Tuyết Hạnh không phải là sự tuyệt diệu của tuyệt diệu. Chính võ sĩ Đờ Lu-i mới là sự xuất chúng của xuất chúng!

Tôi hỏi:

- Có khi nào Sơn Hải bị u đầu hay gãy răng không?

- Còn nguyên cả. Bốc-xê dễ bị sái quai hàm. Quai hàm với răng vẫn còn đây này! – Sơn Hải nhe răng cho tôi thấy.

Tôi và thằng Cù Lao bàn nhau thử dùng miếng trói của anh Long để chơi lại cách đánh bốc của Sơn Hải. Thằng Sơn Hải khi bốc-xê cứ đâm lia lịa. Thằng Cù Lao khi đi quyền phải đứng trụ. Một đằng thì phải tìm sơ hở. Một đằng thì nhảy nhót lung tung. Hai cách đấu khác nhau một trời một vực. Rất khó biết được bên nào thắng bên nào bại. Thằng Cù Lao đứng trụ một lúc, thằng Sơn Hải nhảy nhót một lúc, hai đứa nổi cười! Tôi làm trọng tài không hiểu luật lệ đánh bốc thế nào, cho phép hai bên được hoà, để một bên khỏi bị sái quai hàm, một bên khỏi gãy tay. Tôi tuyên bố hai bên hoà nhau, Cuộc đấu chấm dứt.

*

* *

Ông Biện Thành vừa vào đến sân, bọn cháu nội ngoại của ông đã ùa ra. Nhiều đứa ôm chặt chân ông, kêu lên:

- Đói quá! Đói quá!

Tất cả lật áo đưa bụng cho ông Biện xem:

- Đã xẹp đây này!

Ông Biện Thành nghiêm nét mặt:

- Đang chạy giặc, có phải ở nhà đâu!

Ông Biện cho mười cháu nội ngoại của ông là mười miếng cá mập. Chúng nuốt đá cũng tiêu, nhưng chúng không làm ra nửa xu. Chỉ vài tháng nữa tiền bán hai mươi thùng mắm của ông sẽ tiêu ra khỏi.

Vừa về Hoà Phước, ông Biện Thành đã nói với ông Tư Trai biết rõ kế hoạch làm ăn:

- Tôi phải mua một chiếc thuyền nhỏ. Bắt thằng Sơn Hải bỏ theo thuyền. Cù lên xuống sông Thu Bồn, đem mắm ở biển đưa lên nguồn để bán. Lại chờ mít chuối trên nguồn đem xuống biển để bán, ấy vậy mà lời to.

Nhưng dùng một cái, Pháp cho tàu phá ngoài biển. Thuyền chài không thể đi khơi. Các con ông Biện Thành viết thư cho biết nghề mắm phải nghỉ hết. Ông Biện loay hoay chưa tìm ra kế sinh nhai. Việc đó phải lo gấp, vì mười cái miếng “cá mập” luôn luôn kêu đói.

Bọn cháu ông Biện Thành thấy cái gì cũng để mũi vào, gặp gì cũng sờ mó, làm vương chân vướng cẳng mọi người.

Chúng kéo ra đàng đi nghêu ngهن xuống đến chợ, dòm dòm ngó ngó. Chúng nhặt sỏi ném vào bụi tre, đuổi lũ quạ. Thằng Sơn Hải ra sông, gạ bọn chần trâu đi ném tạ. Không hiểu sao tạ lại ném vào chân bọn nhỏ, có đứa đi cà nhắc. Sơn Hải bị mẹ rút đũa bếp quất vào mông. Sơn Hải bỏ chạy, sau đó trốn biệt. Thằng Cù Lao biết nó chui vào cây rơm nhà anh Bốn Linh. Đến bữa ăn, Sơn Hải không về. Thằng Cù Lao mách cho mẹ Sơn Hải biết là nó đang ngồi trong cây rơm. Mẹ nó đến dỗ:

- Thôi về đi con, về ăn cơm kéo đói bụng!

Nó trong cây rơm nói ra:

- Không về đâu. Phên này phải chết cho rảnh!
- Mẹ để phần cho mày đĩa thịt chó!
- Thịt chó cũng không về đâu!

Mẹ nó tản đi nơi khác, vẫy thẳng Cù Lao, nhờ thẳng Cù Lao đỡ nó chui ra.

Thẳng Cù Lao đứng trước cây rơm nói vào:

- Mẹ mày về rồi! Ra được đó.

Thẳng Sơn Hải nhảy vọt ra. Tôi và thẳng Cù Lao chạy đến gỡ rơm rác dính đầy người nó. Sơn Hải về nhà lấy cơm ăn. Ăn xong, nó chạy tìm thẳng Cù Lao. Hai đứa dắt nhau đến nhà ông Bốn Rì để dạy ông học và xem ông làm thịt chó.

6

Ở Hoà Phước có nghề trồng dâu nuôi tằm, nghề kéo thao, nghề làm ruộng. Nhưng tất cả đều không hợp với ông Biện Thành. Chú Năm Mùi bàn với ông Biện nên theo nghề nấu đường. Nhà ông Tư Trai sẵn có lò đường. “Có chi làm nấy”. Chú Năm phân tích:

- Bác Tư Trai đã bỏ vốn dựng lò đường thì bác Biện Thành phải bỏ vốn ra mua mía. Bác Tư Trai coi làm đường, bác Biện Thành chở đường đi bán. Lờ lãi chia đôi. Như vậy đồng tiền trừ bạc phân minh, không bên nào thiệt hơn, hơn thiệt chi cả!

Ông Tư Trai khụt khịt:

- Tôi có nói thiệt hơn, hơn thiệt chi đâu!

Chú Năm Mùi vẫn nghiêm trang:

- Sau này yên ổn, việc làm ăn của hai bác mở ra. Đường ở đây chất lên thuyền chạy ra Đà Nẵng. Mắm của Đà Nẵng chất lên thuyền đưa về đây. Thuyền đường, thuyền mắm cứ qua lại, lại qua! Công ty Biện Thành - Tư Trai càng ngày càng phát đạt. Từ sông Thu Bồn ra đến Đà Nẵng phải đặt thêm nhiều đại lí. Lúc đó, tôi xin một chân thư kí.

Ông Tư Trai cười xoà:

- Thiệt có lí! Chung nhau làm đường, thế mà hay đó!

Ông Biện Thành sẽ ở lại Hoà Phước làm đường với ông Tư Trai. Cái vui như gấp bội. Tôi và thẳng Cù Lao cố cho trâu Bình ăn thật no, để nó kéo che ép mía. Mỗi ngày nó kéo hai lần, tôi sẽ được hai lần gặp thẳng Sơn Hải, tôi sẽ có cơ hội học môn ném tạ với môn quyền Anh. Sẽ cùng nhau tìm bắt con bọ dừa có chấm đen để tìm ra một kho châu báu như chị Tuyết Hạnh đã bảo. Nhưng Sơn Hải lại được phân công giữ mía ngay ngoài đám mía. Nó quét dọn rác mía, dồn ngọn mía, dồn củi mía thành đống. Lúc về nhà ông thợ nấu đường giao cho nó lấy nước muối xoa bát rót đường. Sơn Hải còn được cạy đường, cạy không vỡ. Ông thợ phải khen. Sơn Hải thích làm việc, quên cả môn ném tạ và quyền Anh. Nó không còn bị xua đuổi, mà còn được xem ngang hàng với các bác thợ, được cùng ngồi ăn một mâm, cùng bàn bạc mọi chuyện. Sơn Hải còn lập được một thành tích lớn. Đó là việc đập gốc mía. Chặt mía xong, gốc phải cuốc lên. Chú Năm Mùi bày cho Sơn Hải dùng vồ nện vào gốc mía, đất bị rơi ra, còn lại gốc mía đem về đun bếp. Sơn Hải suốt ngày “bốc-xê” gốc mía mang đổ thành đống. Mẹ Sơn Hải phải phục. Bọn em nó bắt chước làm theo. Uy tín của Sơn Hải càng tăng. Cả chị Tuyết Hạnh cũng nhờ nó dạy cho cách “bốc-xê” ngọn mía.

Tiếng đồn giặc đã chiếm Tuý Loan, phía Đà Nẵng.

Người dân tản cư càng đông. Có người gánh gồng, bồng bế vượt hai mươi cây số đường đồng, dừng lại ở Hoà Phước. Chú Năm Mùi đưa đồng bào về ở những nhà xóm dưới. Chợ Hoà Phước đông gấp ba bốn lần. Tôi và thằng Cù Lao không mong gì hơn vì càng được quen với nhiều nghệ sĩ như chị Tuyết Hạnh, những võ sĩ như Sơn Hải. Khắp làng hoá chộn rộn.

Bà con ai cũng hỏi nhau:

- Không biết giặc đến đâu rồi? Có đi tản cư không đó?

Đột ngột, một máy bay bay dọc sông Thu Bồn bắn tạch, tạch! Ông Kiểm Lại đang làm đồng vút cuốc bỏ chạy. Ông nói máy bay bay ngay trên đầu ông. Nó chĩa súng vào đầu ông, nã tạch tạch! Ông bỏ chạy. Máy bay cứ đuổi riết theo. Bí quá, ông phải chui vào bụi.

Tiếng súng cứ ùng đoàng từ phía Đà Nẵng. Lệ thường vào lúc nhá nhem, một loạt súng máy lại rộ roạc.

Nhiều tin trái ngược. Giặc chưa vào Tuý Loan, có người ở Tuý Loan nói rõ như vậy. Giặc vẫn còn ở tận ngoài Phước Tường. Phải bốn tháng mới đến được Phước Tường. Đến Hoà Phước đâu phải dễ! Cứ lo cày cuốc làm ăn, không cần đi đâu cho mệt.

Nhưng một việc làm cho Hoà Phước phải rục rịch, phải... đi. Đó là việc rời bốn chiếc rương T.A Quân sự khỏi Hoà Phước. Bốn chiếc rương đựng tài liệu quan trọng phải được cất giấu nơi an toàn. Nơi an toàn trước đây là Hoà Phước. Nay phải dời rương đi, có nghĩa là Hoà Phước không còn an toàn nữa. Giặc có thể tràn đến. Nhìn bốn chiếc rương ra đi, chị Ba buột mồm nói với mẹ:

- Giặc đang dòm ngó làng mình! Liệu phải tìm nơi mô... Lo trước vẫn là hơn chứ mẹ!

Lên nguồn là đặc sách.

Bà đốc Thụ và chị Tuyết Hạnh thuê thuyền dượng Hương Thư lên nguồn Trung Phước. Trung Phước có đất rộng, ông Biện Thành cũng nhắm nguồn Trung Phước.

Mẹ tôi cố nhớ lại những cô dì, chú bác ở rải từ Hoà Phước lên các ngõ nguồn. Có người lâu quá bị quên, bồng dung tên tuổi được nhắc lại. Có người ở xứ Ghềnh Ngô, có người ở chỗ Thác Cả, chỗ Am Mây, chỗ Động Khói... Toàn những tên gọi nên những cảnh suối sâu, đèo cao, âm u, mù mịt, những nơi sơn cùng thủy tận. Những bà dì theo chồng lên đó rồi biệt vô âm tín. Những ông bác đi làm ăn rồi lấy vợ đẻ con trên đó. Có những ông phá xóm phá làng sau vào lẩn tránh trong núi. Nghe nói có người lên đó hoá thành tướng cướp, tướng du côn hung hãn hơn trước. Sau cách mạng, có người mò về thăm làng, thấy họ khiêm tốn, hoà nhã, gọi dạ, bảo vâng, chẳng thấy gì hung hãn cả.

Mẹ tôi bấm đầu ngón tay nói với tôi và thằng Cù Lao:

- Có dì Cửu Phan ở Phú Đa nè! Có dì Năm Chi ở Bến Dầu nè! Có dì Hương Thư ở Dùi Chiêng nè! Có chú Tư Mai ở Động Khói nè! Chú Tư dữ hơn cọp...

Tôi và thằng Cù Lao nghe rất thích. Lên các xứ đó tha hồ săn hổ.

Mẹ tôi lên cả một danh sách. Có đến mười người. Suy đi nghĩ lại, mẹ tôi thấy nên lên Phú Đa cái đã. Phú Đa gần hơn, có dì Cửu Phan. Dì Cửu Phan không phải dì ruột, nhưng rất thân với mẹ lúc bé. Ông Cửu Phan có nhà ngói. Anh Bốn Linh tán thành đi Phú Đa, không thể đi quá xa, thỉnh thoảng phải lộn về thu lúa, đào khoai để nuôi lỗ miệng. Chú Năm Mùi bảo phải có người lên hỏi trước. Phải gặp dì Cửu cái đã. Việc đó cứ giao cho tôi và thằng Cù Lao, vì tôi và thằng Cù Lao đã được thử thách, vừa được chỉ định làm đội viên đội Thiếu niên công tác! Đó cũng là công tác đội. Tôi và thằng Cù Lao phải sẵn sàng đi “sứ” một chuyến. Nay mai có thuyền dượng Hương Thư đi

Trung Phước. Bọn tôi có thể quá giang xuống bến Phú Đa vào nhà dì, nhất định lập được thành tích xuất sắc.

*
* *

Thuyền của dượng Hương Thư nhỏ sào vào lúc mờ sáng. Đất trời rực rỡ như dệt bằng những sợi tơ vàng. Thuyền quay lái, tôi nghe thoát mọi sự trói buộc. Con trâu Bỉnh không còn làm phiền tôi nữa. Tôi ra đi với một trọng trách, sẽ “thương thuyết” với dì Cửu Phan về việc tản cư cho các gia đình cán bộ. Thuyền lướt hăm hở được một lúc rồi chậm dần. Gió ngã. Buồm teo. Thuyền trông trảnh. Tôi và thằng Cù Lao phải ngồi co ro. Đồ đạc của các gia đình tản cư chật ních. Gặp chỗ cạn, thuyền phải quay lái, tìm lạch sâu hơn. Thằng Cù Lao rút sào chống giúp. Thuyền bò chậm chạp. Tôi nghĩ nên quăng hết đồ đạc lên bờ, rồi cứ việc nai lưng ra gánh. Làm vậy đi được nhanh hơn. Nghĩ vậy nhưng không dám nói ra sợ dượng Hương Thư mắng.

Thuyền dượng Hương Thư ngủ gà ngủ gật, mãi đến chiều xế mới đến Phú Đa. Tôi và thằng Cù Lao xuống bến hỏi thăm vào nhà dì Cửu Phan. Một con đường đất đỏ đưa đến nhà dì. Chúng tôi dừng trước một ngôi nhà gạch mốc meo như ngôi đình làng. Một con chó gầy nhom nhảy xổ ra sủa. Một người đàn ông đang vê lúa, hỏi sau làn bụi:

- Các chú nhỏ có việc chi?

- Tôi hỏi bà Cửu Phan.

Người đó gọi to:

- Bà Cửu ơi! Có con nít hỏi!

Một bà già nhăn nhoe bước ra:

- Ai hỏi?

Tôi bước đến, hai tay đặt lên rốn:

- Tôi xin hỏi bà Cửu Phan.

- Cửu Phan là tôi đây.

Bà già trả lời xong, gọi với vào bên trong:

- Bà Hai ơi! Con nít hỏi bà!

Lại một bà già khác hiện ra. Bà này cũng không kém nhăn nhoe hơn bà trước:

- Ai hỏi tôi?

Tôi thưa:

- Tôi hỏi bà Cửu Phan.

- Cửu Phan là tôi đây,

Bà nào cũng xưng mình là Cửu Phan. Tôi không thể tưởng dì tôi lại nhăn nhoe đến vậy. Trước đây gặp dì, tôi nhớ loáng thoáng, dì như cô con gái. Không lẽ dì tôi mới đó đã biến thành bà già. Có một tiếng ho. Một ông già hiện ra. Ông già có vẻ quắc thước, khạc nhổ om sòm. Hai bà già nói với ông già có hai đứa con nít đến hỏi bà Cửu Phan. Ông già khịt mạnh:

- Các chú ở đâu?

- Thưa, ở Hoà Phước.

- Con ai?

Tôi khai lí lịch:

- Thưa, Nguyễn Văn Khương, sinh con đầu lòng đặt tên là Côn. Người làng cũng gọi cha tôi là anh Côn. Mẹ tôi tên là Có. Đó là tên quai nôi. Tên kí giấy là Lê Thị Trang.

- Chú bà con với bà Cửu Phan nhà này thế nào?

Tôi cố nhớ những buổi nói chuyện của mẹ:

- Xưa kia, ông cố ngoại của tôi sinh được hai người con trai. Người thứ nhất đẻ ra ông ngoại tôi. Ông ngoại tôi đẻ ra mẹ tôi. Người con thứ hai đẻ ra một ông con trai. Ông đó đẻ ra dì Cửu Phan.

- Còn tên hai chú?

- Tôi tên là Cục, họ Nguyễn, lót chữ Văn. Nguyễn Văn Cục là tôi.

Tôi chỉ vào thằng Cù Lao:

- Còn thằng này là họ Nguyễn, bà con với tôi về phía nội. Nó tên là Lao lót chữ Cù. Nó ở xứ cù lao Chàm dưới biển Đông, về làng sau cách mạng. Cha nó nhận công tác trong quân giới, phải gửi nó ở với anh Bốn Linh.

Tôi đánh bạo:

- Dì tôi còn trẻ, xinh đẹp, chớ không phải già khú đế như những bà kia!

Ông già đang cau có thoáng mỉm cười:

- Biết rồi!

Nói xong, ông già biến mất. Một chốc sau, một người đàn bà đầu bù tóc rối, chân tay dính đầy cám lợn hiện ra trước cửa. Tôi không thể đoán người đó bao nhiêu tuổi. Có thể là ba mươi hoặc bốn năm mươi tuổi. Người đó mở to mắt:

- Con chị Tư Trang đó hả?

- Dạ, tôi!

Người đàn bà bước đến một bước, ngồi xuống, lặng im một lúc. Tôi biết đó là dì Cửu. Dì nhìn tôi rồi cúi xuống. Khi ngước lên, nước mắt dì tràn ra. Dì cố nén không để tiếng khóc bật ra, nói ầm ục không rõ lời. Dì hỏi về mẹ tôi. Dì trách mình lâu lắm không về thăm mẹ. Dì thút thít, tủi thân vì cái số cực của mình. Suốt ngày, dì phải quần quật không đi đâu được nửa bước!

Tôi thưa với dì tất cả những việc mẹ tôi và anh Bốn Linh đã dặn. Dì hỏi tôi bao giờ mẹ lên. Dì sẽ dành nhà trên cho mà ở. Ngoài vườn còn có một căn nhà bỏ trống. Gia đình chú Năm Mùi và anh Bốn Linh ở đó rất tiện.

Tôi đi theo dì ra nhà sau. Chuồng lợn xếp thành dãy dài. Dì có nhiều lợn nái. Con nào cũng gầy nhom, da nhẵn như mặc áo quá rộng. Chúng vừa đi vừa ịt ịt kéo theo sau một đàn con đen trũi, đuôi cứ ngúc nga ngúc ngắc. Nhà sau ngập ngựa rác rưởi, khác hẳn phía trước, rộng rãi và phong quang, giữa sân còn hòn non bộ. Hàng chè tàu thẳng tắp chạy từ ngõ đến sân được xén rất ngay ngắn. Tôi và thằng Cù Lao ngắm nghía hòn non bộ. Chợt có tiếng kêu la về phía nhà dưới.

Thằng Cù Lao kéo tôi chạy vào. Dì tôi và bà già Hai đã biến thành hai sư tử lông lá dựng đứng chực vỗ lấy nhau.

Bà già sùi bọt mép nhảy xổ đến trước mặt dì:

- Đây tao không có chiếu giường!

Dì tôi mặt đỏ lửa găm lên:

- Phải có!

- Đây không tiếp!

- Cứ tiếp!

- Nhà này là nhà của tôi!

- Nhà này là nhà của tôi!

Dì tôi nghiêng răng rít từng tiếng một:

- Con này về đây có đủ cheo, cưới! Chẳng khác gì các người! Lớn nhỏ nay như nhau cả. Bình quyền, bình đẳng rồi! Không còn bắt nạt ai được! Hãy coi chừng! Con này vạch mặt cho mà coi!

Bà già cặp mắt trợn trừng:

- Mày vạch ai hở con kia? Phận lẽ mọn phải biết phận lẽ mọn! Mày vạch mặt ai hả?

Bà già xông đến chộp đầu tóc dì tôi. Dì tôi cũng chộp cổ bà già. Hai sư tử vồ nhau, quần nhau, còn khoẻ bằng mười bọn chần trâu đánh vật. Bà già kêu thất thanh:

- Ông Cửu ơi! Ông Cửu ơi! Con này nó giết tôi rồi! Ông cung nó, để nó giết tôi rồi!

Thằng Cù Lao xông vào ôm chặt bà già kéo ra. Tôi bắt chước xông vào ôm chặt dì kéo ra nơi khác. Ông già lại hiện ra, tay vung chiếc roi mây. Ông quát mắng, dặng hắng một tiếng to chưa từng thấy. Ông vung roi quất vun vút, những ngọn roi như vậy phải toạc máu ra, rút từng thớ thịt! Tôi khiếp vía nép sát một bên. Nhưng rất lạ! Ông không quất vào ai cả mà chỉ quất vào cây cột. Cũng rất lạ! Cặp sư tử trở lại lặng im, ngoan ngoãn, thôi không nhảy nhót gào thét nữa. Họ buông nhau ra, lặng lẽ rút lui mỗi người một ngã. Con bão táp bỗng chốc lại tan. Chỉ có ông Cửu dần dần tiếng:

- Không biết giữ thể thống gì cả! Người ta ngó vào còn ăn nói ra sao hử?

*

* *

Tôi và thằng Cù Lao đón đồ xuôi về Hoà Phước, bụng cứ lo lo vì mọi việc không rõ ra sao cả! Dì bảo tản cư lên. Bà già lại chống lại. Ông Cửu Phan chưa có ý kiến dứt khoát. Mẹ tôi rất hoang mang. Chị Ba càng hoang mang hơn nữa. Chị cho chuyến đi của chúng tôi đã hoàn toàn thất bại! Chỉ cần thừa lại một lời với ông Cửu, tôi cũng không làm được! Như vậy chưa thể tản cư lên nhà dì. Mẹ tôi thở ra:

- Tội nghiệp dì! Cũng do cái số! Mình dọn đến, dì thêm khổ!

Gặp chú Năm Mùi, chú đánh giá mọi việc khác hẳn chị Ba. Chú cho tôi và thằng Cù Lao đã thành công hết sức xuất sắc. Bất kỳ ai cũng không thể làm việc chu đáo như vậy. Chỉ trong hai ngày, tôi và thằng Cù Lao đã biết rõ nhà dì, biết mẹ và chị Ba có thể ở nhà trên, biết có một ngôi nhà bỏ trống, biết sân trước rất rộng. Tài giỏi hơn là chúng tôi nắm được tình hình bên trong gia đình ông Cửu, tính nết của hai bà, địa vị của ông Cửu. Ông Cửu là người có đầy đủ uy lực trong gia đình. Chỉ mới ra oai, quất roi vào cây cột mà các bà vợ đã kinh hoàng phải chịu phép, rút lui lặng lẽ. Như vậy ông Cửu nói gì các bà phải nghe theo tuốt. Dì tôi còn trẻ. Vợ trẻ được chồng cưng, xưa nay đều vậy. Đã cưng vợ thì phải nghe theo vợ. Dì Cửu phải được ông Cửu nghe theo. Dì Cửu đã thuận thì ông Cửu phải thuận. Ông Cửu đã thuận thì có “bà trời” cũng không cãi lại được!

Chú Năm Mùi bảo phải thu xếp đồ đạc để đi tản cư. Cả gia đình ông Cửu Phan đang sẵn sàng đón tiếp.

*

* *

Mẹ tôi, chị Ba, chị Bốn Linh và thím Năm Mùi đi Phú Đa trước. Tất cả đồ đạc trong nhà, quanh hè, ngoài sân, ngoài chuồng trâu, chuồng gà, ở xó bếp đều được tôi và thằng Cù Lao xách lên, lôi ra. Cái gì mang đi, cái gì bỏ lại, giấu ở đâu, chôn chỗ nào, phải dọn lại hết. Chị Ba rút sào,

quơ hết chiếu chăn quần áo xếp lại. Tôi rúc vào các xó xinh lòi ra những hũ mắm, vại cà, chai tương, kéo ra một thùng gỗ chứa toàn những đồ đã bị gỉ, bị sứt, bị long. Những đồ đó vào nhà tôi lúc nào, bị thải ra khi nào, không nhớ nữa. Tất cả đã bị lãng quên, nay được tôi lòi ra để “xét” lại. Tôi tìm thấy một chiếc ấm tích bằng sứ hình quả bí. Màu sứ trong như ngọc, vẽ hoa và chim óng ánh. Tôi giơ cao chiếc ấm. Cả nhà trầm trồ:

- Ồ! Cái ấm, cái ấm!

Có lẽ chiếc ấm này đã từng là niềm tự hào của một gia đình giàu có. Sau đó, chiếc ấm bị sứt ở đầu vào đã rơi vào gia đình tôi, giữa những ấm đất, chén đất như một vị vua bị phế truất sống giữa đám dân đinh, nhưng còn giữ được sự trọng vọng, vì từng có một cuộc sống huy hoàng. Mẹ tôi bảo phải để tất cả lại, chỉ mang theo mấy con dao, một lưỡi búa. Nong nia, cày cuốc, thúng mủng, giường ghế, giỏ tre, tất cả những đồ dùng làm tầm phải bỏ lại. Những đồ mang đi được xếp lại, được cột, được nhét vào bị, vào bầu. Con chó Vàng tưởng có đám giỗ ngoắc đuôi sủa gâu gâu. Chị Ba ôm nó vào lòng chếp miệng:

- Tội nghiệp quá! Trên có lệnh giết chó! Thôi mày phải ở lại với ông Bốn Rì, hoá kiếp làm người.

Nước mắt chị Ba chảy dài. Chị khóc thật sự! Con trâu Bình hoá khó xử. Cả nhà đều muốn nó tản cư theo, nhưng không biết đi bằng cách nào. Chú Năm nói với chị Ba:

- Đưa con trâu Bình đi tản cư, mày tưởng đâu dễ! Đến ở chỗ mới, rồi chuồng trại ra sao đây, cỏ rác như thế nào? Trâu là giống hay nhớ chuồng. Tao giả thử khi nhớ chuồng nó bứt dây mũi, chạy tuốt về đây, vậy thì bỏ mẹ! Chỉ còn một cách là đem nó trả ngay cho ông Phó Xáng, nói như cha mày trong thư vừa rồi, tao cho là phải đem trả ngay.

Chú Năm nhìn thẳng Cù Lao:

- Mày với thằng Cúc đã đi sứ lên ông Cửu Phan. Mọi việc điều đình đã tốt. Nhưng tao cũng lên đó cái thử...

Chú Năm Mùi nhìn sang tôi:

- Còn mày, ngày mai dậy thật sớm. Chú cháu ta cùng lên Phú Đa, dạo xem phong cảnh cho sướng!

*

* *

Tôi đang nằm mơ mơ màng màng, bỗng có tiếng gọi:

- Cúc! Cúc! Cúc! Dậy đi!

Tôi mở choàng mắt. Chú Năm đã đứng bên cạnh.

Tôi nói ú ớ:

- Trời chưa sáng mà!

- Ồi! Sáng mới ra khỏi nhà vậy còn ra cái chi nữa! Rồi đây phải đi đêm hết cả.

Tôi rướn mình ngáp to, bẻ các ngón tay rắc rắc, cổ ngồi dậy. Chung quanh còn tối om. Tôi theo chú Năm Mùi ra ven Hoà Phước gọi dựng Hương Thư dậy, nhờ lấy xuồng đưa qua sông. Xuồng cập bến, chú Năm xắn quần nhảy xuống trước, tôi nhảy theo sau. Chú Năm reo lên:

- Ồi dào! Gió mát quá! Sướng chưa!

Thuyền cập bến. Chú Năm nhảy lên bờ rào bước. Tôi không hiểu chú Năm đang đi hay đang chạy, vì tôi phải chạy theo mới kịp.

- Đợi tôi với, chú Năm!

- Mày đi như rùa bò! Đi mau cho nó quen.. Cái chi cũng phải luyện mới giỏi được.

Tôi chạy được một lúc lại gọi:

- Mệt quá, đợi tôi, chú Năm ơi!

- Đi quen hết mệt.

Qua hết đường cái, chú Năm chui vào xóm. Tôi vấp vào hàng rào. Chó nổi sủa. Người trong nhà tưởng có trộm nổi đàng hăng rất to. Trời dần sáng, mặt trời ló ra rồi cao dần. Chú Năm càng bước nhanh. Tôi gào to:

- Không chạy được nữa đâu!

Chú Năm quay lại cười hì hì:

- Trâu tơ đi bắt ếch cũng giống như mày. Nó vùng lên, muốn bẻ ếch. Nhưng có luyện mới cày được đất. Phú Đa kia rồi. Ghé vào quán kiếm cái gì bỏ bụng cái đã!

Chú Năm ghé vào quán bên đường, ăn khoai, uống nước. Chú mở bọc lấy ra một chiếc áo dài đen mặc vào, cài cúc cẩn thận, khoan thai tìm vào nhà dì. Vào đến nhà, chú ngó ý muốn gặp ông Cửu Phan. Dì ra đón. Dì xin lỗi chú Năm là ông Cửu vừa bị trúng gió độc, không ngồi dậy được. Dì vồn vã mời chú Năm ngồi vào ghế, nói ngay với chú là cả nhà ông Cửu đang đợi. Mọi việc dì đã chuẩn bị sẵn sàng, nhà cửa đã quét dọn sạch sẽ. Bà cả, bà hai cũng đang đợi. Chú Năm trả lời là mọi sự trông đợi đó, chú đều đoán biết. Chú có lên lần này cũng chỉ để thăm bà con một chút cho phải lễ. Chú Năm hỏi kĩ về tình hình bệnh tật của ông Cửu. Chú tưởng bệnh gì chứ bệnh cảm gió, chú chỉ chích cho ông Cửu vài huyệt là ông Cửu lành ngay. Chú Năm vào gặp ông Cửu, đỡ ông nằm lật lại, chú lấy đèn soi khắp vùng lưng ông Cửu, chú sai tìm một tí mảnh chai, chú đập mảnh chai lấy một mũi nhọn. Chú vuốt mạnh dọc cột sống ông Cửu, chích bốn huyệt sau lưng. Thật là màu nhiệm! Ông Cửu liền nghe hết tức, người thấy khoẻ ra. Cả nhà mừng rỡ tưởng vừa gặp một vị lương y cứu nhân độ thế. Câu chuyện càng trở nên thân mật đậm đà, khác hẳn lần tôi vào thẳng Cù Lao đến nhà dì lúc trước, chỉ nghe tiếng roi quất vào cột nhà và tiếng thét la inh ỏi.

Chú Năm tuy rất vội, phải về ngay, nhưng cũng phải ngồi lại nếm cho xong món gà luộc kẹp với bánh đa, sau đó ông Cửu Phan mới chịu để chú quay về Hoà Phước!

*

* *

Tôi và thằng Cù Lao theo chị Ba, chị Bốn và thím Năm Mùi vừa tản cư lên Phú Đa thì đột ngột chú Năm cũng theo lên. Chú Năm ở lại Phú Đa chỉ hai hôm mọi việc đã được sắp xếp chu đáo. Chú xin bốn thân cau bị ngã. Chú sai tôi và thằng Cù Lao cùng cưa, cùng đục làm thêm giường. Chú lấy lá cau lột làm nệm. Chỉ một cây tre, chú làm cho mỗi gia đình những móc, những ống đựng dừa, đựng thìa. Chú che chỗ tắm, căng dây phơi. Chú cần gì, ông Cửu Phan đưa ra một cách vui vẻ. Chú Năm không chỉ thuộc lòng chuyện Lục Vân Tiên, hát bài chòi hay, mà còn là một kĩ sư lành nghề. Chú biến một lọ mực thành cây đèn dầu, biến cái chai thành cây đèn gió... Những tài đó nở rộ khi đi sơ tán. Chú Năm mua những cây củi dài to bằng ngón chân, đóng thành kệ, thành ghế trệt, thành chạn để bát. Chú Năm nhìn vào tôi:

- Hể mình biết chú ý học tập thì cái khó mấy cũng làm được!

Chú Năm ra chợ, lội quanh vùng Phú Đa một lúc. Khi về chú cho biết ở ngoài bến sông có bán loại cối xay ngô làm bằng đá xanh rất tốt. Chú phải mua một cối xay như vậy. Mẹ tôi, chị Bốn và thím Năm sẽ đi mua ngô hạt đem về phơi thật giòn, xay nhỏ làm gạo ngô, gọi là nghề hàng xáo. Cứ lấy công làm lời, dư được hạt cám càng tốt. Cái cối xay ngô mở ra cách sinh sống cho ba gia đình. Chú Năm bảo chú trần trọc mãi mới tìm ra cách làm ăn mới đó. Nghề xay ngô hợp với các bà nhất.

Thằng Cù Lao hỏi:

- Thế nghề chi hợp với bọn tôi như?

Chú Năm trả lời ngay:

- Hợp với các chú có nghề lấy củi. Ở đây thiếu củi, phải đi lấy củi trong núi.

Thằng Cù Lao hỏi:

- Người ta bảo con trai phải nhập Vệ quốc đoàn chứ chú?

- Mày nói tao nghe phải! Nhưng phải có lệnh bên trên. Nay trên có lệnh phải giúp việc tản cư, ta phải giúp việc tản cư cho tốt. Nhất hô bá ứng mới thắng được giặc!

Tôi nói lơ lửng:

- Ở đây gần núi có nhiều cộp. Ta đi săn cộp lấy bộ xương làm rượu hổ cốt. Uống rượu hổ cốt sẽ khoẻ như cộp.

Chú Năm cười:

- Ủ! Cũng được! Muốn săn được cộp trước hết phải luyện cách đi rừng. Phải lợi rừng cho giỏi cái đã. Đi lấy củi trong rừng cũng là cách tập săn cộp.

*

* *

Ở Phú Đa có một số đồng bào đi lấy củi để bán. Tôi và thằng Cù Lao mài lưỡi mác thật bén, chọn một chiếc đòn xóc thật cứng, chẻ những dây lạt thật dài. Có như vậy mới gánh được nhiều củi, bán được nhiều tiền.

Sao mai chưa mọc, cả xóm đã hú hí gọi nhau đi lấy củi. Tôi và thằng Cù Lao mang đòn xóc, cùng theo vào núi Thạch Bàn để lấy củi. Trời còn tối, sao trời như một đàn ong tung khắp phương trời bay đi tìm mật. Tôi và thằng Cù Lao bước thoăn thoắt trên cỏ ẩm sương. Tôi sẽ lấy nhiều củi. Tôi sẽ bán củi lấy nhiều tiền. Uy tín của tôi trước mặt chị Ba sẽ lên ngang hàng với các đội viên tự vệ. Đi được một quãng, trời hé sáng. Những đôi thoai thoải hiện ra, thấy rõ được cả những chỗ lồi lõm.

Tôi hỏi một người cầm đòn xóc đi phía trước:

- Lấy củi chỗ mô chú?

Chú đó quay lại chỉ về phía trước:

- Kia kia!

Đi được một chốc, tôi lại hỏi. Vẫn câu trả lời:

- Kia kia!

Những cánh đồi giăng ra trước mặt để rồi khép lại sau lưng. Một con đường hẹp khúc khuỷu cứ lượn qua lượn lại quanh những đồi trọc. Mãi đến nửa buổi mới đi đến một bãi hoang đầy bụi rậm. Người đi trước quay lại chỉ vào những bụi cây lúp xúp:

- Muốn lấy củi cảnh thì kia kia. Muốn lấy củi tám còn phải đi xa.

Chúng tôi bước vào, đặt đòn xóc, rút mác ra chặt, chặt những cây bằng ngón chân. Chặt xong rong hết cảnh, bó thành bốn bó. Xong đầu đó, mới mở mo côm ra ăn. Ăn xong, tôi cởi áo lót vai, kê vai vào gánh. Tôi biết gánh gồng nhưng thường gánh bằng đôi gióng. Nay gánh bằng đòn xóc, bó củi ngang vai cứ lúc lắc. Đường núi khúc khuỷu, khi tuột xuống, khi leo lên, gánh củi càng lắc, vai nghe càng đau. Đến một lúc, nghe đau quá, tôi thả gánh:

- Đau quá! Cù Lao ơi!

Thằng Cù Lao cũng thả gánh:

- Nặng quá! Cục ơi!

Chúng tôi thả gánh, tháo lạt, bỏ bớt củi lại bên đường, tiếp tục gánh đi. Đi được một chốc, gánh củi nặng dần. Đồn xóc càng xiết vào cổ. Tôi lại kêu to:

- Nặng quá Cù Lao ơi!

Thằng Cù Lao lại thả gánh xuống, lại giúp tôi lấy bớt củi ra. Đi được một quãng, gánh củi lại lắc, lại xiết, lại càng nặng. Cái nắng ở vùng đồi núi nghe như lửa. Thằng Cù Lao cũng phải bớt củi đến ba lần. Về phần tôi, đi một quãng lại phải vứt bớt năm mười cành. Hai bó củi của tôi cứ teo dần. Ra đến Phú Đa, bó củi chỉ còn bằng ống chân. Ai gặp cũng cười:

- Củi kiếc chi mà bằng ống thổi lửa rứa?

Mẹ và chị Ba cũng cười. Nhưng có một điều là tha củi về đến nhà, ăn xong, tôi đánh thẳng một giấc. Sáng hôm sau thức dậy, thấy gân cốt khoẻ ra. Một thằng Cục khi đi lấy củi vật ngã mười thằng Cục trước khi đi lấy củi. Tôi và thằng Cù Lao cứ ngày ngày đi lấy củi, gánh củi hoá nhẹ và to dần. Đường cũng bớt khúc khuỷu gập ghềnh. Củi đủ để đun, thỉnh thoảng bán được vài bó. Việc đi củi làm cho chị Ba phải chuyển cách nhìn đối với tôi. Có lúc chị nhìn tôi ngang hàng với trưởng thôn chứ không ít!

7

Cả nhà không ai muốn bán trâu Bình. Nhưng rốt cuộc phải bán, vì nó... không nuôi được chúng tôi nữa. Đi tản cư, nó hoá kèn càng. Cỏ lại hiếm. Mẹ tôi chịu bán giá rẻ nếu người ta mua để làm trâu cày mà không đem về thịt. Chị Ba đã thút thít khi lão mua trâu đắt nó đi. Trâu Bình thì lại không chịu bước... Bán xong trâu Bình, đi đâu tôi không phải lo lắng gì nữa.

Tôi và thằng Cù Lao ở Phú Đa đi Hoà Phước xem như đi chợ. Sau khi gánh được củi từ núi ra, chặng đường Phú Đa – Hoà Phước không còn nghĩa lí gì nữa. Mít ở Phú Đa rẻ, tôi và thằng Cù Lao mang mít về cho anh Bốn, chú Năm. Mắm ở Hoà Phước rẻ, chúng tôi công mắm lên cho thím Năm, cho chị Bốn. Chị Bốn dặn:

- Hai đứa nhớ nói với anh Bốn là chị Bốn bị nhức đầu. Anh Bốn phải mua một ve dầu Nhị Thiên gửi lên, nghe chưa?

Thím Năm dặn:

- Nói với chú Năm phải mua cho thím vài ang bắp bột với năm bảy lon đồ nành để làm tương, nghe chưa?

Chị Ba dặn:

- Mua cho mẹ một chai mắm nước, nhớ chưa? Tiền đây, cột cho kĩ trong lưng quần.

Và cứ thế, mỗi bà chột nhớ cái gì lại dặn mua dặn tìm cái đó. “À quên! Còn cái này, nhớ chưa?... Nhớ chưa?” Tôi và thằng Cù Lao ra đi với hàng chục nhiệm vụ khác nhau. Lúc về đến Hoà Phước, hàng mắm, hiệu thuốc vắng tanh, làng xóm quạnh hiu, mọi việc không còn như trước. Anh Bốn Linh và chú Năm Mùi lại đi đâu mất, hôm sau mới mò về, râu ria mọc dài trông hoá khác. Anh Bốn vừa gặp tôi liền ra lệnh:

- Hai đứa phải đi ngay Phú Đa. Bảo con Ba nội nhật chiều mai phải có ngay đây.

- Chi nôn vậy anh?

- Lệnh khẩn cấp! Về để họp, để đi chiến đấu! Lại việc này nữa. Cha mày nhấn về bảo mẹ mày phải tản cư mau lên Bến Dầu. Ở Phú Đa không xong đâu. Giặc sẽ tràn đến đây, ở đây chúng nã

đại bác lên tới Phú Đa như chơi. Cha mày nói phải. Ở Bến Dầu có nhiều dẫu, có nghề tằm, có đi Hương Chi của mày trên đó. Nên dời mau lên đó.

Chú Năm Mùi ở ngoài bước vào:

- Lên đó là phải. Tôi biết vợ chồng Hương Chi. Lòng họ như biển. Ta nuôi tằm, Hương Chi cũng nuôi tằm. Tiện lắm.

Anh Bốn Linh ra dáng nghĩ ngợi:

- Chà! Phải tin cho mẹ mày và mấy bà trên đó biết. Phải đi xa một chặng nữa, ở Bến Dầu yên như bàn thạch. Nay mai tôi phải đi Phú Đa cái đã.

Chú Năm Mùi vẽ sừng sốt:

- Nay mai chi nữa! Giặc đến bên lưng, chần chừ dẫu được anh Bốn! Phải tính gấp chớ! Như thế này mới kịp: Thăng Cù Lao và thằng Cúc phải đi ngay lên Phú Đa. Một là để cho chị Ba nó biết phải về gấp để họp. Hai là nói cho mẹ thằng Cúc biết ý kiến của cha nó, là phải tản cư mau lên Bến Dầu. Sau đó hai đứa ở Phú Đa cứ đi thẳng lên Bến Dầu, phải tin trước cho đi Năm Chi nó biết để kịp lo liệu. Giữ được chỗ trước vẫn hơn!

Chú Năm Mùi nhìn sang tôi, sờ vào râu mép:

- Chi chớ đi Bến Dầu, thằng Cúc và thằng Cù Lao coi như đi chơi! Lần trước đi Phú Đa khó khăn biết mấy, chúng làm tốt như trời!

Chú Năm Mùi đã khen chúng tôi đến vậy, làm sao có thể không đi Bến Dầu!

Anh Bốn Linh cho chú Năm nói rất phải.

Chú Năm nhìn ra ngoài trời:

- Hai chú phải đi ngay.

Tôi ngần ngại:

- Trời xế rồi chú!

- Đi đêm được rồi, sợ chi trời xế! Lần này có bịt mắt Cúc cũng lên được Phú Đa. Đi ngay cho kịp!

Tôi và thằng Cù Lao ăn xong vài miếng, thằng Cù Lao xách nón ra đò, tôi xách nón chạy theo. Tôi và thằng Cù Lao đi hoả tốc. Đến Phú Đa vào lúc đỏ đèn, chúng tôi ập vào nhà như một cơn lốc, nổ súng ngay:

- Gấp lắm! Gấp lắm! Giặc đã đến bên lưng, đến Tuý Loan rồi! Nội chiều mai chị Ba phải có mặt ở Hoà Phước để đi... chiến đấu. Lệnh khẩn cấp, không được trễ.

Tin giặc đến Tuý Loan đã đánh động cả nhà. Giặc còn ở Phước Tường, có nghĩa là giặc còn ở đầu trên núi, rất xa. Nay giặc đánh đến Tuý Loan, ai cũng tưởng giặc đã bên nách. Vì Tuý Loan có chợ, có đò, Tuý Loan nghe rất quen thuộc. Trong lúc cả nhà hỏi đi hỏi lại có thật địch đã đến Tuý Loan không thì tôi thả thêm một quả lựu đạn, sức nổ không kém, là cha tôi có nhắn về bảo tất cả phải tản cư ngay lên Bến Dầu. Vì địch sẽ nã đại bác lên Phú Đa. Đã là đại bác thì tất cả đều tan hoang. Chỉ có Bến Dầu mới yên ổn. Như vậy cha tôi, anh Bốn Linh, chú Năm Mùi mới yên tâm được! Phải lên ngay nhà đi Năm Chi. Dì dượng lòng rộng như biển. Chị Ba sáng sớm phải xuống Hoà Phước. Còn tôi và thằng Cù Lao phải lên ngay Bến Dầu, “đi sứ” lên chỗ đi Năm Chi điều đình chỗ ở.

Những tin của tôi làm mọi người bật dậy. Ai cũng muốn hỏi thêm việc này việc nọ. Cả nhà xôn xao tưởng giặc đã kéo vào Phú Đa vậy.

*

* *

Tôi và thằng Cù Lao quá giang thuyền chở mằm lên nguồn để đi Bến Dầu. Thuyền bò dọc sông được một lúc lại phải cắm sào nghỉ xả hơi lấy sức vượt thác. Con sông Thu Bồn ở đoạn trên này tính nét khác hẳn. Nó không khoan thai, hiền lành như tôi thường thấy ở Hoà Phước. Nó vung vẩy, nhảy nhót, chốc chốc chơi trò nhào lộn. Những con sóng lực lưỡng quất thẳng cánh vào vách đá dựng ngược. Chúng nhảy chồm chồm tung bọt, gào rống rồi kéo nhau vụt chạy. Cảnh tượng như ở một thế giới nào lạ. Sông Thu Bồn tả xung hữu đột ra khỏi Phường Rạch mới thở phào, xả hơi, bước những bước khoan thai, lượn giữa những ngàn dâu xanh xuống Hoà Phước, dang đôi tay ôm vào lòng vùng Gò Nổi. Tôi và thằng Cù Lao xuống Bến Dầu, vốc nước sông uống thoải thích. Nước ngọt như nước mía. Bến Dầu ở giữa núi nhưng bãi dâu khá rộng. Tôi hỏi thăm vào nhà dì Năm Chi. Đường vào xóm là một lối mòn, cỏ ngập đến gối. Nhà dì giống như một tổ chim làm giữa cây cối um tùm. Một hàng rào vây quanh, mọc toàn các thứ cây có gai nhọn. Một con đường nhỏ quanh queo trong vườn dẫn đến một sân đất. Nhà trên, nhà dưới toàn bằng tranh. Vách nhà ghép bằng tre tấm. Chum vại, nồi niêu, cày bừa, quang gánh nằm lẫn lộn dưới gốc mít, gốc chuối, gốc ổi lộn xộn. Một con chó vện mắt lim dim nằm gác mõm lên lưỡi cuốc, bật dậy nổi sủa. Một bà trạc bốn mươi tuổi, khoẻ mạnh, hồng hào, tay cầm chiếc đĩa bếp chạy ra. Tôi đoán đó là dì Năm Chi. Hai đứa bé tí xúu từ trong nhà vụt theo núp chân mẹ, nhìn thằng Cù Lao vẻ lấm lét. Người đàn bà hươ chiếc đĩa bếp xua chó. Tôi bước đến vòng tay thưa:

- Thưa dì, chúng tôi ở Hoà Phước lên.
- Chớ các em con ai?
- Tôi là con của Tư Trang. Thằng này là con ông Hai Quân, bà con với tôi về phía nội.

Hai tiếng Tư Trang như có mãnh lực làm dì sững sờ một lúc. Dì ứ ớ rồi kêu lên:

- Trời ơi! Con chị Tư Trang đây hở? Chớ cháu lên đây bao giờ ?
- Dạ, mới lên!

Dì bước lên ngồi thụp xuống đất, kéo tôi lại gần. Dì nhìn sát vào mặt, lại đẩy tôi ra để nhìn cho rõ hơn, lại kéo tôi sát gần lại. Sau ba lần đẩy ra kéo vào như vậy, dì mỉm cười:

- Con của Tư Trang giống mẹ như tạc!

Dì buông tôi ra, gọi to:

- Chúng bay ơi! Vào hết đây tao bảo!

Từ quanh nhà một lũ trẻ ủa vào. Có đến sáu đứa. Đứa nào mặt mày cũng nhem nhuốc, mũi dãi thò lò. Thấy tôi, chúng dừng lại. Dì giới thiệu:

- Anh của chúng mày đó!

Chúng đứng thành một hàng, mắt tròn vo nhìn tôi từ đầu đến chân. Hết nhìn tôi lại nhìn thằng Cù Lao. Chợt một đứa vụt chạy, vừa chạy vừa nhại lại di: Anh, anh của chúng mày đó! Nhại xong, nổi cười toé toét. Tất cả bắt chước nổi cười. Tôi đi ngay vào vấn đề. Tôi thưa với dì việc mẹ cùng chị Bốn và thím Năm Mùi muốn tản cư lên trên này. Sự vui sướng của dì tràn ra khắp mặt, khắp mũi. Dì hể hả, nói rồi rút:

- Phải rồi! Đúng rồi! Tránh giặc phải lên đây. Lên đây cho có chị có em. Phải rồi! Nói với mẹ là dì bảo phải lên ngay. Dì nhường hết chỗ cho mẹ ở. Nhà trên đó! Nhà dưới đó! Ở mấy cho hết. Đám cặn có. Đám sâu cũng có. Trâu heo cũng có. Trên này làm ăn dễ lắm!

Chợt sực nhớ đến mẹ, dì vội vàng:

- À, chớ còn mẹ ra sao?

Dì trách núi non hiểm trở, đã lâu không gặp được mẹ. Dì hỏi tất cả, từ việc lớn đến việc nhỏ. Mẹ đang làm gì, có già đi không? Năm nay, làm ăn ra sao? Mía được mấy mẫu, mấy sào? Có được mấy trâu, mấy lợn, mấy nồi đồng mâm thau? Mẹ có bệnh đau bụng, nay ra sao? Uống thuốc

gì? Cất thuốc nơi đâu? Có yếu lắm không? Đi đâu đã chống gậy chưa? Hết như một cơn mưa tháng mười ở Hoà Phước, hễ đã mưa thì mưa thật sự, mưa suốt buổi... Chị Ba đã dặn tôi, nếu ai hỏi gì phải trả lời cho rõ, không được nói không biết. Tôi phải nhớ, phải tìm, phải nói những chữ đại để như: có thể, tưởng như, nghe đâu... để trả lời cho kịp. Trong lúc đó dựng Hương Chi ở ngoài đồng về.

Tôi và thằng Cù Lao đứng lên vòng tay chào. Dựng chỉ thoáng gạt đầu. Vẽ lạnh lùng, dựng đi thẳng xuống nhà bếp, rút thuốc lá khô trên giàn, đem hơ lên ông tảo rồi vắn hút. Rút kinh nghiệm lần trước lên Phú Đa, thằng Cù Lao nhắc tôi nhớ thưa với chủ nhà. Tôi lấy hết can đảm thưa với dựng việc ba gia đình muốn xin tản cư. Dì chen nói trước. Dựng nghe xong “ừ” một tiếng, làm như đó là việc tất nhiên, việc dựng đã biết trước.

Dựng hút thuốc xong, bước ra sân vớ chiếc cuốc vác lên vai, yên lặng đi ra ngõ.

Dì chạy vào bếp, thổi tro bay mù mịt, ho lẹc khẹc. Dì nhóm bếp, thổi lửa, vừa hỏi chuyện vừa nấu cơm. Dựng lại về. Dựng vác về một vác sắn, củ to vắn vẹo, cây lá còn nguyên. Dựng vút sắn xuống sân:

- Nấu cho chúng ăn một bữa!

Dì nhìn chúng tôi:

- Dựng nhỏ sắn về đãi đó.

Tôi và thằng Cù Lao chưa bao giờ ăn sắn được nhiều và ngon như hôm đó. Tôi ở lại nhà đi đến chiều hôm sau để nghe dì hỏi và để trả lời những câu hỏi của dì.

Thuyền về xuôi không ghé Bến Dầu. Dựng Hương Chi thân hành đưa tôi lên bến Trung Phước. Dựng tìm thuyền trên đó, xin cho tôi xuôi Phú Đa. Mẹ tôi, chị Bốn và gia đình thím Năm chuẩn bị đi một khúc nữa lên Bến Dầu. Họ gửi lại một số đồ đạc ở Phú Đa. Lại phải xếp, phải gói, phải cột, phải gánh ra bến sông. Thuyền đi Bến Dầu nhỏ sào. chúng tôi quay về Hoà Phước.

*

* *

Tôi và thằng Cù Lao phải gặp ngay ông Bảy Hoá để giúp ông làm một công tác đặc biệt của đội giao. Chú Năm Mùi nói đây là một công việc ít ai làm được, và chỉ có tôi và thằng Cù Lao được biết mà thôi.

- Việc chi hờ chú?

- Đó, lại hỏi! Tao đã dặn phải hết sức giữ mồm. Giặc đến, chúng lấy đầu bọn bay đó! Việc mày biết, Việc tao nào tao biết. Việc toàn đội chỉ đội trưởng và mình tao biết. Nhớ vậy thôi.

Tôi và thằng Cù Lao đến gặp ông Bảy Hoá. Ông Bảy Hoá đã cạo bộ râu dài, nay ông Bảy lại để râu. Ông Bảy đang loay hoay mài mực tàu, pha đủ các loại phẩm tím, xanh, đỏ, vàng. Loại nào cũng đầy bát.

- Đến vẽ đó hả? Chúng bay tay học trò, mềm mại, vẽ được đó!

Ông Bảy vừa nói vừa tháo một cuộn giấy to, đem căng rộng trên ván:

- Tao phải phác ra vài nét cái đã.

- Vẽ chi ông Bảy?

- Rồi sẽ biết.

Ông Bảy ngồi chồm hồm cầm bút vẽ nguệch ngoạc một lúc. Ông vừa vẽ vừa nghĩ ngợi. Thỉnh thoảng, ông đứng lên nhìn nhìn, lại ngồi xuống vẽ thêm vài nét. Vẽ bằng bút chì xong, ông Bảy lấy mực tàu kẻ lại.

Thằng Cù Lao kêu to:

- Ông Bảy vẽ ta đánh giặc!

Ông Bảy kẻ một vành tròn. Trong vành ông Bảy vẽ thêm ba cái lỗ, hai cái to bằng nhau, một cái ở phía dưới thật to, méo xệch. Ông thêm vài nét. Tôi phân biệt được đó là cặp mắt và cái mồm. Ông Bảy kẻ lỗ mũi, vẽ tóc dựng ngược, vẽ thêm hai tay hai chân co quắp. Ông Bảy đứng lên, nheo mắt ngắm nghía. Ông vẽ thêm một người thứ hai. Người này có mồm dài, có đôi tai cao quá đầu, lỗ miệng lỗ mũi quá cỡ, rất kì dị. Ông Bảy Hoá vẽ thêm những tay chân đầy lông lá. Người này đè lên người kia. Bất giác tôi reo lên:

- Tranh Thập điện Diêm Vương!

Rõ ràng ông Bảy đang vẽ một quỷ sứ của Diêm Vương cắt lưỡi một người phạm tội nói láo. Tôi reo quá to làm ông Bảy giật thót như vừa thấy quỷ Diêm Vương xuất hiện.

- Vẽ chi thứ đó ông Bảy? Ông đốt tranh Thập điện, thôi làm thầy chùa rồi mà!

- Ủ! Tao đã đệ đơn từ chức lên Phật tổ, đi chơi cho sướng! Nay Phật bắt làm lại. Tao phải đặt lại bàn thờ, thờ chư vị Thập điện Diêm Vương!

- Đó là mê tín. Ông bảo phải bỏ mê tín. Vì...

- Hiểu rồi! Hiểu hết rồi! Cứ vẽ đi cái đã! Thằng Cù Lao bôi xanh cặp mắt này cho tao, thằng Cúc phết đỏ cái lưỡi này cho tao. Lưỡi bị cắt nhất định máu phải trào ra! Bôi đỏ nhiều vào!

Tôi và thằng Cù Lao ngồi xuống chấm mực bôi đỏ, bôi xanh, kẻ mắt, kẻ mũi, thêm râu, thêm lông, cố làm cho quỷ sứ càng dữ tợn, cho kẻ bị tội càng quằn quại đau đớn. Hết cảnh người bị rút lưỡi đến cảnh người bị cưa làm đôi, bị moi gan, bị dìm vào vạc dầu sôi, bị nung trên lửa đỏ. Phải mất hai ngày mới hoàn thành bộ tranh Thập điện. Khi treo lên, nhiều chỗ còn nguệch ngoạc mờ mờ. Nhưng chính sự vụng về lại tạo ra được sự ghê rợn. Ông Bảy cười tự hào:

- Diêm vương địa ngục mình cũng làm ra cả!

*

* *

Tổ thiếu niên công tác gồm sáu đứa. Tổ chia thành hai nhóm. Tôi và thằng Cù Lao ở nhóm I, thuộc xóm trên. Tổ hoạt động dưới sự điều khiển của chú Năm Mùi. Công tác của tổ là gặp đầu đánh đó. Theo chú Năm Mùi, nó có nghĩa gặp giặc đầu là đánh ngay tại đó, đánh xáp lá cà, đánh bất cứ lúc nào, bất kì ở đâu. Theo anh Bốn Linh gặp đầu đánh đó có nghĩa là gặp gì làm nấy, không cần phải hỏi, làm mất thì giờ. Hai cách giải nghĩa đó nghe đều hay cả. Nay việc gặp đầu đánh đó là thằng Cù Lao phải nấu ngay một nồi nước chè. Sau đó, tôi phải đứng gác ngoài chỗ cây mít ở đầu đường cái. Hễ thấy người lạ mặt vào xóm tôi phải giả dờ gọi thật to: Cù Lao ơi! Thằng Cù Lao cũng gặp đầu đánh đó bằng cách ngồi gác như tôi. Nhưng nó ngồi gác ở đầu đường bên kia. Đúng là có cuộc họp bí mật! Hôm qua anh Bốn đi họp ở huyện. Nay anh họp ở thôn. Có thầy Lê Hảo, cả đội tự vệ đến họp đông đủ. Tôi ngồi chỗ đầu con đường kiệt, mong gặp một người lạ mặt để có thể gọi to: Cù Lao ơi! Nhưng chẳng thấy ma nào cả. Họp xong, anh Bốn Linh đi thẳng ra bên bờ sông. Chị Ba và thằng Cù Lao ăn xong cũng theo anh Bốn Linh sang đầu bên đó. Tôi hỏi chị Ba đi đâu, chị nói lơ lửng:

- Chị đi làm việc. Việc xong chị về!

Chú Năm Mùi không sang bên kia sông. Chú đi thẳng vào chùa với ba chú tự vệ. Họ vào ở trong chùa rất lâu, lúc trở ra tôi thấy người nào cũng lấm đầy đất, mặt mũi đều nhọ nhem. Tôi đoán họ vào chùa để luyện các thế võ. Các thế võ trối dịch lần này phải rất khủng khiếp. Tôi rất muốn xin theo vào chùa, nhưng chú Năm không cho phép, vì tôi còn phải giữ nhà. Nhờ anh Bốn Linh đột ngột từ bên kia sông trở về, tôi phải có mặt để nhận những nhiệm vụ cấp tốc.

Tôi ngồi một mình đợi anh Bốn. Chiều xuống trong nhà ngoài ngõ đều vắng tanh. Khi chưa tản cư, khắp xóm luôn luôn vang lên tiếng nói, tiếng cười, tiếng gà gáy heo kêu, tiếng gàu khua,

những tiếng quen thuộc từ lúc bé thom nay tất cả im lặng! Sự quạnh hiu hoá rừng rợn. Tôi không dám ngồi một mình. Tôi vụt đứng lên, chui rào chạy sang bà Hiến. Tôi bước rất khẽ dòm vào bên trong nhà bà. Chẳng thấy bà Hiến đâu cả. Chợt có tiếng khịt mũi rồi bóng một người từ dưới đất ngoi lên. Thì ra là anh Bảy Hoành. Anh từ trong hầm chui ra. Cái hầm đó ở ngay dưới bếp của nhà bà Hiến. Anh Bảy ở trần tròng trọc, tay cầm chiếc xẻng ngắn cán, khịt khịt ồn ào. Anh vút xẻng xuống đất, phúi đầu, phúi tai lia lia lầm bầm:

- Còn phải cái nắp cho tốt, đập cho thật kín. Phải để ngày mai...

Anh Bảy không thấy tôi. Nói xong anh đi thẳng về phía giếng nước.

Tôi gặp bà Hiến, bà ngồi phía trước nhà. Bà hỏi tôi vào nhà bà bằng ngã nào. Tôi nói tôi chui rào và vừa thấy anh Bảy Hoành đào hầm bí mật trong nhà bà. Bà tỏ vẻ không bằng lòng bảo tôi không nên chui ngã sau như vậy. Bà bảo tôi phải quay về. Nhưng quả thật hôm đó tôi chỉ muốn ngồi lại, nằm queo, ngủ trước sân nhà bà cũng được.

Loáng thoáng có tiếng thằng Cù Lao đằng nhà anh Bốn Linh. Tôi vụt chạy sang, suýt nữa tôi ôm choàng lấy nó.

- Ở nhà một mình chán lắm Cù Lao ơi!

Tôi đang cần có thằng Cù Lao để trút hết những việc bí mật tôi vừa biết:

- Nè Cù Lao, tao bắt gặp anh Bảy Hoành đào hầm bí mật. Hầm ở ngay dưới ba ông táo của nhà bà Hiến. Trên nắp hầm đặt ba ông táo, như vậy có trời biết, phải không Cù Lao? Nè Cù Lao, đội tự vệ vào chùa tập các thế võ. Lần này họ vật nhau khủng khiếp quá. Người nào cũng bết đầy đất...

Thằng Cù Lao cắt ngang:

- Không phải luyện võ đâu! Họ đi đào hầm bí mật trong chùa đó.

Thằng Cù Lao nói nghe có lí. Vì tôi thấy chú Năm khi về nhà cũng có mang theo chiếc xẻng.

Thằng Cù Lao nói khe khẽ:

- Hiện nay làng mình chỗ nào cũng có hầm bí mật. Hầm bí mật có nhiều góc ngách ăn thông ra đến bờ tre. Các anh bộ đội bên kia sông cũng lo đào hầm, nhiều lắm! Giặc muốn lấy sông Thu Bồn làm phòng tuyến bảo vệ cho Đà Nẵng. Ta nép bên kia sông cứ cho những mũi nhọn thọc qua. Cuối cùng ta sẽ đánh dốc lấy lại Đà Nẵng...

Tôi hỏi:

- Ai nói vậy?

- Anh Bốn nói vậy!

Chợt thằng Cù Lao nín lặng, nhúm mày. Nó thu tay đánh cái cốc vào trán. Hỏi ra mới biết nó vừa cho ra những bí mật! Anh Bốn Linh đã dặn đi dặn lại bảo nó phải giữ bí mật, nhưng nó cứ quên!

Tôi nói:

- Chi đâu mà sợ! Anh Bốn không biết đâu!

- Anh Bốn không biết nhưng phải chừa, không khéo có ngày mất mạng!

Tôi vừa nhớ lại những cách thường dùng để chừa những việc... bậy bạ. Thường là phải thề, lắm lúc phải thề rất độc, thề phải bị hộc máu trào com. Ông Bảy Hoá còn bắt phải thề sẽ bị quỷ sứ móc mắt moi gan nếu còn phạm tội hái ổi. Nhưng tôi với thằng Cù Lao thấy chỉ nên cam đoan. Tôi và thằng Cù Lao cùng cam đoan không để lộ bí mật nữa.

Anh Bốn Linh nói chuyện với chú Năm Mùi về tình hình chiến sự. Bọn Pháp ở Đà Nẵng muốn tốc chiến tốc thắng, nhưng làm không nổi, vì du kích ta hoạt động mạnh lắm. Bốn tháng đã qua, chúng chỉ ra đến Tuý Loan. Ta đánh rất dữ ở Gò Cà, chặn đứng chúng lại. Dù chúng có đến Ái Nghĩa, Hoà Phước nhằn nha còn được. Trong giai đoạn vừa qua, mọi người phải “quỳnh trống chiến”. Ở trên bảo gì thì đã “chúi mũi chúi lái” làm hết cả rồi. Chẳng còn gì phải lo lắng nữa!

Chú Năm Mùi rung đùi:

- Cứ tạm vậy đã. Kế ta làm là kế lâu dài, ăn làm còn lâu. Rồi đây, ta cứ tĩa dần! Chỗ này vài đũa, chỗ kia vài đũa! Ít cũng hoá nhiều, ai cũng làm được. Biến hoá vô cùng! Thật là Khổng Minh chi kế!

Chú Năm Mùi nói xong nhìn ra ngoài thở phào. Trời Hoà Phước trong xanh. Lơ thơ vài chòm mây trắng đứng im, như không bao giờ thay hình đổi dạng. Một cánh buồm trắng sau bãi dâu lấp lánh...

Trên cây sung, bọn cà cuống đang trò chuyện. Chợt có tiếng ông Kiềm Lài gọi gấp bên kia rào.

Anh Bốn Linh đứng lên hỏi:

- Chi vậy, ông Kiềm?

Tiếng ông Kiềm Lài hoảng hốt:

- Giặc đến đàng cái rồi!

- Đàng cái nào?

- Đàng cái Ái Nghĩa!

- Thiệt không?

- Thiệt mà!

Ông Kiềm Lài nói chưa dứt lời, tiếng ình oàng nổi lên vang dội. Tiếng nghe gần lắm! Chốc chốc vang lên tiếng tạch, tạch! Anh Bốn Linh rút cây kiếm giắt trên phen, gọi chú Năm Mùi bước nhanh xuống xóm dưới. Tiếng trống báo động phía Giao Thủy nổi lên. Anh Bảy Hoàn, ông Bảy Hoá, đội tự vệ vác mã tấu chạy băng qua đồng về phía chòm đa Lý. Tôi và thằng Cù Lao vút đồ đạc xuống hầm, mang nồi niêu, gạo muối theo chị Ba ra vạ. Bà con trong làng gồng gánh đồ về phía sông. Dượng Hương Thư đã bố trí đồ chờ sẵn. Tôi ngồi trên đò quay nhìn lại. Hoà Phước vẫn im lìm trong tre mít. Tận nơi xa, một vài cột khói đứng lặng im.

Tôi và thằng Cù Lao theo chị Ba qua đò. Tôi yên trí chị Ba đi thẳng lên chỗ mẹ đang tản cư. Nhưng chị Ba rẽ vào một con đường kiệt, im lặng đi mãi. Chị đi theo một con đường nhỏ ngoằn ngoèo đến một xóm hẻo lánh, tên là xóm Cây Thị. Ở đó một chị trạc tuổi chị Ba, nhai trầu nhóp nhép đang chờ sẵn. Chị đó đưa chị Ba đi quanh xóm, chỉ chỗ của anh Huỳnh nào đó sẽ đến đóng và chỗ dành cho anh Bốn Linh và đội tự vệ qua ở.

Bất giác, tôi nói:

- Anh Bốn bảo phải tản cư lên Bến Dầu, chị Bốn ở trên đó.

Chị Ba quay lại nhìn tôi. Cách nhìn của chị Ba làm tôi chợt hiểu là tôi phải lặng im, không nói như vậy vì không đúng lúc. Chị Ba leo lên một ngọn đồi, trên đồi có một ngôi miếu gọi là Miếu Đồi, Trong miếu chỉ có toàn giường, có đến sáu chiếc giường nhỏ, trải chiếu mới. Bên tường còn có hai chiếc đòn khiêng và hai chiếc võng. Chị Ba nói với chị đang nhai trầu:

- Việc chúng mình thế là xong! Còn việc tiêm kim và băng bó, đó là việc của các anh ở huyện.

Ở đây khi nhức đầu sổ mũi đã có người tiêm kim. Khi ốm đau có giường nằm. Mọi việc tiếp đón đồng bào tản cư ở đây thật sẵn sàng và chu tất.

*
* *

Thầy Lê Hảo vừa tản cư qua sông gần xóm Cây Thị. Thầy cho biết rõ là giặc mới đến Ái Nghĩa. Ở Ái Nghĩa, chúng canh súng cối nã khắp quanh vùng. Thầy bảo anh Bốn Linh bên đó nhắn chị Ba phải tìm mua mười ve dầu Nhị Thiên trị cảm. Cứ cho tôi và thằng Cù Lao mang về Hoà Phước, đem giao cho bà Hiến. Giặc chưa đến, cần đưa sang ngay. Chị Ba mua bông, bỏ vào hai cái bọc. Ăn sáng xong, tôi và thằng Cù Lao đi Hoà Phước. Ra đến bến vừa gặp đò. Như vậy là điềm may. Tôi bước lên đò ngồi ngay trước mũi. Gió sớm mát rượi. Sông Thu Bồn toả một màu xanh đến cuối trời. Thằng Cù Lao cúi xuống sông khuấy nước:

- Lúc về tắm một cái cho nó mát!

Chợt một tiếng đoàn như sét đánh. Thằng Cù Lao bật dậy. Nhiều tiếng nổ dữ dội. Những tràng súng máy nghe gần lắm. Tôi hoảng hốt, nhảy phốc lên bờ. Thằng Cù Lao kéo chạy nép vào một bụi cối ngồi dòm ra. Bên kia sông, một cột khói bốc lên, lại một cuộn khác... Thằng Cù Lao giật thót:

- Lửa! Nhà cháy rồi! Lửa! Lửa!

Tôi trở mắt nhìn. Xóm trên và xóm giữa của Hoà Phước có nhiều cột khói ùn lên. Một chốc sau, những tràng liên thanh thưa dần. Có tiếng súng bắn từng phát một.

Thằng Cù Lao thì thầm:

- Súng trường của ta đó!

Đến trưa, tiếng súng bên kia sông vẫn chưa im hẳn. Khắp sông không có một bóng thuyền. Đò đã trôi đi đâu, ông lái đò cũng biến mất. Tôi và thằng Cù Lao phải quay về xóm Cây Thị.

Một số bà con ở Hoà Phước cũng tản cư qua xóm Cây Thị. Họ qua sông, đi vài cây số rồi dừng lại. Chị Ba bảo tôi và thằng Cù Lao đi quanh một vòng xem ai tản cư qua xóm Cây Thị. Chúng tôi đi một vòng vào chợ. Khi gặp bà con Hoà Phước họ hỏi:

- Nhà mày bị cháy không Cục?

- Dạ, cháy rồi!

- Nhà tao, chúng đốt rồi!

Tôi và thằng Cù Lao bắt chước chú Năm Mùi:

- Mất của nhưng người còn là quý lắm! Sau này độc lập dựng lại cái khác tốt hơn!

Trâu bò đứng đĩnh ngoài hàng rào suy nghĩ. Lợn thu hình nằm trong giỏ biết thân phận của mình, chỉ ụt ịt khe khẽ. Bọn chăn trâu đi tản cư gặp thằng Cù Lao reo ầm như lâu lắm mới gặp lại! Đứa nào cũng cho nhau biết những tin tức ở làng, chuyện giặc đốt nhà, chuyện chúng giết trâu.

Tôi gặp ông Bốn Rị vừa tản cư sang.

Tôi hỏi ngay:

- Nhà ông bị đốt chưa?

- Mô Phật! Chúng chưa đốt! Xóm mày cháy trụi!

Ông nhăn mặt:

- Tây đông lắm. Chúng bắn loạn xạ loạn xạ. Chúng đốt nhà mày rồi, đốt nhà anh Bốn Linh rồi! May có ông Bảy! Ông không sợ súng. Ông xông vào chữa cháy. Ông nhảy lên mái nhà, tốc tranh, ông chặt chuối ném lên. Ngọn lửa không bắt được, vài nhà chưa cháy.

Ông Bốn xắn quần chìa chân:

- Tao liều mạng chạy theo ông Bảy. Tao đập vào lửa phỏng chân đây này!

Ông Bốn hỏn hỏn:

- Ta tung lựu đạn. Chúng nhào lẩn! Chết nhiều lắm! Chúng vào nhà bà Bảy Đá cướp tiền bà rồi!

- Tiền của bà chôn dưới đất mà!

- Có đưa chỉ điểm, chúng biết hết! Bà xông đến giật tiền lại. Chúng bắn, đoàng! Mô phật! Bà không chết! Tao khen ông Tư Đàm. Ông Tư Đàm áo dài khăn đen, cúi chào các “quan lớn”. Ông khai với giặc ông có mười mẫu dâu, có năm đôi trâu, Cộng sản cướp hết. Nay có các quan về, thù này ông phải trả. Nhưng ông còn sợ, vì Cộng sản đông quá. Lính Cộng sản có đến năm trăm thằng có đủ súng ống. Chúng đào hầm khắp các bờ bụi, hiện nay đang núp dưới đó. Hễ ông nói sai thì ông xin đưa đầu cho quan lớn chặt. Bọn giặc nghe vậy nháy nhau rút lui, Tao khen ông Tư Đàm, ông Tư Đàm giỏi quá! Nói láo làm giặc sợ rút lui!

*

* *

Đồng bào nhiều xã ở bên kia sông tản cư sang bên này sông. Có người tôi biết. Những người này nổi danh khắp tổng. Trước đây, họ đi ngựa hoặc đi cáng qua làng. Họ là những nhà giàu hoặc có chức tước. Người bốc thuốc giỏi, đánh quyền giỏi, học giỏi, nói láo giỏi cũng được nhiều người biết. Trước đây, khi họ đến Hoà Phước, trẻ con biết được, kéo nhau đi xem. Đồng bào bên này kháo nhau bảo dân bên kia sông có nhiều tiền. Bên kia sông là đất dâu tằm, bán bố tơ được bố bạc. Họ đi tản cư mang theo bố bạc to tướng. Cũng đồng bào bên này sông kháo nhau bảo dân bên kia sông nghèo xơ nghèo xác, cũng vì nghề tằm. Hễ thua tằm là bán vợ đẻ con, đi tản cư không mang theo được lon gạo!

Có tin đồn là ta vừa bắt được Việt gian, mặt mày trông quá dữ tợn. Nó trà trộn với dân tản cư để điều tra tình hình. Nó vào chợ. Ta cho người theo dõi. Quả nhiên nó là gián điệp, nó ra hiệu cho máy bay đến bắn. Tôi và thằng Cù Lao len lỏi trong các xóm chợ chợt thấy hiện ra một con sông. Thì ra cũng là sông Thu Bồn. Con sông dằng xa, vạch một nét thẳng tắp. Hoà Phước bên kia sông kéo thành một vệt xanh thắm trông lạ lạ, như nơi nào khác. Thường lệ vào lúc sẩm tối địch ở Đà Nẵng nổ một loạt súng. Địch ở Giao Thủy cũng nổ một loạt súng. Những chùm pháo sáng từ đồn Giao Thủy bay lên, toả những ánh sáng xanh lè rồi phụt tắt. Ở tận cuối trời, một đám cháy loá lên vàng rực. Nhiều đám cháy nổi lên chỗ khác, ngọn lửa cứ sáng đi sáng lại vài lần mới chịu tắt. Có đám cháy gần hơn, làm ửng sáng cả một vùng. Tôi nghe như có tiếng thét bay lên cùng ngọn lửa.

*

* *

Theo chị Ba thằng Cù Lao được cấp trên nhận xét tốt. Nó thuộc thành phần cố nông. Cha nó từng bị lí trưởng đánh phải bỏ làng ra ở ngoài biển Đông, đã nung nấu ý chí cách mạng. Nó bơi giỏi, lặn giỏi, có cặp mắt tinh, có lỗ tai thính, tất cả ngõ ngách ở làng nó đều biết hết. Về tôi, cấp trên nhận xét tôi đang còn lấu tấu, thô lỗ, vụng về. Nhưng qua việc làm vừa rồi thấy có tiến bộ. Trong việc đi lấy củi, việc lên xuống Phú Đa tôi có nhớ đường, và khi tập bơi tôi không bị uống nước.

Đã được thử thách như vậy, tôi và thằng Cù Lao sẽ được giữ việc tiếp tế cho đội tự vệ, lúc ở tiền tuyến, lúc ở hậu phương.

Tôi hơi sốt ruột:

- Làm tiếp té là làm chi chi Ba?

- Bên Hoà Phước đang cần bông. Mày và thằng Cù Lao đưa bông tiếp té. Mày và thằng Cù Lao phải về Hoà Phước. Phải mang muối qua, muối dự trữ bên đó bị tan ra nước. Đợi trời tối hãy đi. Ban đêm, giặc chui hết vào đồng, ta tự do qua lại.

Vâng theo lời chị Ba, tôi và thằng Cù Lao phải đi tiếp té. Ra đến bên đò trời vừa sẩm tối. Trời không một đốm sao. Con đò lướt khe khẽ như đang phân vân phải đi vào một nơi đông đặc bóng tối. Một cơn gió thổi mạnh, lác đác mưa rơi. Tôi bước xuống đò, hai tay ôm chặt gói bông, cầm đầu đi về phía trước. Bóng tối và mưa đêm nút kín đất trời. Tôi lò dò bước từng bước một, thằng Cù Lao bước sát theo sau. Bước được một quãng, tôi bị va vào một cành cây. Tôi sờ soạng biết đó là một hàng cây bã đậu. Tôi tránh sang phải, đi vòng quanh. Đi được một chốc lại bị gai cào. Tôi sờ soạng. Đó là những lùm dứa dại. Tôi kéo thằng Cù Lao tránh sang trái. Hết tránh sang trái lại quẹo sang phải. Tất cả những gai góc, bờ bụi, hang hốc như dựng lên đủ thứ chướng ngại vật. Bãi dâu trong đêm mưa rất khác với bãi dâu bát ngát khi tôi ngồi trên lưng trâu Bình giữa làn gió chiều mát rượi. Tôi và thằng Cù Lao đã đi được một lúc lâu. Nhưng cũng chưa phân biệt được đâu là dâu, đâu là sông, đâu là làng nữa. Tôi dừng lại:

- Chỗ mô đây, Cù Lao?

- Chẳng biết! Lạc hướng rồi!

Thằng Cù Lao khịt mạnh:

- Đi hết bãi dâu phải gặp triền đất. Phải lên dốc. Lên khỏi dốc là vào làng. Sao chẳng thấy chi hết? Phải tìm chỗ triền đất. Đâm ngang bên phải thử coi.

Thằng Cù Lao dắt tôi đâm ngang bên phải. Đi một chốc, chúng tôi va vào một vách đất.

Tôi reo lên:

- Triền đất đây rồi!

Tôi theo thằng Cù Lao leo lên triền. Nhưng cũng không nom được triền đất này nằm đúng nơi nào. Chúng tôi lò dò đi về phía trước, lúc băng qua ruộng, lúc giẫm lên bùn, biết đang đi trên một cánh đồng. Tôi vấp vào một mô đất. Gói bông văng tung. Tôi mò quanh đất. Chẳng thấy bông đâu cả. Thằng Cù Lao nhớ chị Ba có cho nó mấy que diêm, nó đang giữ trong túi áo:

- Chà may quá! Lại có giấy đây nữa.

Một tiếng “xoẹt”. Que diêm bật lửa. Tia lửa ồm yếu, do dự. Tôi nín thở. Đốm lửa bé thơ lớn dần. Thằng Cù Lao rút giấy đặt cho lửa bắt, nhưng ngọn lửa cứ dừng dung, leo lắt rồi tắt biến.

Tôi hỏi:

- Còn nữa chứ?

Có tiếng xé giấy rồi một tiếng “soạt” rất khê. Que diêm bật sáng. Tia lửa bắt cháy đầy hy vọng. Thằng Cù Lao đưa giấy cho lửa liếm. Lửa liếm sang giấy, lớn dần. Ánh sáng toả ra. Tôi cố tìm xung quanh bông rơi chỗ nào. Chợt một cơn gió nổi lên. Ánh sáng phụt tắt. Tất cả trở nên kín mít. Thằng Cù Lao bảo cứ đi về phía trước nhất định sẽ gặp xóm làng. Tôi đứng dậy bước khắp khê. Chợt có tiếng quát vang dội:

- Đứng lại!

- Bắt! Bắt! Bắt lấy nó!

Tôi hoảng quá nổi la làng.

Tiếng quát to hơn:

- Ai?
- Chúng tôi! Cục và Cù Lao đây.
- Làm gì ở đây?
- Đi lạc vào đây!
- Cộng sản rồi! Tóm cổ lại. Đưa về đồn cho ông lớn.

Người tôi nghe lạnh toát. Tôi đã đi lạc vào hang ổ của giặc. Một thằng chop tay tôi kéo tôi đi. Thằng Cù Lao bị lôi theo sau. Giặc bắt tôi chui qua những nơi tối mịt, đẩy tôi vào một căn hầm, bên trong chỉ một ngọn đèn dầu le lói. Giặc bắt chúng tôi phải ngồi im. Bên ngoài có tiếng chân chạy. Có tiếng hỏi:

- Thằng Cục, thằng Cù Lao phải không?

Nếu không phải là ma quỷ thì đó là giọng nói của chú Năm Mùi. Giọng nói đó tôi nghe quen từ nhỏ! Tôi bật dậy:

- Chú Năm! Chú Năm!

Chú Năm chạy đến sờ đầu sờ cổ chúng tôi, hỏi đầu đuôi mọi việc. Chú bước ra ngoài lấy áo quần khô, bắt chúng tôi thay ngay. Tôi hỏi chú Năm đây là đâu, chú đang làm gì? Chú Năm bảo chú đang ở trên đám đất của một làng. Làng đó ở trong một tỉnh. Tỉnh đó của một nước, Việt Nam. Chú ở đây để “đền nợ nước”. Những người vừa bắt tôi và thằng Cù Lao là người của ta cả. Tôi và thằng Cù Lao cố ngủ yên. Ngày mai phải dậy thật sớm để về Hoà Phước.

*
* *

Tôi và thằng Cù Lao được chú Năm Mùi gọi dậy để về Hoà Phước. Trời chưa sáng. Chúng tôi theo chú Năm đi về hướng sao Mai lấp lánh. Tôi đoán đêm qua tôi đi lạc đến chòm sao Lý. Chú Năm dặn những việc cần làm khi về lại xóm Cây Thị. Đi được một quãng, chú dừng lại, chỉ cho chúng tôi cứ đi thẳng về phía trước. Hoà Phước ở ngay trước mặt. Chú Năm quay gót, không biết chú về phía nào.

Trời sáng dần. Hoà Phước hiện ra trước mặt hoang vu như một nơi nào xa lạ! Ở xóm trên, các lối đi bị xoá mất. Nhìn lâu mới nhận ra chỗ nhà tôi ở. Nhà dưới của bác Úc dính liền với nhà ông Kiểm Lài. Trước kia, hai nhà có một bờ rào ngăn đôi. Rào giậu đều bị hạ, những nhà còn lại như bị dời sang chỗ khác. Nhà trên của tôi cháy trụi. Nhiều nhà khác cũng bị cháy. Tất cả ngổn ngang.

Tôi và thằng Cù Lao mò đến nhà bà Hiến dòm vào bên trong. Bà Hiến quần kín trong chiếu. Tôi gọi:

- Bà Hiến ơi!

Vẫn im lặng. Tôi gọi to hơn:

- Bà Hiến ơi!

Cũng vẫn im lặng. Tôi vỗ vào chiếu:

- Bà Hiến ơi! Ngủ đã đủ! Thằng Cục và thằng Cù Lao đây này.

Chiếc chiếu bật ra. Bà Hiến ngồi dậy, nhìn sững sột.

Tôi chop tay bà:

- Không phải giặc đâu!

Bà Hiến giật thót, chấp hai tay khăn vái:

- Nam mô Phật! Vong hồn hai cháu đừng về phá bà, tội nghiệp!

Thằng Cù Lao nghiêng sát vào tai bà:

- Cù Lao và Cục đây mà!

- Mô Phật! Hồn phải cho khôn, hồn đừng có dại. Đừng về phá bà, tội nghiệp!

Tôi cãi lại:

- Có ai chết đâu!

- Thằng Cù Lao chết rồi! Thằng Cục chết rồi! Chú Năm Mùi nói cho bà biết rồi! Bà chiêm bao thấy chúng về thăm bà.

Bà Hiến rên rỉ, cố giữ không để bật tiếng khóc.

Tôi huơ tay đá chân:

- Hai đứa còn sống sờ sờ đây này!

Thằng Cù Lao xô gói quần áo bị ướt, đưa bà Hiến xem:

- Nếu chết rồi, sao có được đồ ướt này? Qua sông bị mắc mưa. Đêm qua có mưa, nhớ không?

Thằng Cù Lao móc túi rút ve dầu Nhị Thiên của chị Ba cho, xoa vào lỗ mũi bà Hiến:

- Người chết làm sao có được dầu này!

Bà Hiến chưa hoàn hồn:

- Có thật hai đứa đây không? Bà thấy khác quá!

Tôi nhìn lại thằng Cù Lao. Quả thật nó khác hoắc. Tôi phì cười. Quần áo cẩu chú Năm đưa thay đêm qua quá rộng, làm nó hoá lạ. Thằng Cù Lao nhìn tôi. Nó cũng bật cười. Áo tôi mặc dài quá đầu gối. Thằng Cù Lao giữ đồng quần áo bị ướt:

- Tối qua hai đứa bị ướt, chú Năm bắt phải thay áo thay quần. Chú dặn phải phơi ngay quần áo ướt để mặc về. Áo quần của chú phải gọi lại đây. Chú sẽ đến lấy. Nghe rõ chưa?

Bà Hiến thấy tôi và thằng Cù Lao cười nói tự nhiên đã tươi tỉnh lại. bà sờ tay chúng tôi thấy ấm như tay người sống. Đột ngột, bà khóc oà.

Bà Hiến kể lại chú Năm Mùi cho biết tôi và thằng Cù Lao bị chìm dờ. Chúng tôi chìm xuống sông, sau đó, không thấy ngoi lên nữa. Ai hỏi bà cứ nói vậy. Cả gia đình tôi cũng chết đường chết sá không còn ai nữa. Bà chẳng thấy ai về làng cả!

Chú Năm Mùi dặn tôi và thằng Cù Lao buổi sớm không được ra khỏi nhà. Phải đề phòng giặc đi lùng. Có giặc đến, phải xuống hầm bí mật, có bà Hiến hướng dẫn. Đợi chiều xé mới ra mót ngô ngoài bãi dâu, lúc đó giặc không đi lùng nữa. Đến tối, chúng tôi ra chờ đồ về xóm Cây Thị.

*

* *

Xóm Cây Thị bên ngoài cũng như tất cả các xóm khác. Cũng những cây mít, cây chuối, cây cau. Mỗi buổi sáng sớm, con gà trống đứng trước sân rộng to không kém con gà trống của anh Bốn Linh lúc trước. Đến nửa buổi bọn gà mái nổi tục ta tục tác khoe với khắp làng chúng đã đẻ trứng. Ngoài xóm chỉ vậy, trong xóm lại khác. Nhà nào cũng đông. Người tản cư về đây không mang trẻ con, lợn gà, nồi niêu, chén bát linh tinh như những nơi khác. Có nhà tập trung đến sáu bảy người, toàn là người lớn. Họ không phơi đồ trắng ra ngoài, không lê la ngoài đường. Một số gặp nhau, ngồi dưới gốc mít bàn bạc. Họ rút trong xác quyền sở tay, lấy bút chì ghi chép. Có người tản cư đến một hôm, chợt lại đi nơi khác. Có người ngủ suốt ngày, đến tối lại đi đâu. Anh Bốn Linh, chú Năm Mùi, đội tự vệ thỉnh thoảng cũng có mặt ở xóm Cây Thị. Họ về lấy mìn, lấy lựu đạn, về ngủ một giấc rồi lại đi. Tôi gặp ông Bảy Hoá bước lên dờ. Ông mặc áo cà sa, cổ đeo tràng hạt. Khi vào đến xóm Cây Thị, ông Bảy Hoá chỉ mặc bộ đồ cộc, đeo dao găm, tập quân sự.

Không chỉ ông Bảy Hoá, người khác khi về lại bên kia sông đều hoá khác như vậy. Chị Bảy Cọ về Hoà Phước mặc chiếc áo vá, đội chiếc nón rách. Chị lấy nước nghề bôi lên mặt. Người chị xinh đẹp bỗng hoá vàng vọt bủng beo giống đĩa ăn mỳ. Chị Ba vờ quát:

- Về bên kia xin ăn, đây không có cơm thừa đâu!

Chị Bảy Cọ ngửa chiếc nón rách còng lưng van lơn:

- Lạy bà! Thân con đói khổ. Con xin miếng cơm thừa!

- Xéo ! Bà sai con hầu ra quát cho coi!

Chị Bảy quát mắng:

- Tao là Phật Quan Âm đây! Tao giả ăn xin để thử lòng dạ mỳ. Tao phải bắt mỳ về châu âm phủ! Thôi tao đi đây.

Tôi và thằng Cù Lao đưa chị Bảy ra đến bến đò lúc nhá nhem rồi quay lại. Tôi biết chị Bảy mang theo lựu đạn về Hoà Phước trao cho tự vệ.

Nhiều việc ập đến. Tôi và thằng Cù Lao cũng “búi xồm xồm” như người lớn. Nhiều việc mới đó tôi đã quên. Tôi tiễn bà Đốc Thụ và chị Tuyết Hạnh lên thuyền tản cư lên Trung Phước. Thuyền chị Tuyết Hạnh lần sau bãi dậu là tôi đã quên chị. Thằng Sơn Hải theo ông nó lên nguồn. Sau đó, có người báo hai ông cháu đã xuống biển. Có một điều chắc chắn là đội tự vệ Hoà Phước ăn mỳ của ông Biện Thành. Mỳ đến xóm Cây Thị bằng đường nào tôi không biết. Thỉnh thoảng có người gánh mỳ, gánh bún đến xóm Cây Thị để đổi khoai. Nhưng khi mở bầu lại thấy lựu đạn với chông sắt. Các thứ đó được chị Ba cất giữ kín đáo, thỉnh thoảng có người về nhận. Nhiều người ở tận ngoài Tuý Loan cũng biết tìm đến xóm Cây Thị. Họ hỏi chị Ba như người quen biết. Có một sợi dây bí mật nối tất cả lại. Có đến mười chị ở khắp nơi cũng tìm về xóm Cây Thị. Họ về dự lớp cứu thương. Và bất ngờ quá, cả chị Tuyết Hạnh cũng về dự! Chị biết trước về xóm Cây Thị sẽ gặp tôi và thằng Cù Lao. Gặp lại chị Tuyết Hạnh thật là thích. Không phải chị đi dự lớp, mà chị về để mở lớp huấn luyện. Oai quá! Chị đã học lớp cứu thương, nay về dạy lại. Lớp sẽ mở chỗ Miếu Đồi trên gò. Chị cho biết ông Đốc Thụ cũng sẽ tạt qua xóm Cây Thị để dự lễ bế giảng lớp huấn luyện. Tôi và thằng Cù Lao cũng muốn xin học lớp cứu thương, vì cứu thương cũng oai bằng kĩ sư, bác sĩ... Ở chị Tuyết Hạnh, những cái “sẵn sàng” càng nhiều hơn trước. Chị sẵn sàng vừa dạy vừa nấu cơm, sẵn sàng đi trồng sắn với chị Ba trong núi, sẵn sàng kể tiếp cho chúng tôi nghe những chuyện tướng cướp giết gân. Chú Năm Mùi nói: Con gái của bác sĩ mà giỏi quá!

*

* *

Tình hình trở lại yên tĩnh. Một vài gia đình đã hồi cư. Giặc thường cố thủ trong đồn. Tề nguỵ chúng chưa đặt được.

Mẹ tôi, chị Bốn Linh, thím Năm Mùi rất muốn về. Chị Bốn Linh nói giặc bắt thì mình cứ khai: Chồng tôi đi làm cho Việt Minh, tôi nín lại sao được? Chúng hỏi chồng mình đâu, mình nói: “Ông ấy chết bờ chết bụi đâu rồi! Mấy lâu không thấy!”. Tôi và thằng Cù Lao tự do trở về, vì chúng tôi chỉ là bọn con nít. Nay mai mẹ tôi sẽ về. Tôi và thằng Cù Lao phải về trước, ở tạm với ông Bảy Hoá trong chùa. Gạo mỳ cứ về xóm Cây Thị mà lấy. Chúng tôi về trước để kịp tĩa ngô. Ban đêm sẽ có chú Năm Mùi, hoặc chị Ba về dọn đất.

Tôi và thằng Cù Lao mang gạo, muối, nồi niêu về Hoà Phước, vào chùa ở với ông Bảy Hoá. Nhưng tôi và thằng Cù Lao muốn xây dựng một “lâu đài” để ở và nghỉ ngơi cho sướng. Chúng tôi nhặt hai tấm vách đặt dựa vào nhau làm thành hai mái nhà. Chằng cần cột. Hai cái vách chụm lại thế cho cột, cho kèo, cho tường, cho tất cả các loại cửa. Thằng Cù Lao cắt mo cau lợp lên nóc. Chúng tôi thỉnh thoảng trốn khỏi chùa, chui vào “ngụ” trong lâu đài vừa xây dựng. Nhiều gia đình chưa hồi cư. Làng xóm vắng vẻ. Khi vắng người, loài vật tự do sinh nở. Ao đĩa không bị mò vét,

tôm cá sinh sôi. Bọn cá quả dắt con cháu bơi lội nhón nhơ. Tôi và thằng Cù Lao bắt chước người lớn chọn một tấm phen tre buộc túm lại một đầu, lấy cành tre nhét vào bên trong. Tất cả đem chìm xuống ao. Sau vài ngày lại kéo lên, bắt được khối tôm cá. Chuột cũng rất nhiều. Lúc xóm làng còn đông đúc, tiếng cười, tiếng quát, tiếng chó sủa làm chúng hoảng sợ, suốt ngày phải lo chui rúc. Nay được thoải mái, chúng chiếm các bờ bụi, qua lại ngang nhiên. Nhất là chuột đồng, ngô khoai bỏ vãi ngoài đồng nuôi chúng béo núc. Chúng tôi đốt đuốc nhét vào hang. Chuột phóng ra, thằng Cù Lao chop cổ, chặt đầu, mổ bụng, đem ướp với muối và nghệ, đốt lửa lên nướng. Thịt nhái bên ngon hơn. Nhái nấp dưới hòn đất, tôi lật đất lên. Chúng nhảy loạn xạ. Chúng tôi bắt bỏ giỏ mang về nhà, cũng làm món nướng. Rau má, rau dền nhiều vô kể. Trời Hoà Phước quả là một kho lương thực vô tận. Tôi à thằng Cù Lao cứ “tự cấp tự túc”. Chẳng cần phải nài niêu mâm bát gì cả. Ăn xong chúng tôi ra sông Thu Bồn uống nước. Uống xong phải chạy nhanh về nhà. Chúng tôi lo có một chiếc cáng thương binh đã đến đợi. Ngoài việc tiếp tế, tôi và thằng Cù Lao còn giúp ông Bảy Hoá đưa đường cho cáng thương binh đi từ chùa ra đến bến đò Hoà Phước.

*
* *

Bà Hiến chạy gọi mọi người phải mau mau thức dậy vì giặc đang đổ xuống ở bến Hoà Phước. Chúng theo đường sông kéo từ đồn Giao Thủy xuống. Nếu giặc vào làng, xóm trên đã có kế hoạch di chuyển vào phía chòm đa Lý. Ông Bốn Rị chạy lên xóm trên cho biết lính quốc gia có đến một trăm thằng. Chúng đồn cây cối ở xóm giữa, sai phá đình làng. Chúng đập hết, phá hết, khuôn gạch đem đổ thành đồng. Nhiều người xóm dưới bị chúng giết chết bắt đi phu. Một số tản vào trong đồng. Xóm dưới tan hoang. Xóm trên và xóm giữa tán loạn.

Ở xóm giữa, ngay chỗ dốc đi xuống bến đò, một cái gì như một ngôi mộ từ dưới đất dần dần nhô lên. Chỉ bảy ngày sau nó vượt lên trên những nhà quanh xóm, giống như con quái vật từ dưới âm phủ trồi lên. Nó có nhiều mồm, mồm loe ra, răng lởm chởm mọc quanh đầu. Ai cũng tránh xa vì thấy ghê rợn. Từ sớm đến tối, con quái vật đứng nhìn chung quanh. Thỉnh thoảng, nó khạc ra một tràng tiếng nổ. Dân Hoà Phước gọi đó là cái lô-cốt. Có người gọi nó là bột giặc. Nhìn từ bên kia sông thấy nó càng soi mói, càng hung tợn, quái gở.

Địch xây lô-cốt ở ngay bến đò Hoà Phước làm cho mọi khó khăn chồng chất. Đò không thể đưa, cáng tải thương không có cách gì để qua sông được! Mọi liên lạc giữa Hoà Phước với xóm Cây Thị bị cắt đứt. Đò Hoà Phước là cửa ngõ vào ra giữa vùng ta và vùng địch. Địch hiểu điều đó, chúng đã cắt con đường huyết mạch. Cáng tải thương phải đi ngã khác, qua con đò khác. Trạm nhận cáng phải đặt nơi khác. Tôi và thằng Cù Lao không còn giúp việc dẫn đường cho cáng thương binh nữa.

Anh Bốn Linh và chú Năm Mùi giao cho tôi và thằng Cù Lao một công tác mới. Công việc sắp đến không phải làm nhiều mà phải nghe nhiều. Tai luôn luôn phải vểnh thật cao đón mọi tiếng động, phải chú ý các tiếng mõ. Anh Bốn Linh nói căn kẹ:

- Phải nhớ thật đúng! Chỉ có ba tiếng mõ như thế này cóc, cóc, cóc! Ngừng một tí lại nghe ba tiếng cóc, cóc, cóc. Tiếng mõ vang từ cuối thôn Giao Thủy. Ai đánh, không cần biết làm gì. Khi hai đứa đã nghe rõ và đếm đủ ba tiếng thì Cù Lao phải tức tốc chạy sang sông, giả vờ tắm để cầm một cây sào tre xuống nước. Cây sào đó phải nhô lên mặt nước khoảng một sải tay, giống như cây nò của dân chài lưới cắm trên sông để bắt cá.

Tôi hỏi:

- Cắm cây nò để làm chi anh Bốn?

Anh Bốn nói rất chậm:

- Đò giang không qua lại được. Liên lạc bị cắt đứt, nhưng ta đã có cây nò. Cây nò làm dấu cho người của ta ở bên kia sông biết rõ động tĩnh của giặc. Cây nò dựng lên tức là giặc đang lùng sục, tình hình đang báo động, chưa thể về được. Khi hết lùng sục, giặc về lại đồn. Lúc đó, hai đứa sẽ

nghe hai tiếng mõ, chỉ có hai tiếng: cốc, cốc! Lúc đó, Cù Lao lại chạy ra sông rút cây nò. Cây nò đã rút tức là tình hình đã yên, người của ta có thể về được.

Anh Bốn Linh giao cho thằng Cù Lao một cây sào tre mức nhọn, dài khoảng ba sải dùng để làm cây nò. Anh Bốn Linh dặn rõ nơi cắm cây sào. Đó là một nơi khuất lô-cốt Hoà Phước, kín đáo, nhưng người ngồi nép bên kia sông nhìn thấy được. Tôi và thằng Cù Lao bất kì đang làm gì, khi nghe tiếng mõ phải chạy cắm nò rút nò đúng như hiệu lệnh.

Tôi và thằng Cù Lao rất thú vị, cắm nò rút nò là cơ hội chạy ngụp lặn ngoài sông. Khi nghe tiếng mõ, thằng Cù Lao vụt chạy trước. Ra đến sông nó moi cây sào nhét dưới cát nhảy xuống sông giả vờ tắm để dựng nò. Dựng xong, nó nhìn nhìn sang kia sông như vừa dựng xong một cây đèn chiếu!

Ông Bảy Hoá có một người cháu gọi ông bằng chú ruột, bấy lâu đi làm ăn xa, nay có dịp về thăm ông ở chùa Hoà Phước. Người cháu đó tên là chú Tám. Chú Tám về thăm ông Bảy chỉ mặc bộ đồ cộc bằng vải thô, đội chiếc nón cũ, đi chân đất. Chú Tám không phải “dân thầy”, tay chân không mượt mà trắng trẻo. Chú giúp ông Bảy cuốc vườn trồng khoai. Về Hoà Phước được vài hôm, bà con trong xóm ai cũng mến. Đi ngang qua nhà bà Hiến thấy có tấm phen bị đứt, chú Tám bước đến buộc lại. Ông Bốn Rì che nơi ở tạm, chú Tám chẻ tre, đan phen che giúp. Chú làm từ sáng sớm đến tối như công việc nhà mình. Chú Tám có lời nói dễ nghe. Ai đáng vai cô bác, khi chuyện trò chú dùng chữ thưa, chữ dạ. Nết ăn, ý ở của chú Tám làm ai ai cũng mến. Hôm mới về chùa, gặp tôi, chú bảo:

- Này Cục! Cục mặc áo trái kia kìa. Mặc vậy coi chưa đẹp.

Tôi không hiểu vì sao chú Tám vừa đến đã biết tên tôi. Chú bảo vừa đến chùa đã nghe nhiều người khen tôi bơi lội vào loại khá, gánh củi vào loại giỏi. Chú Tám biết tôi có nhiều tiền bộ, tôi đã bỏ thói vật lộn, trêu chớ, biết chăm chỉ học hành, đã có lúc được thăng làm thầy dạy học. Đối với thằng Cù Lao, chú Tám không chỉ biết những việc hiện nay, mà còn biết những việc đâu đâu. Cha nó xưa kia bị ai đánh, bỏ làng đi đâu, sinh nó nơi nào. Thằng Cù Lao rất ngạc nhiên. Chú Tám giảng giải: Mỗi khi ta làm một việc gì, đều được ghi lại trên mặt, trên mắt, trên mũi, trên má. Một ý nghĩ nhỏ nhất cũng để lại dấu vết trên trán. Hiện nay có sách vở dạy cách đọc những dấu vết đó. Chú Tám lúc đi làm ăn ở Sài Gòn may gặp được ông thầy, ông truyền lại cho chú cách đọc.

Tôi hỏi:

- Chú làm được như thầy bói không? Thầy bói gieo quẻ biết hết. Hậu vận giàu, nghèo, mấy con, mấy vợ đều biết trước.

Chú Tám quả quyết:

- Không học bói cũng biết được. Biết được cái trước và cái hiện nay, biết được cái sau này nữa...

Chú Tám bảo thằng Cù Lao xòe hai bàn tay, chìa đầu chìa cổ cho chú xem. Xem xong, chú Tám kết luận:

- Thằng Cù Lao sau này sung sướng, nhưng không giàu. Chỉ có một vợ. Vợ mất đi, Cù Lao vô cùng thương nhớ, nên cứ ở vậy suốt đời.

Tôi chìa đầu chìa tay hỏi:

- Còn tôi?

Chú Tám bắt tôi cười, bắt tôi giả vờ khóc, bắt tôi bước tới, bước lui, ngồi xuống, đứng lên, chìa trán cho chú xem, chú nói:

- Sau này Cục được ăn rất ngon, mặc rất sang, ở nhà rất rộng, có vợ rất đẹp. Nhưng tại sao... không sướng!

Chú rất thích chuyện trò với thằng Cù Lao, hỏi nó lắm chuyện tỉ mỉ: Có khi nào nó gặp bọn lính ở lô-cốt Hoà Phước không? Mấy đứa là Tây, mấy đứa là người mình? Chúng cầm súng gì, đội mũ gì, mặc áo gì? Chỉ có một khẩu súng chú cũng hỏi hình thù, dài ngắn, to nhỏ ra sao.

Thằng Cù Lao hỏi:

- Biết những thứ đó làm chi chú?
- Để mà tránh! Cái gì còn mù mờ là không tránh được. Ma quỷ dễ trà trộn với người là vì cứ mù mờ, dễ làm lẫn, khó tránh.

Chú Tám còn biết được trên cây sung ở đầu làng có một cái hốc lớn. Chú ra chỗ cây sung, tìm hiểu về cái hốc. Anh Bốn đã dẫn tôi và thằng Cù Lao giúp chú Tám mọi việc.

Thằng Cù Lao mách chú Tám:

- Phải có cọc sắt. Trước đây chú Năm Mùi lấy cọc sắt đem đóng làm nấc thang... Làm vậy chú Năm leo lên được chỗ chót vót.
- Khó lắm!
- Sao?
- Đóng cọc sẽ làm ồn! Có một cái khó: Đóng xong, phải giữ nguyên cọc trên cây để còn leo xuống. Như vậy mọi người biết hết.

Chú Tám còn hỏi thằng Cù Lao rất tỉ mỉ cách gỡ tổ yến ngoài cù lao Chàm. Vách đá thế nào? Hốc núi ra sao? Cách cầm dây, cách vớt cọc, cách đứng, cách leo lên chỗ tổ yến?

Chú Tám dòm dòm ngó ngó lên cây sung. Chú lắc đầu:

- Cách gỡ tổ yến cũng không dùng được. Dây vớt lên sẽ vướng nhiều cành. Nhưng không chịu thua, thế nào chú cháu ta cũng lên ngồi chơi chỗ cái hốc để hóng mát.

Chú Tám bảo tôi đi tìm một lưỡi rựa. Tôi tìm cho chú được lưỡi mác. Chú đi hạ tre, chẻ thành lát, tước mỏng, bện thành một đàn dây dài rất chắc. Chú chặt tre làm một cây sào dài. Chú Tám đã tìm được cách leo lên cái hốc trên cây sung. Phải leo lên ba đợt. Trước tiên phải buộc dây vào đầu sào. Chú Tám dựng sào lên, dùng sào móc dây vào cành thấp nhất. Móc xong, chú Tám níu dây leo lên. Khi đã leo lên ngồi vững vàng trên cành thấp, chú Tám lại dùng sào móc dây lên cành bên trên. Rót cuộc chú đã thành công. Chú đã ngồi trong cái hốc. Chú giơ tay báo hiệu chiến thắng. Khi leo xuống chẳng cần phải sào. Chú Tám bảo tôi đứng dưới cứ việc vác sào về cất.

Chú Tám cho thằng Cù Lao đã tìm được cái hốc và cách leo. Chú chỉ tìm ra cách móc dây. Công việc của tôi mới thật là quan trọng. Vì tôi vác sào, vì không có đứa nào vác sào thì không thể leo lên chỗ cái hốc.

*

* *

Chùa Hoà Phước lại được đón thêm một vị cao tăng ở chùa Non Nước đến thăm. Pháp danh của ngài là Kiết Ma hoà thượng. Hoà thượng Kiết Ma còn trẻ nhưng đã tu hành đắc đạo, lên đến chức hoà thượng. Tất cả ở ngài đều toả ra sự khổ hạnh của một vị chân tu. Nước da ngài xanh xao nhợt nhạt như người bị đói lâu năm. Đôi má ngài tóp lại, xương mặt ngài nhô lên, xương quai hàm bạnh ra. Cặp mắt ngài lim dim như đang nhìn về cõi Nát Bàn xa xăm của Phật. Hai bàn tay của ngài xương xẩu thường vòng trước rốn. Gặp ai ngài cũng vái: Nam mô Phật! Ở ngài có một cái khiến tôi và thằng Cù Lao vô cùng trọng nể. Đó là cái đầu của ngài. Nó trọc lóc, bóng loáng như cái đầu chày. Muốn có một cái đầu như vậy, hoà thượng đã chịu biết bao đau khổ! Ít nhất hàng tháng ngài phải đưa đầu chịu một hình phạt ghê gớm: cạo trọc! Thằng Cù Lao nói nhỏ vào tai tôi:

- Thôi chẳng lên Nát Bàn. Cạo trọc đau quá!

Hoà thượng chỉ biết trường trai, nghĩa là chỉ ăn được hoa quả với năm loại ngũ cốc, không thể ăn thịt. Khi biết tôi và thằng Cù Lao đã ăn chuột đồng và nhái bén, hoà thượng thở dài:

- Nam mô a di đà Phật! Xin chớ để chúng sinh qua lại ngoài đồng, rui cái tên bay đạn lạc!

Hoà thượng gặp người đến lễ bái thường nói những lẽ huyền vi của Phật tổ. Đối với ngài tất cả những gì thấy chung quanh cũng đều là hư, nghĩa là không có. Ngài thuyết cho ông Kiềm Lài hiểu là cái lô-cốt ta thấy, cái tiếng nổ ta nghe, chẳng qua là do cái tâm ta tạo nên, giống như cái bóng trong gương soi. Lấy gương đi, bóng không còn nữa, vì vậy không nên quá sợ!

Ông Kiềm Lài nghe hoà thượng thuyết lí, khoé mắt và lỗ mũi bỗng đầy nếp nhăn, vòng tay thưa:

- Bạch hoà thượng, đi qua lô-cốt, nó nổ đoàng! Tôi nổi da gà, lạnh toát xương sống!

Tôi và thằng Cù Lao cho hoà thượng nói rất đúng. Cái lô-cốt thực ra không có. Nhất là khi có cơn mưa, cái lô-cốt biến mất. Đối với bà Bảy Đá, ngài vạch rõ cái hòm tiền cũng vì ta tưởng nó là ông chủ, tưởng nó “có” mà thôi. Bà Bảy nghe thông lẽ huyền vi của hoà thượng, vì đã quá rõ, tiền bà có rồi không đó! Ngài đếm tràng hạt đi qua làng, vừa đi vừa niệm Phật. Ngài đi lạc vào chỗ hàng rào vây quanh lô-cốt. Bọn lính giương súng:

- A lê hấp! Thằng thầy tu kia, cút mau!

Nói xong, nó nện cho thầy một đá. Hoà thượng xem việc đó như ảo, như không hề xảy ra, tuy hoà thượng phải đi cà nhắc. Theo ông Bảy Hoá, hoà thượng Kiết Ma đã đắc đạo vì ngài đã tu nhiều kiếp. Ngài đã hoá thân, có kiếp làm con ếch, có kiếp làm con chim, có kiếp làm con voi trắng. Sau đó hoá kiếp làm thầy bốc thuốc cứu được hàng trăm nhân mạng. Cuối cùng được đầu thai làm vị hoà thượng. Khi đã lên được chức hoà thượng thì người tu hành không còn ở bên mê mà đã đi đến bên giác. Lúc đầu, tôi tưởng cái bên mê hay bên giác ở đâu ngoài biển hay ngoài sông. Sau khi hoà thượng cắt nghĩa tôi mới hiểu ra, bên mê có nghĩa là còn mê muội, còn chủ quan ngu ngốc. Ở bên giác có nghĩa là đã hiểu mọi sự vật, cái gì cũng biết. Hoà thượng biết được nhiều việc cũng vì đã ở bên giác. Việc đó có thực. Vừa đến vãng cảnh chùa, ngài đã biết trước kia thằng Cù Lao tên là Biển, vì nó sinh ra ở ngoài biển. Tên Biển đổi thành Cù Lao. Thằng Cù Lao chữa đến bên giác nhưng cũng đã rời khỏi bên mê. Vì nó có học ở Đà Nẵng, được dự thính một lớp huấn luyện. Sau đó có được gặp bọn lính Tưởng Giới Thạch, bọn lê dương, biết rõ bọn này rất dữ tợn!

Có nhiều tối hoà thượng biến mất. Hoà thượng thú thật đã đi rong chơi. Không phải rong chơi ở Hoà Phước mà ngài đã phiêu diêu ra khỏi trần tục. Hoà thượng có phép lạ biết đằng vân, giá võ, chỉ một đêm ngài có thể đi từ đông sang tây, đi vòng quanh quả đất, đi nhanh hơn gió.

*

* *

Thằng Cù Lao học được cách xung hô đối với một vị hoà thượng. Nó vòng tay thưa:

- Bạch hoà thượng! Kiếp trước của hoà thượng là con ếch, sau đó là con voi. Làm sao biết được?

Hoà thượng nhìn ra xa:

- Khi đã đến bên giác thì có thể thấy lại các kiếp trước của mình. Nguyên kiếp trước của bản tăng là một nhà giàu đi làm quan. Khi đó bản tăng có tất cả, thứ gì cũng nhiều! Tiền bạc, ruộng nương, danh vọng, tớ thầy... nhưng bản tăng thiếu một cái. Cái đó lại rất quan trọng. Đó là cái hiểu được nỗi đau khổ của chúng sinh. Lòng dạ bản tăng cứng dần lại. Thấy vậy, Phật tổ nói: “Lòng dạ của người sắp hoá đá, ta phải cho người đầu thai làm con ếch”. Bản tăng đã làm con ếch. Khủng khiếp quá! Vì không quần áo, bản tăng đã cảm được cái rét của mùa đông. Vì ở trong một cái hang, bản tăng hiểu được cái ngọt ngào của bóng tối... Bản tăng đã “qua cầu” hiểu được

thể nào là đói, là rét, là sợ sệt, là cô đơn, dần dần hiểu ra được ý nghĩa của cuộc sống. Đó là hiểu thấu mọi nỗi đau của chúng sinh và ra sức làm giảm nỗi đau đó”.

Hoà thượng mắt lim dim ngồi im một lúc, thở ra:

- Sau kiếp làm ếch, bản tăng được đầu thai làm con voi trắng. Bản tăng đã sống trong một đàn voi có đến bảy nghìn thốt voi. Voi đầu đàn có bảy ngà. Một hôm, bảy nghìn thốt voi phải đi qua một con đường hẹp. Đó là một con đường độc đạo, một bên là núi cao, một bên là vực thẳm. Ngay giữa đường hẹp có một tổ chim con. Theo lệnh của voi đầu đàn, tất cả phải đi vòng một con đường khác. Đàn voi phải đi mất mười năm mới vượt hết con đường vòng đó. Chỉ mình thằng voi sáu nghìn chín trăm chín mươi chín không tuân theo lệnh của voi đầu đàn. Nó đã giẫm chết chim con. Thằng voi đó sau phải đầu thai làm quỷ sứ. Quỷ sứ sinh con đẻ cháu, đó là bọn xâm lược.

Hoà thượng thăm cảnh chùa Hoà Phước được bốn hôm thì chú Tám lại quay về. Chú Tám hiện ra trước cửa chùa vào lúc nhá nhem, theo sau còn có một người lạ mặt. Hai người bước vào liền đóng chốt cửa.

Hoà thượng đứng dậy ra đón. Ba người như đã biết nhau từ trước. Chú Tám trải chiếu trên nền gạch bên gian trái. Ba người yên lặng nằm nghỉ.

*
* *

Ban đêm tôi và thằng Cù Lao ngủ trong chùa. Chúng tôi trải chiếu trên nền gạch nằm dõn về một góc bên gian trái. Tiếng tụng kinh của ông Bảy Hoá đều đều nghe buồn thiu. Ngọn đèn dầu lù mù trên bàn thờ rải chung quanh những bóng chập choạng. Bọn ma quỷ trên tranh Thập điện Diêm Vương như sống dậy cứ thập thò. Mờ mờ bóng một chú ếch to bằng chiếc chum ngồi chom hóm căng mồm rộng hoác. Tôi giật mình, bàng hoàng tỉnh giấc. Thì ra tôi vừa nằm mơ. Quanh chùa lặng im, im cả một làn gió nhẹ. Chân tôi bị chuột cắn nghe đau nhói. Có tiếng ai đang khấn vái trước bàn thờ. Tiếng rất khẽ. Chợt tôi nghe rõ:

- Cặp gà trống thiên... chỉ huy lô-cốt... Cửu Cang...

Tiếng thì thầm lại chìm xuống. Chợt nổi lên mấy tiếng loáng thoáng:

- Tên là Nguyễn Văn Cục... ở xóm trên...

Tôi giật thót. Có người đã gọi tên tôi. Tai tôi phút chốc đã vênh cao, chõ về phía có tiếng nói, hứng mọi tiếng động nhỏ nhất.

- Cái lô-cốt... vào bên trong... rõ được...

Tôi biết đó là tiếng của vị hoà thượng. Một chốc sau có tiếng thì thầm, không phân biệt được tiếng của ai:

- Lí trưởng là Cửu Cang. Thuyết phục nó.

Chợt tiếng của hoà thượng Kiết Ma như vui lên:

- Cặp gà trống thiên... Dâng bọn ở lô-cốt... Nhờ Cửu Cang đưa vào... Ta đi theo... Phải cho nó gà trống thiên.

Tiếng cười khe khẽ. Một vật gì rơi đánh đóp trên bàn thờ. Tất cả trở lại im lặng. Tiếng chú Tám hỏi:

- Địa bàn có chưa?

- Đủ rồi, gọn!

Có tiếng mở cửa rồi tiếng bước chân đi mờ dần trong đêm tối.

Sáng hôm sau chú Tám và người lạ mặt đi đâu mất. Hoà thượng Kiết Ma ở lại chùa. Tôi nhìn hoà thượng thấy như có một cái gì khác trước vì trước kia hoà thượng luôn luôn dạy bảo tôi và

thằng Cù Lao không nên bắt chuột, không nên giết hại một con kiến. Hoà thượng cũng không ngớt khuyên bảo mọi người chỉ nên ăn dưa với muối, nay giữa khuya lại bàn việc mua gà trống thiến và phải cho ăn gà... Buổi sớm hoà thượng đến dạo chơi chỗ cây sung. Tối đến tôi thấy hoà thượng bước ra trước cửa chùa rồi tan biến trong cõi hư vô mù mịt. Khắp làng xóm cũng chẳng còn những ngọn lửa bếp reo vui hoặc những ngọn đuốc múa nhảy. Chưa mờ sáng, chú Tám lại quay lại chùa. Chú khịt khịt thở to coi bộ mệt nhọc như vừa cuốc đất. Chú vừa nằm xuống thì chợt đâu anh Bốn Linh lại tạt vào chùa. Vừa nhìn thấy tôi, anh liền bảo tôi và thằng Cù Lao phải dậy thật sớm, theo dõi thật kĩ tiếng mõ đánh để chạy cấm nò và rút nò. Tôi cũng rất ngạc nhiên là anh Bốn Linh như đã quen thân với chú Tám đâu từ trước. Anh bàn rất thoải mái về chuyện ông Cửu Cang được giặc đưa ra làm lí trưởng trước đây. Anh kể rõ cho chú Tám biết là vừa rồi ông Cửu Cang có nói với đồng bào. Ông nói như thế này:

- Ông Một ở lô cốt bắt tôi đi tìm gà. Tôi biết chắc là thịt xào nấu ở đây là thịt chuột! Ở đây không có vịt gà! Bà con có vịt gà tôi không mách cho ông Một biết đâu. Bà con muốn nuôi gì cứ việc nuôi. Còn việc kê khai dân số, bà con chết đường chết sá tôi biết chi mà khai! Ông Một hỏi chi, tôi nói không biết. Tôi cam đoan như vậy, xin bà con cho tôi ở yên!

Nói xong anh Bốn, chú Tám cùng cười. Anh Bốn vội vã đứng dậy để đi nơi khác. Trời vừa tảng sáng.

*
* *

Mới tinh mơ đã có tiếng mõ báo động, nghe rõ ba tiếng: cóc, cóc, cóc, to hơn mọi hôm. Thằng Cù Lao vụt chạy ra sông cấm cây nò. Trong chùa, ông Bảy Hoá, chú Tám đã thức giấc. Sau mái chùa, ngôi sao Mai chưa nhạt hẳn. Tôi định phóng theo thằng Cù Lao, đột ngột một tiếng “véo” vút qua đầu, tiếp theo là một tiếng nổ dữ dội. Hoà Phước như bị xé tan. Gió táp vào mặt. Khắp chùa tung lên. Lại một tiếng nổ khác rất đanh. Mái chùa như bị xóc. Một hòn ngói vỡ lăn lông lốc. Tôi hoảng quá, chỉ kịp chui trước ngạch cửa. Một cột khói đen lên ngay giữa đường làng. Pháo các nơi câu về Hoà Phước. Những loạt súng máy tăng, tăng! Tiếng cắc bọp, cắc bọp nổi lên ngoài bãi dâu. Các tiếng súng lẫn vào nhau gầm rít, hỗn loạn!

Ông Bảy thét to:

- Giặc tới kia kìa!

Ông chỉ về phía bãi dâu. Một toán lính lô nhô đang trèo lên dốc bãi. Chú Tám bước đến, nhanh nhẹn chui dưới bàn thờ bên phải. Chú hất nhanh đồ đạc để dưới bàn thờ, đẩy chiếc mâm đồng ra một bên, giở cái nắp gỗ. Một cái hầm hiện ra. Chú Tám thu người nhảy xuống hầm. Ông Bảy chạy đến đẩy nắp hầm lại, đặt chiếc mâm đồng lên trên, đặt mọi đồ đạc nguyên lại chỗ cũ. Ông gọi tôi:

- Thấp hương lên các bàn thờ!

Ông lấy áo cà sa khoác vào, đội chiếc mũ ni, đến ngồi trước bàn thờ gõ chuông tụng niệm.

Ông Bảy ra dấu bảo tôi bước đến, nói xoắn vào tai tôi:

- Nó bắn cũng nói không biết, nghe chưa! Cha mày bảo vậy đó!

Các loại súng đang gào thét chợt im lặng. Bên ngoài có tiếng xì xào, tiếng quát, tiếng súng. Một tiếng nổ to trước cửa chùa. Cửa chùa ngã sập. Một bọn quỷ sứ xoè nanh xoè vuốt ập vào chùa. Tay cầm súng chĩa về phía trước, chúng dòm ngó, đi qua, đi lại. Ông Bảy vẫn ngồi im tụng niệm.

Một đứa gầm lên:

- Có Việt Minh đây không?

Ông Bảy đứng lên:

- Thừa, già chỉ biết niệm Phật, không biết Việt Minh là ai cả.

Một thằng chĩa súng:

- Có Việt Minh không?

Ông Bảy vẫn bình tĩnh:

- Không có!

Tất cả ầm ầm kéo ra, dồn lại trước cửa chùa. Có tiếng hò hét bên ngoài. Chúng lại kéo vào:

- Ông lớn ra lệnh phải sục cho kĩ! Việt Minh hay núp trong chùa!

Một thằng rút lưỡi lê thọc vào các xó tường. Nó cúi xuống dưới bàn thờ bên phải, hất chiếc mâm đồng. Một chiếc mâm gỗ lòi ra, nó đâm mạnh lưỡi lê vào chiếc mâm gỗ. Chiếc mâm gỗ muốn bật. Nó hất thêm. Chiếc mâm gỗ bật lên lại rơi xuống chỗ cũ. Tim tôi như ngừng lại. Chú Tám vừa chui dưới chiếc mâm đó. Nó thét vào mặt ông Bảy:

- Có hầm bí mật không?

- Không có!

- Tìm ra Việt Minh tao bắn chết!

Nó sục một lúc, lại thét to:

- Chẳng có cái mồi gì cả!

Tôi thở phào! Chúng hú hí gọi nhau bước ra ngoài vườn chùa. Tiếng giày đinh xa dần. Tiếng tụng kinh của ông Bảy và tiếng chuông chùa cứ vang lên đều đều trong sáng sớm lẫn với tiếng súng nổ.

*

* *

Giặc chia thành ba toán quét Hoà Phước và mấy thôn lân cận. Một toán từ trên xuống, đi dọc mé sông Thu Bồn, đâm thẳng vào Hoà Phước. Một toán từ đường cái quan thọc lên. Toán thứ ba từ phía bắc thọc vào. Toán này khi đến chòm đa Lý bị du kích ta ném lựu đạn, chết ba đứa. Ở Hoà Phước chúng chĩa súng bắt bảy người. Thằng Cù Lao chạy cắm cây nỏ về chưa đến chùa giặc đã tràn đến. Bí quá, nó chạy dọc bờ bụi đến nép trong cây sung. Ở các thôn khác, giặc bắt mười một người. Tất cả đều bị tập trung ở cuối con đường cái vào đồn Giao Thủy. Chúng bắt mỗi người đào một cái hố. Đào xong, chúng bắt xếp thành một hàng dọc. Mười bảy phát súng nổ. Cứ mỗi phát súng là một người ngã gục. Còn lại người thứ mười tám, đó là ông Kiêm Lài, chúng chừa lại. Bắn xong, thằng chỉ huy sai chặt mười bảy cái đầu cho cắm trên mười bảy cây cọc, đóng thành hàng dọc bên con đường cái. Làm xong việc đó, giặc đuổi ông Kiêm Lài về, dụng ý để ông nói lại cho mọi người biết cách trừng phạt của chúng!

9

Mùa mưa lại đến. Gió và mưa! Mưa và gió! Gió đập ầm ầm vào cây sung tôi tả. Mưa xối ào ào như có ai cầm chĩnh trút nước. Trời Hoà Phước tối lại. Lô-cốt Hoà Phước xoá mất trong mưa. Mưa tầm tã như không bao giờ dứt. Lách tách! Tôm, tôm, tôm! Mưa gõ nhịp đều đều nghe buồn đến chảy nước mắt! Chùa Hoà Phước càng hiu quạnh. Thằng Cù Lao hay nhắc đến cha nó. Tôi cũng trông mẹ hồi cư...

Thấy mưa, ông Bảy Hoá nói:

- Ông cứ mưa! Có bao nhiêu nước cứ trút xuống. Mưa nhiều càng tốt...

Chú Năm Mùi giữa đêm ghé vào chùa, nói với ông Bảy:

- Mưa to mà hay! Mình đi đâu đó thằng địch biết được! Mưa là trời giúp!

Mưa xóa hết vết chân của cán bộ. Mưa che kín hình dáng anh Bốn Linh, chú Năm Mùi, anh Bảy Hoàn về hoạt động ở Hoà Phước. Mưa phủ trên sông, che kín chuyến đò qua lại. Anh Bốn Linh đến thăm những gia đình có người bị giặc giết. Ông Quý nói:

- Thằng em tôi chúng giết! Một mạng người phải đền mười mạng! Anh cho tôi mượn cây súng của tự vệ. Cho tôi mười viên đạn.

Bà Điều gạt nước mắt:

- Chú Năm Mùi nói giặc đến nhà đàn bà phải đánh! Anh Bảy bày tôi cách đánh giặc với.

Con đò Hoà Phước hoạt động lại. Đò chỉ đưa trong đêm. Khi mưa to, dù địch đốt pháo sáng cũng không thấy được. Thằng Cù Lao giỏi việc leo lách, từng theo bà con đi khơi, từng gặp mưa to gió lớn, nay lái một chiếc đò qua lại con sông nhỏ hẹp, thấy chẳng khó gì! Con đò làm bằng một chiếc xuồng nhẹ hai chèo. Ban đêm, có mưa đổ đò lại đưa. Người đi đò phải ngồi bệt giữa lòng xuồng, một tay bấu chặt vào be, một tay ôm chiếc pháo tre có sẵn. Thằng Cù Lao giương buồm. Buồm chỉ nhỏ bằng chiếc chiếu. Chiếc đò trong tay thằng Cù Lao hoá linh hoạt. Nó biết tính hướng gió. Có lúc nó chống thuyền lui xuống thật xa mới cho đâm ngang. Có lúc chống thuyền lên xa mới giương buồm chạy!

Chị Ba cho biết như vậy là thằng Cù Lao đã được lên công tác ở huyện. Tôi tưởng lên công tác ở huyện là phải ngồi trên huyện. Ai ngờ, nó đi chèo đò! Tôi cũng được lên công tác ở xã. Cụ thể là phải qua xóm Cây Thị để... nấu cơm.

*
* *

Tôi và thằng Cù Lao về xóm Cây Thị. Xóm Cây Thị có nhiều thay đổi. Nhiều người lạ mặt kéo đến. Ban ngày thấy vắng lặng, ban đêm lại đông vui. Một vài chú ở xa đến, giọng nói trọ trẹ rất khó nghe. Có người đeo súng lục. Đeo súng lục là loại cờ. Một thanh niên có cái ống dòm. Anh đặt ống dòm lên mắt, vừa vặn vừa dòm. Anh nói với bạn bè xung quanh:

- Nó đã về kia, nó đứng trước miếu kia.

Tôi đưa mắt nhìn lên miếu chẳng thấy ai về cả.

Chị Ba chỉ cái ống dòm, nói với thằng Cù Lao:

- Cái ống thiên lí “xa soi nghìn lối” của thầy Lê Hảo kia!

Tôi được anh thanh niên cho nhìn vào ống dòm. Tôi nhìn lên miếu. Bỗng nhiên, ngôi miếu nhích lại gần, nom rõ được cả cái bậc cửa. Tôi thấy rõ một người ngồi trước cửa miếu, mồm đang nhóp nhép. Tôi cứ xin được ngắm ống dòm. Anh thanh niên biết tôi mê ống dòm, khi nhờ việc gì, anh gạ:

- Chạy mau! Về đây anh sẽ cho xem ống dòm!

Ở xóm Cây Thị, một hôm tôi rất ngạc nhiên gặp lại chú Tám. Trông chú diện quá! Áo sơ mi trắng, mũ cối mới tinh. Đầu tóc mới hớt, tóc chải ngược, trán chú hoá cao, trông oai phong hoạt bát, không còn hom hèm như lúc ở chùa Hoà Phước. Chú ôm choàng chúng tôi, hỏi chúng tôi về xóm Cây Thị hôm nào, chú ở trên Miếu Đôi nên không biết.

Chú Tám xỏ bọc, tìm gương tìm lược để chải tóc, tôi thấy trong xác chú có cái ống dòm.

Tôi kêu lên:

- Ôi! Cái ống dòm!

Thì ra cái ống dòm của anh thanh niên là cái ống dòm của chú Tám cho anh ấy mượn.

Thằng Cù Lao mỉm cười:

- Chú lấy ống dòm, ngồi trên hốc cây sung dòm vào lô-cốt Hoà Phước, phải chưa?

Chú Tám cười:

- Sao Cù Lao biết?

Thằng Cù Lao thú thật nó nói chặn ngon, thế mà trúng. Chú Tám cho biết ống dòm chỉ dòm được bên ngoài lô-cốt. Muốn biết bên trong địch có súng gì, bố trí ra sao, ta phải vào nhìn tận mắt. Việc đó địch không cho phép. Nhưng ta cũng phải có mẹo.

*

* *

Thằng Cù Lao thỉnh thoảng biến mất ở xóm Cây Thị. Có khi vài hôm nó mới quay về.

Bữa ăn, chị Ba nói:

- Thằng Cù Lao đi theo các anh trinh sát, chưa về đâu!

Nó lộn về dẫn theo một chú bộ đội đeo súng lục mặc quân phục màu xám. Chú bộ đội làm tôi ngờ ngợ, không biết chú có bà con gì với hoà thượng Kiết Ma không? Chú có má tóp, quai hàm bạnh ra, có tai vểnh giống như tai hoà thượng Kiết Ma. Nhưng đôi mắt lại khác. Mắt chú này luôn luôn mở to, vui vẻ. Không như mắt của hoà thượng lim dim như buồn ngủ. Chú này nhanh nhẹn như con thoi, hoà thượng lơ đãng như người bị đối. Chú đội một chiếc ca-lô vừa to vừa rộng bao kín cả đầu, tôi không thể biết đầu chú có trọc như đầu hoà thượng Kiết Ma hay không.

Tôi cười với thằng Cù Lao:

- Nè Cù Lao, chú bộ đội đi với mày sang quá!

- Ủ, sang quá!

- Chú tên chi?

- Vĩnh Xương.

- Chú có bà con chi với ngài Kiết Ma không?

Thằng Cù Lao mỉm cười:

- Không biết!

Tôi hỏi nhỏ:

- Có thấy được cái tróc chú không?

- Không thấy!

Chú Vĩnh Xương và thằng Cù Lao đi với nhau, cùng tâm sự xem rất ăn ý. Có lúc, chú Vĩnh Xương gọi nó là mày, xưng là tớ, thân mật như quen biết từ lâu. Chị Ba đã nói lập trường của nó kiên định, việc gì nó cũng giỏi. Nó được cấp trên tín nhiệm là phải.

*

* *

Tôi cũng được gặp chú Vĩnh Xương. Việc đó được anh Bốn Linh tin tôi biết trước. Thằng Cù Lao đưa tôi đến gặp chú.

Chú Vĩnh Xương đón tôi bằng cái bắt tay rất chặt. Chú giở mũ ca-lô. Rõ ràng hoà thượng Kiết Ma vừa hiện ra trước mặt. Đầu tóc chú ngắn không khác đầu một ông sư. Chú cười:

- Có phải hoà thượng Kiết Ma không nào?

Tôi cười. Hai bên đã hiểu nhau. Chú Vĩnh Xương hỏi tôi có muốn học thêm các miếng vật không. Chú hứa sẽ bày cho tôi vài thế vật mới. Đó là việc sau này. Nay chú muốn hỏi tôi vài việc. Chú rút ra một tờ giấy nói rõ từng tiếng một:

- Đây là tên họ một số đồng bào ở Hoà Phước. Tất là bảy người. Chú sẽ đọc từng tên. Trong bảy người này, người nào Cục biết mặt thì nói biết. Phải biết rất rõ, ở xa vài mươi thước cũng nhận ra được, nghe chưa?

Chú Vĩnh Xương đọc tên từng người. Người nào tôi cũng biết rõ, cũng quen. Chú Vĩnh Xương xếp giấy bỏ vào túi:

- Đây là những người tốt cả. Nhưng họ hay ra vào nhà ông Cửu Cang. Ta tin, nhưng phải đề phòng.

Chú Vĩnh Xương nhìn thẳng vào tôi:

- Công việc phải gấp. Tổ phải gặp ông Cửu Cang, nhờ ông Cửu Cang giúp ta một việc. Chỗ gặp phải an toàn. Nơi đó phải trống, phải nhìn xa được xung quanh. Từ xa, có ai đi đến là ta phải thấy trước. Anh Bốn Linh đã chọn chỗ cây duối gần đám khoai của nhà Cục. Chỗ đó là tốt nhất.

Chú Vĩnh Xương biết nhà tôi có một đám khoai ở giữa đồng. Chú nói càng rành rọt hơn:

- Ngày mai đúng lúc nửa chiều Cục ra đám khoai để làm cỏ khoai. Nhớ mang theo cái cuốc. Đám khoai đó là của Cục. Cục đến làm cỏ, chẳng ai nghi ngờ chi hết. Sẽ có một người đưa ông Cửu Cang đến chỗ cây duối. Cục vừa ngồi nhổ cỏ vừa chú ý xung quanh. Nhớ là phải ngồi. Nhưng nếu thấy có ai đi đến, Cục phải đứng lên giả vờ hốt cỏ. Nếu có người nào trong số bảy người này đi đến, Cục phải cầm lấy cuốc giả vờ vun trồng khoai. Tóm tắt có ba dấu hiệu: ngồi, đứng và cuốc đất.

Chú Vĩnh Xương thấy tôi có vẻ xúc động, chú ngồi im một lúc mới nói tiếp:

- Đây là việc rất bình thường. Ta phải gặp người làm cho địch, nhờ họ làm cho ta vài việc, có gì lạ đâu!

Chú Vĩnh Xương bảo tôi lặp lại tên bảy người chú vừa đọc, lặp lại đến lần thứ ba những việc chú đã nói. Chú còn dặn thêm: Phải tuyệt đối giữ bí mật, phải luôn luôn bình tĩnh, phải rất đúng hẹn. Vừa rồi, chú có gặp cha tôi ở tiểu đoàn 17. Cha tôi cũng dặn tôi những điều đó. Tôi là đội viên, đây còn là công tác của đội giao cho. Chú Năm Mùi sẽ gặp tôi, dặn tôi một số việc khác.

*

* *

Tôi theo chú Tám sang đò về ngay Hoà Phước, vào ở trong chùa. Xế hôm sau, tôi vác cuốc ra chỗ đám khoai ngồi làm cỏ đúng như chú Vĩnh Xương đã dặn. Một chốc sau thấy chú Vĩnh Xương đến. Chú mặc quân phục, áo có bốn túi, đeo quân hàm, oai phong như một vị tướng. Tôi rất ngạc nhiên. Các chú bộ đội tôi thấy không ai có quân hàm, nay thấy chú Vĩnh Xương đeo quân hàm, oai quá! Tôi nhìn ra xa, một chú bộ đội nai nịt gọn gàng đi với Cửu Cang cũng vừa đến. Chú bộ đội đến trước mặt chú Vĩnh Xương rút tay chào, như báo cáo với cấp trên đã thi hành mệnh lệnh. Chú Vĩnh Xương làm động tác cho phép rút lui. Chú quặt tay ra sau lưng nhìn thẳng ông Cửu Cang. Ông Cửu Cang đứng yên cúi đầu, hai tay vòng trước bụng. Không biết chú Vĩnh Xương đang nói gì, ông Cửu Cang thả rơi hai tay gật đầu lia lịa. Tôi liếc nhìn rồi lại nhổ cỏ. Chú Vĩnh Xương chỉ tay về phía lô-cốt Hoà Phước, ông Cửu Cang lại vòng tay, lại gật gật. Tôi nhìn khắp chung quanh. Xa xa rải rác vài người làm đồng. Chốc chốc, họ đứng lên rồi lại cúi xuống lặng im làm việc.

Ông Cửu Cang gặp người chào chú Vĩnh Xương, đi về ngả xóm dưới. Chú Vĩnh Xương đi về ngả trên, biến mất sau phía chòm sung. Tôi về nhà bà Hiến. Đêm xuống được một lúc, anh Bốn Linh đến gặp tôi. Anh dắt tôi len lỏi qua nhiều xóm làng đến gặp một con đò. Qua đò xong, chúng

tôi đi một lúc lâu, lại gặp một con đò khác. Qua đò xong, chúng tôi đi đến khuya về đến xóm Cây Thị.

*
* *

Các chợ có bán đủ loại gà. Nhưng không ai bán gà trống thiên. Chị Ba phải đến hỏi các nhà giàu mới mua được một cặp gà trống thiên.

Tôi ngửa ngáy, giả vờ hỏi:

- Chà, gà trống thiên! Béo quá! Ngon phải biết! Bao giờ làm thịt hờ chị Ba?

Chị Ba quát mắt:

- Mà bắt mà làm thịt! Của anh bộ đội đó!

- Anh bộ đội mua để làm chi, chị Ba?

- Để đi lễ thầy dạy học đó!

Chị Ba cười. Tôi biết không ai đi lễ thầy dạy học cả một cặp gà trống thiên. Đi lễ thầy học một gà trống choai cũng đã ít ai làm. Tôi nhớ đến chuyện gà trống thiên của hoà thượng Kiết Ma ở chùa Hoà Phước trong đêm khuya nọ: “Cặp gà trống thiên... Dâng bọn chỉ huy lô-cốt... Ta theo vào”. Chuyện gà trống thiên đêm hôm nọ ở chùa cũng chính là chuyện chị Ba sắm gà trống thiên hôm nay. Vì hoà thượng Kiết Ma không phải ai khác mà là chú Vĩnh Xương. Chính chú Vĩnh Xương đã bày ra kế dâng gà trong khuya hôm nọ. Tôi đã hiểu hết kế hoạch của chú Vĩnh Xương để điều tra bên trong cái lô-cốt. Chú Vĩnh Xương thông minh thật! Chú dùng tay sai của giặc giúp ta điều tra tình hình của giặc. Cử Cang lấy cơ dâng gà, nhập vào bên trong lô-cốt, địch không nghi ngờ gì được.

*
* *

Chị Ba đi vắng. Tôi chạy lên chỗ Miếu Đồi tìm thằng Cù Lao. Mấy hôm nay thằng Cù Lao hay lại qua trên đó. Quanh miếu vắng người, trong miếu lại thấy đủ cả, có anh Bốn Linh, chú Năm Mùi, cả chú Tám và chú Vĩnh Xương cũng ngồi trong đó. Anh Bốn Linh bảo nhỏ tôi đi nơi khác. May có chú Vĩnh Xương ra dấu hiệu cho phép tôi ngồi lại.

Chú Năm Mùi mở bọc giấy lấy ra một áo đen đưa cho thằng Cù Lao:

- Mặc thử coi.

Thằng Cù Lao mặc áo vào. Chú Năm giúp thằng Cù Lao xóc cổ, cài khuy. Đó là một áo dài vào loại sang. Áo bằng loại sa đen gọi là sa văn minh có bông rất đẹp.

- Khăn đen đây!

Chú Năm vừa nói vừa đưa cho thằng Cù Lao một khăn đen để nó đội lên đầu. Chú Năm đưa thêm cho nó một quần trắng có nếp là thằng tấp.

Anh Bảy Hoàn cười:

- Diện quá! Công tử Bạc Liêu không bì kịp!

Tôi cũng không ngờ áo quần làm thay đổi con người đến vậy. Thằng Cù Lao hôm hem lúc bắt cá đã biến thành một vị công tử phong lưu. Nếu tôi được mặc một bộ đồ như vậy nhất định tôi phải bỏ thói thích vật, đi rong và trêu chọc. Hoà thượng Kiết Ma mặc một bộ đồ như vậy nhất định không bị bọn lính ở lô-cốt đá cho một đá phải đi cà nhắc. Chú Vĩnh Xương bảo thằng Cù Lao ăn mặc như vậy mới đủ lễ nghĩa làm người đệ tử xách lồng gà đi lễ các quan lớn trong lô-cốt. Chú dặn thằng Cù Lao phải nhớ kĩ những điều chú chỉ bảo. Mọi việc đã rõ: Thằng Cù Lao được vinh dự đóng vai người đệ tử đi theo ông Cử Cang vào điều tra bên trong lô-cốt Hoà Phước.

*
* *

Thằng Cù Lao gặp chú Vĩnh Xương, hai người giữa khuya sang đò về Hoà Phước, mang theo bu gà thiến. Thằng Cù Lao, chú Vĩnh Xương, chú Tám, anh Bốn Linh đều vắng ở xóm Cây Thị. Xóm Cây Thị không còn như trước, nhà cửa vắng tanh. Bộ đội thường về lúc trời tối. Họ trình giấy tờ, ngủ lại một đêm. Trời chưa sáng họ đã thức dậy, đến một xóm khác ở xa trong núi, tên là Xóm Mới. Phải băng qua nhiều ngọn đồi đầy gai góc mới vào đến Xóm Mới. Ở đó chẳng thấy gì mới, chỉ thấy có một ngôi chùa cũ, trống hoác, chẳng có Phật chẳng có sư. Xung quanh Xóm Mới chẳng thấy xóm làng. Có một trạm gác đặt trước chùa. Tôi phải dừng lại ngoài trạm gác. Bộ đội sau khi trình giấy được vào thẳng trong chùa. Anh Bốn Linh, chú Năm Mùi, du kích Hoà Phước cũng thấy ra vào đó. Có cả chú Tám. Chú thấy tôi liền giơ tay ra hiệu. Thằng Cù Lao vừa thấy tôi chạy vụt ra mừng rỡ:

- Vừa mới đến hả?
- Mà làm chi đây?
- Lo nước nôi cho hội nghị.
- Hội nghị chi?
- Hội nghị... sa bàn...

Chú bộ đội đứng gác ra hiệu cho thằng Cù Lao phải quay vào, và tôi phải quay ra.

Khi có người vào Xóm Mới, chị Ba nói:

- Các anh vào trong đó nhớ mang luôn mấy thứ này.

Đó là những gạo, những mắm, những cá khô. Các chú bộ đội dón ba lô cho nhau, xung phong khiêng gánh. Có lúc tôi đi dẫn đường. Chị Ba viết vài chữ gửi vào Xóm Mới. Xóm Mới đưa một số bộ đội ra xóm Cây Thị. Họ theo chị Ba lên Miếu Đồi, mở thùng gỗ, lấy những lựu đạn, những bộc phá, to bằng nắm tay, bằng cổ chân, có cần, có râu nom dễ sợ, sẵn sàng nổ “đoàng”, biến Miếu Đồi thành mây khói. Các chú bộ đội lấy ra, đặt vào thùng gánh vào Xóm Mới như người bán gạo, bán mắm.

*
* *

Ông Bảy Hoá và ông Kiềm Lài đột ngột hiện ra ở xóm Cây Thị. Hai ông lên Miếu Đồi nhận những thùng chông sắt. Ông Bảy nhận thêm những vông gai, xẻng nhỏ, đợi đến khuya mang về Hoà Phước. Thầy Lê Hảo, ông Bốn Rì, ông Quý cũng có ở xóm Cây Thị. Người nào cũng nhanh chân nhanh tay làm không kịp thờ. Họ gặp anh Bốn Linh trao đổi chuyện riêng. Thầy Lê Hảo cùng anh Bốn Linh đi dọc bên đò dòm dòm ngó ngó. Ông Bốn Rì gặp anh Bốn Linh, vội vàng chạy ra bên đò giúp việc cất giấu những chiếc xuồng nhỏ, ông chạy lên Miếu Đồi lằng xằng giặt rửa giường chiếu, quét dọn xung quanh như sắp có lễ. Đột ngột, chị Tuyết Hạnh cũng về ở Miếu Đồi. Chị cười lém lỉnh:

- Về đây để dự giỗ tổ!

Tôi và chị Ba phải vào ngay Xóm Mới để nhận công tác mới. Đó là việc nấu ăn. Bộ đội đang tập trung, cần kiện toàn nhà bếp. Có đến năm mươi người ăn. Người nào cũng có vẻ quyết liệt, không thấy ai luyện tập ở thao trường, nhưng khi vào ăn người nào cũng toát mồ hôi. Có chú vừa nhai vừa nói nhiều chữ khó hiểu, nào là: địa điểm tập kết, đội hình, triển khai, hoả lực, tình huống, chặn viện... Chú Tám đang dự cuộc họp đến hỏi tôi về những hầm đất ở Hoà Phước. Ở Hoà Phước dọc hồ ao có những dốc đứng và những bậc đất. Dọc những nơi đó bọn chằn trâu khoét hầm chui vào ngôi chơi. Có chỗ đất trọt thành hốc. Chú Tám bảo tôi nhớ lại, và chỉ thật đúng chỗ có hốc. Chú đưa tôi đi nhìn lại mới thấy rõ ra toàn bộ Hoà Phước được thu lại trong mô hình. Nhà

cửa, đình chùa, đường ngang, đường dọc của Hoà Phước hiện ra trước mặt. Cái lô-cốt cũng không thiếu! Bộ đội đang họp. Khi tôi vào, tất cả im lặng. Tôi chỉ rõ những chỗ có hầm. Các chú làm dấu ghi lại rất tỉ mỉ. Chỉ xong, tôi được “giải phóng” về lại nhà bếp. Tôi với chị Ba phải xẻ mũi để thở mới làm hết việc. Ngoài bữa ăn còn phải nấu thêm bốn nồi cơm to, làm thêm một khay muối vừng. Phải làm cơm nắm. Cả lớp phải hành quân cấp tốc. Các chú đến nhận cơm nắm lúc vừa xẻ. Nhưng đến lúc mặt trời lặn họ mới xuất phát. Họ chia ra từng toán, mỗi toán ra đi cách nhau vài mươi phút. Họ lướt dọc chân đồi, im lặng, vai mang súng trường, lựu đạn móc quanh lưng. Hầu hết mang xềng sau hông. Vài người vác bọc phác. Mỗi toán khi lên khỏi dốc nhìn giống như đàn chim cất cánh bay về phía có rặng đỏ. Chú Tám, chú Vĩnh Xương và thằng Cù Lao đã đi hôm qua. Một số du kích của Hoà Phước đi ghép vào hai toán đầu. Toán cuối xuất phát lúc trời đêm trở lại im lặng.

Toán cuối cùng vừa đi xong, tôi và chị Ba được lệnh phải về ngay xóm Cây Thị. Chị Ba phải về gặp chị Tuyết Hạnh. Tôi phải ra đúng chỗ bến đò để gặp ông Bảy Hoá. Ông đang chờ tôi ở đó. Gặp để làm gì, tôi chưa cần biết, ra đến bến đò sẽ có lệnh mới.

Trăng thượng tuần bị lấp trong mưa lất phất. Dọc đường, những lùm cây lù lù cứ như muốn chụp lấy tôi và chị Ba. Chị Ba biết không có ma nhưng cứ run bần bật. Ra đến chỗ Miếu Đồi, trăng đã lặn. Bóng tối bỗng đặc lại. Tôi vấp ngã có đến mười lần mới gặp được ông Bảy Hoá. Ông Bảy đưa tôi đi dọc mé sông, gặp thầy Lê Hảo và mấy người đang đào hố. Tôi hỏi:

- Đào hố làm chi, ông Bảy?

Ông Bảy nói như quát:

- Xềng đây, đào cho mau! Không hỏi chi hết!

Tôi vấp phải một bó sợi bùng bùng. Đó là những chiếc võng:

- Võng để làm chi ông Bảy?

- Im! Có lệnh phát hoả mới nói được!

Mưa lất phất. Bên kia sông, Hoà Phước vẫn im lìm và bí mật. Pháo sáng ở đồn Giao Thuỷ chỉ loi phoi. Những người đào hầm vẫn làm việc im lặng. Tôi bắt đầu buồn ngủ, mắt cứ trĩu lại, bị ngã nhào. Có tiếng ông Bảy Hoá xuyt xuyt:

- Ồi! Cái thằng! Cái thằng hư quá!

Một tiếng nổ “đoàng” làm tôi bừng tỉnh. Ông Bảy reo lên:

- Lệnh phát hoả rồi!

Cái ngủ của tôi bay đâu mất! Từ chỗ lô-cốt, ánh lửa nhoáng nhoáng! Từng tràng đại liên nổ choang choác! Lửa loá ngay trước mặt. Sấm chớp quanh lô-cốt lập loè từ bốn bên ập lại. Một ánh chớp làm sáng cả mặt sông. Một tiếng nổ như xé tan mặt đất! Tôi bị giật bắn lên. Ông Bảy bật dậy:

- Bọc phác ta nổ rồi!

Tiếng nổ tiếp theo dồn dập.

Thầy Lê Hảo reo to:

- Quân ta xung phong rồi!

Đạn đại bác từ đồn Giao Thuỷ câu xuống, từ Ái Nghĩa bắn vào. Đạn bay vèo vèo như tiếng rú ma quỷ. Những đường đạn như những rắn lửa sáng rực chông chéo, thọc xuống bãi dâu, nổ “đoàng” lại biến mất. Mọi vật đều dần trở lại im lặng. Tất cả nín thở. Dọc Hoà Phước một vài ánh lửa chạy dồn về phía lô-cốt. Lô-cốt im lìm. Có tiếng reo hò từ bên kia sông. Tiếng reo hò rõ dần. Ông Bảy ra lệnh:

- Qua đồ anh em ơi! Qua đồ đưa thương binh về trạm!

Ông Bảy nhảy khỏi hầm. Chúng tôi vạch bụi lòi ra một chiếc xuồng, đẩy xuồng xuống nước, chèo gấp qua sông. Trong ánh đèn chớp choạng, bến Hoà Phước rộn rịp khác thường. Một toán lính giặc bị áp tải cố trèo lên một chiếc đồ đã chờ sẵn. Tôi thoáng thấy anh Bảy Hoàn và chú Tám cầm súng nhảy lên theo. Một chiếc cáng thương vừa ra đến bến. Có tiếng ông Kiềm Lài đang khiêng cáng hỏi to:

- Đồ thương binh đâu ?

- Có đây! Có đây!

Nhiều xuồng đã đến trước, đã chờ sẵn. Có tiếng thằng Cù Lao gọi tôi, nhưng rồi biến mất. Tiếng anh Bốn Linh gọi ông Bảy rất gấp đi chặn viện. Đã có ông Tư Đàm thế chân ông Bảy. Từ chỗ lô-cốt, tiếng reo hò, tiếng kêu gọi vang động khắp xóm làng. Đồng bào đang xông vào đập tan lô-cốt. Có bóng bà Bảy Đá chạy ra chạy vào chuyển vũ khí... Tôi toan nhảy lên bờ, nhưng ông Tư Đàm đã gọi lại, xuồng phải rời bến gấp. Xuồng ra đến giữa sông, trời bắt đầu sáng. Tôi quay nhìn lại Hoà Phước. Bãi sông, bến nước, cây sung hiện ra mỗi lúc càng rõ nét. Bóng dáng cái lô-cốt đã mất. Cái lô-cốt quái dị sống ở Hoà Phước được mười tám tháng. Lễ khai tử của nó như vậy vừa làm xong. Đây cũng chỉ là lễ giáo đầu, một quả đấm đầu tay vào bọn giặc, vì bà con Hoà Phước cùng đồng bào toàn quốc còn phải đánh giặc suốt hai mươi năm sau này nữa.

Tôi nhìn ra xa. Mưa tạnh! Quê nội thương yêu dần dần hiện ra rục rờ! Sông Thu Bồn vẫn long lanh. Núi Phước Tường, dãy Cu Đê, núi Cà Tang, hòn Đèn hiện lên thành một dãy dài như những anh em bá vai nhau đi về một phía. Sông với núi với bãi dâu cồn cát càng thấy rõ nét, như sát gần nhau lại.

Hết